

JULIE OTSUKA

A BEST BOOK OF THE YEAR
A NEW YORK TIMES NOTABLE BOOK

Phật

Ở TÀNG ÁP MÁI

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



Julie Otsuka là người Mỹ gốc Nhật Bản. Bà sinh ra và lớn lên ở California. Bà từng tốt nghiệp Đại học Yale. Bà là tác giả của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *When the Emperor was Divine* (Khi hoàng đế là thánh thần), tác phẩm được trao Giải thưởng Văn học châu Á ở Mỹ, Giải thưởng văn học Alex của Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ và Giải thưởng của quỹ học bổng Guggenheim. Hiện Julie Otsuka đang sống ở New York.



SKOKIE PUBLIC LIBRARY



3 1232 00756 5601

Phát
Ở TÀNG ÁP MÁI

SEP

2014

WITHDRAWN

36779

AMERICAN LIBRARY

1875 502

UNIVERSITY OF MICHIGAN

Digitized by the Internet Archive
in 2023 with funding from
Kahle/Austin Foundation

JULIE OTSUKA

A BEST BOOK OF THE YEAR
A NEW YORK TIMES NOTABLE BOOK

Phật Ở TÀNG ÁP MÁI

Tiểu thuyết

Người dịch: Nguyễn Bích Lan

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Người Nhật, hãy đến nhé!



trên tàu chúng tôi hầu hết đều là gái trinh. Chúng tôi đều có mái tóc đen dài, đôi chân to, đầy đặn và không được cao ráo lắm. Vài người trong số chúng tôi khi còn nhỏ không ăn gì ngoài cháo nấu sương, có đôi chân hơi vòng kiềng, và một số người chỉ mới mười bốn tuổi, vẫn còn là những cô bé. Vài người là dân thành thị, mặc đẹp, nhưng đa số chúng tôi đến từ các vùng nông thôn và ở trên tàu chúng tôi đều mặc những chiếc áo kimono cũ kỹ mà chúng tôi đã mặc trong nhiều năm - những chiếc kimono chúng tôi mặc lại của chị gái mình và là những chiếc áo đã bị vá đôi chỗ, được nhuộm đi nhuộm lại nhiều lần. Vài người trong chúng tôi đến từ những vùng núi cao, chưa từng nhìn thấy

biển bao giờ, ngoại trừ biển trong những bức tranh, và có những người là con của những ngư dân cả đời vật lộn với biển. Có lẽ vài người trong chúng tôi có anh trai hoặc cha đi biển mãi mãi không trở về, hoặc có người yêu hoặc người thân đã lội xuống biển vào một buổi sáng buồn và bơi ra xa, xa mãi và giờ đây đến lượt chúng tôi lên đênh trên biển.

Ở trên tàu, điều đầu tiên chúng tôi làm - trước khi xác định được mình thích ai và không thích ai, trước khi kể cho nhau nghe mình đến từ hòn đảo nào, và tại sao chúng tôi lại ra đi, thậm chí trước khi chúng tôi biết tên của nhau - là đem so những bức ảnh chụp chồng của chúng tôi. Chồng của chúng tôi là những người đàn ông trẻ mắt đen, tóc rậm, da mịn màng, không hề có vết nám. Họ là những người đàn ông có khuôn cằm vuông vức toát lên vẻ cương nghị và mạnh mẽ. Dáng dấp của họ dễ coi. Mũi của họ thẳng và cao. Họ trông giống như những người anh, những người cha của chúng tôi ở nhà, chỉ có điều họ mặc đẹp hơn, trông thật bảnh bao và lịch sự trong những chiếc khoác màu xám và những bộ vét ba mảnh may kiểu Tây. Vài người trong số họ chụp ảnh trong lúc đang đứng trên lối đi dạo ở mặt trước của một ngôi nhà gỗ có khung hình chữ A với hàng rào được sơn trắng và

bãi cỏ được xén tỉa kỹ càng, và một số người đang đứng bên cạnh những chiếc xe Ford Model T. Vài người đang ngồi trong văn phòng trên những chiếc ghế có lưng tựa cao, đan những ngón tay vào nhau, nhìn thẳng vào ống kính với vẻ tự tin như thể họ đã sẵn sàng gánh vác cả thế giới. Tất cả họ đều đã hứa sẽ có mặt ở đó - San Francisco, đợi chúng tôi khi tàu cập cảng.

Ở trên tàu chúng tôi băn khoăn một điều: Liệu chúng tôi có thích họ không? Chúng tôi có yêu họ không? Khi chúng tôi nhìn thấy họ trên bến cảng chúng tôi có nhận ra họ là người trong ảnh hay không?

Ở trên tàu chúng tôi ngủ ở khoang hạng bát, bốn tầng và tối tăm. Giường của chúng tôi là những cái giá gác bằng kim loại chật hẹp được xếp theo kiểu giường tầng, chiếc nệm ở trên chiếc kia, còn đệm của chúng tôi thì cứng, mỏng, loang lổ những vết ố bẩn của những cuộc hành trình khác, những phận người khác. Gối của chúng tôi là những chiếc gối được nhồi bằng rơm khô. Những mẫu thức ăn vương vãi giữa những chiếc giường và sàn tàu thì ẩm ướt và khá trơn. Có một ô cửa sổ ở mạn tàu và vào buổi tối, sau khi cái cửa sập ấy đã đóng lại, trong bóng tối khoang tàu hạng bát của chúng tôi đầy những tiếng thì thầm. *Làm chuyện đó có đau*

không? Những tấm thân trần trọc bên dưới những tấm chăn. Biển dập dềnh. Không khí ẩm thật ngọt ngào. Ban đêm chúng tôi mơ về những người chồng. Chúng tôi mơ về những đôi guốc mới, những súc lụa màu chàm và mơ về cuộc sống mới, về một ngày của mình ở trong một ngôi nhà có ống khói. Chúng tôi mơ mình trở nên xinh xắn dễ thương và cao ráo. Chúng tôi mơ mình được trở lại những cánh đồng lúa, nơi mà chúng tôi thực sự đã muốn trốn khỏi. Những giấc mơ về cánh đồng luôn là những cơn ác mộng. Chúng tôi mơ về những người chị xinh đẹp hơn, lớn hơn mình, những người đã bị cha chúng tôi bán đi làm kỹ nữ để những thành viên còn lại của gia đình có cái ăn, và khi chúng tôi tỉnh giấc chúng tôi thở hổn hển: *Trong một giây mình đã nghĩ mình là chị ấy.*

Trong vài ngày đầu tiên ở trên tàu chúng tôi bị say sóng và không thể tiêu hóa nổi thức ăn, phải lết ra lan can tàu hết lần này đến lần khác để nôn. Vài người trong chúng tôi chóng mặt đến nỗi không thể bước nổi, cứ nằm bẹp trên giường trong tình trạng mê man, không thể nhớ nổi tên mình, không buồn nhắc đến tên của người chồng tương lai. *Hãy nhắc tôi thêm một lần nữa để tôi nhớ, tôi là bà... bà gì nhỉ?* Vài người trong chúng tôi vừa ôm bụng vừa thốt ra những lời cầu khẩn thần Kannon,

nữ thần của lòng nhân từ - *Nữ thần ơi, Người đang ở đâu?* - trong khi những người khác thích ghìm sự tức giận trong im lặng. Và thường thì, vào nửa đêm, chúng tôi bị những cơn sóng cồn làm cho xóc nảy người đến mức phải tỉnh giấc và trong những giây đầu tiên dứt khỏi giấc ngủ chúng tôi ngơ ngác không biết mình đang ở đâu, không biết tại sao giường của chúng tôi lại không ngừng rung lắc, không biết tại sao tim chúng tôi lại đập loạn xạ. *Động đất* là ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu chúng tôi. Chúng tôi đưa tay tìm mẹ, người mà chúng tôi đã ngủ trong vòng tay cho đến tận buổi sáng chúng tôi rời nhà ra đi. Bây giờ mẹ của chúng tôi đang ngủ chăng? Họ có đang mơ không? Họ có nghĩ đến chúng tôi ngày cũng như đêm không? Hay họ vẫn đang lầm lũi bước đi sau cha của chúng tôi ba bước trên đường, ôm những gói, những bọc trong khi những người cha cứ nhàn nhã đi không, chẳng phải mang vác thứ gì? Họ có thầm ghen tị với chúng tôi vì chúng tôi đã lên tàu đi xa hay không? Chẳng phải mẹ đã cho con tất cả sao? Liệu mẹ của chúng tôi có nhớ đem phơi những chiếc áo kimono cũ của chúng tôi không? Họ có nhớ cho mèo ăn không? Liệu các bà mẹ có chắc rằng họ đã nói cho chúng tôi tất cả những điều chúng tôi cần phải biết không? *Phải nâng tách trà bằng cả hai*

tay, phải tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời, đừng bao giờ nói nhiều hơn mức cần thiết, mẹ đã dặn chúng tôi như thế.

Hầu hết chúng tôi ở trên tàu đều được dạy bảo và căn dặn kỹ lưỡng, và đều chắc chắn rằng mình sẽ trở thành một người vợ tốt. Chúng tôi biết nấu ăn và khâu vá. Chúng tôi biết pha trà và cắm hoa, biết ngồi yên trên đôi chân to của mình trong nhiều giờ, biết im lặng tuyệt đối. *Một cô gái phải để mình lẫn vào với căn phòng: cô ta có mặt mà không cần phải xuất hiện để chứng tỏ mình đang ở đó.* Chúng tôi biết cách ứng xử trong đám tang, biết viết những bài thơ ngắn u buồn về sự ra đi của mùa thu, những bài thơ thuộc một thể loại thơ mà mỗi bài chỉ có đúng mười bảy âm tiết. Chúng tôi biết nhổ cỏ, chẻ củi, múc nước giếng, và một người trong chúng tôi - con gái của một người xay xát gạo - có thể cuốc bộ hai dặm tới thị trấn với bao gạo tám mươi cân⁽¹⁾ trên lưng mà không thấm mệt. *Tất cả là nhờ cách bạn thở.* Hầu hết chúng tôi đều có thái độ tốt, cực kỳ lịch thiệp, trừ khi chúng tôi nổi điên và nói tục như thủy thủ. Hầu hết chúng tôi đều nói năng như những tiểu thư trong phần lớn thời gian, bằng giọng nói thanh thoát, trong trẻo, đều giả vờ rằng mình ngây thơ hơn vốn có, và bất cứ khi nào

⁽¹⁾ Cân ở đây là cân Anh: 1 cân = 0,450 kg.

chúng tôi đi qua chỗ các chàng thủy thủ, chúng tôi đều đảm bảo rằng mình bước những bước nhỏ, yếu điệu với những ngón chân khép vào theo kiểu đi đứng đoan trang. Bởi vì đã nhiều lần mẹ của chúng tôi nói với chúng tôi: *Hãy bước đi như người thành phố, đừng đi như người nhà quê!*

Ở trên tàu, đêm đêm chúng tôi chen chúc nhau trên những chiếc giường tầng và thức nhiều giờ bàn tán về cái lục địa lạ lẫm mà chúng tôi sắp đặt chân tới. Người ta nói dân ở lục địa ấy không ăn gì ngoài thịt và người họ đầy lông (hầu hết chúng tôi là người theo đạo Phật, không ăn thịt, và chỉ có lông ở những chỗ thích hợp mà thôi). Người ta nói cây ở đó to lắm. Những cánh đồng ở đó rộng mênh mông. Phụ nữ ở đó thích nói to và rất cao - chúng tôi nghe nói phụ nữ ở đó cao hơn người đàn ông cao nhất ở xứ chúng tôi một cái đầu. Ngôn ngữ ở đó khó học hơn ngôn ngữ của chúng tôi gấp mười lần và các phong tục ở đó lạ lùng đến mức không thể hiểu nổi. Những cuốn sách ở đó được đọc ngược và ở đó người ta sử dụng xà phòng để tắm. Người ở đó hỉ mũi vào những mảnh vải bẩn, hỉ mũi xong lại nhét thứ mà họ vừa dùng để lau mũi vào túi quần để rồi sau đó lại lấy ra lau tiếp, hết lần này đến lần khác. Ở đó tương phản với màu trắng không phải là màu đỏ mà là màu đen. Chúng tôi tự

hỏi không biết mình sẽ trở thành gì ở cái xứ lạ lùng đó? Chúng tôi hình dung ra mình - những con người bé nhỏ đến mức bất bình thường chẳng được trang bị gì ngoài những cuốn sách hướng dẫn - đặt chân lên một đất nước của những người khổng lồ. Chúng tôi có bị họ cười cho thối mũi không nhỉ? Chúng tôi có bị họ nhổ bọt không nhỉ? Hay, tệ hơn, người ta sẽ không tỏ ra nghiêm túc với chúng tôi chút nào? Nhưng ngay cả người e ngại nhất trong chúng tôi cũng phải thừa nhận rằng thà lấy một người lạ ở Mỹ còn hơn là sống đến già với một nông dân trong làng. Bởi vì ở Mỹ phụ nữ không phải đụng tay vào việc đồng áng lam lũ, ở đó có thừa lúa gạo và củi đốt cho tất cả mọi người. Và ở Mỹ, dù bạn đi đâu, đàn ông cũng mở cửa, nhắc mũ để chào, nói một cách đồng dạng và lịch sự: “Ưu tiên phụ nữ” và “Xin mời đi trước tôi”.

Vài người trong chúng tôi là dân Kyoto, mảnh khảnh và trắng trẻo, từ khi sinh ra chỉ sống trong những căn phòng tối của khu nhà phụ của những gia đình khá giả. Vài người trong chúng tôi đến từ Nara, mỗi ngày cầu khẩn tổ tiên ba lần, thề rằng dù ở trên tàu chúng tôi vẫn nghe văng vẳng bên tai tiếng chuông đền thờ ngân nga. Vài người trong chúng tôi là con nhà nông ở Yamaguchi có cổ tay to, đôi vai rộng chưa bao giờ đi ngủ sau chín

giờ. Vài người trong chúng tôi đến từ một bản nhỏ trên núi cao ở Yamanashi và chỉ mới đây thôi mới có dịp nhìn thấy một đoàn tàu hỏa lần đầu tiên trong đời. Vài người trong chúng tôi là dân Tokyo đã được thấy đủ thứ, nói thứ tiếng Nhật chuẩn và hay, không lẫn với những người của vùng khác. Nhiều người trong chúng tôi đến từ Kagoshima, nói giọng miền Nam đặc sệt đến nỗi những người đến từ Tokyo làm như không hiểu chúng tôi nói gì. Vài người trong chúng tôi đến từ Hokkaido, nơi có tuyết trắng và khí hậu lạnh giá, và chắc chắn trong suốt những năm dài chúng tôi sẽ vẫn còn mơ đến bức tranh phong cảnh trắng xóa quen thuộc của quê hương mình. Vài người trong chúng tôi đến từ Hiroshima, thành phố mà sau đó đã bị nổ tung, và chúng tôi may mắn, may mắn đang ở trên tàu, và tất nhiên khi đó chúng tôi không hề biết điều đó. Người trẻ nhất trong số chúng tôi mới mười hai tuổi, đến từ bờ đông của Hồ Biwa, và thậm chí còn chưa có kinh nguyệt. *Cha mẹ em đã bắt em kết hôn với người bên đó để lấy một khoản tiền.* Cô gái già nhất trong số chúng tôi đã ba mươi bảy tuổi, đến từ Niigata, người đã dành cả đời mình chăm sóc người cha tàn tật, và khi người cha chết đi đưa con gái lẽ thì vừa vui mừng vừa đau buồn. *Tôi biết rằng chỉ khi cha tôi*

chết đi tôi mới có thể lấy chồng. Một người trong số chúng tôi đến từ Kumamoto, nơi không còn một người đàn ông thích hợp nào để lấy làm chồng - tất cả những người đàn ông chưa vợ đều đã bỏ làng đi tìm việc ở Manchiria từ năm trước - và cảm thấy may mắn vì dù gì mình cũng đã kiếm được một tấm chồng, méo mó có hơn không. Tôi nhìn ảnh của anh ấy một cái và nói với bà mối: "Tôi đồng ý". Một người trong số chúng tôi đến từ một làng dệt lụa ở Fukushima, đã mất người chồng đầu tiên vì bệnh cúm, mất người chồng thứ hai vì một người phụ nữ trẻ đẹp hơn mình sống ở bên kia đồi, và giờ đây chị sang Mỹ để cưới người chồng thứ ba. Anh ấy khỏe mạnh, không nghiện rượu, không đánh bạc, tôi chỉ cần biết như vậy là đủ. Một người trong chúng tôi từng là gái nhảy ở Nagoya, một cô gái ăn mặc đẹp, có nước da trắng xanh, biết tất cả mọi điều về đàn ông, và cô chính là người mà tối nào chúng tôi cũng vây lấy để hỏi về chuyện ấy. Chuyện đó diễn ra trong bao lâu? Khi làm chuyện đó người ta để đèn hay tắt đèn? Chân để cao hay để thấp? Nhắm mắt hay mở mắt? Nếu đang làm chuyện đó mà tôi không thở được thì làm thế nào? Nếu tôi cảm thấy khát thì sao? Nếu anh ấy quá nặng thì phải làm gì? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh ấy quá to? Phải làm gì nếu anh ấy không

muốn tôi? “Đàn ông thực ra khá đơn giản”, cô ấy nói. Rồi cô ấy bắt đầu giải thích.

Ở trên tàu thỉnh thoảng chúng tôi thức chong chong suốt nhiều giờ trong bóng tối của khoang tàu lắc lư, ẩm ướt, chất ngất niềm khát khao và nỗi sợ hãi, tự hỏi không biết làm thế nào chúng tôi có thể sống sót được qua ba tuần lênh đênh trên biển.

Ở trên tàu chúng tôi mang theo tất cả những gì mình cần cho cuộc sống mới trong những chiếc rương: Những chiếc áo kimono bằng lụa trắng để mặc trong đêm tân hôn, những chiếc kimono bằng vải bông nhiều màu để mặc ngày thường; những chiếc kimono bằng vải bông một màu để mặc khi chúng tôi luống tuổi, những chiếc bút lông, những thỏi mực đen, những tờ giấy mỏng để chúng tôi viết những lá thư dài gửi về nhà, bức tượng Phật bằng đồng nhỏ xíu, những bức tượng thần cáo làm bằng ngà voi, những con búp bê mà chúng tôi đã ngủ cùng từ thuở lên năm, những chiếc túi đựng đường, những mảnh vải bông chần sắc sỡ, những chiếc quạt giấy, những cuốn sách dành cho người học tiếng Anh, những chiếc khăn lụa in hoa, những viên đá nhẫn thín được nhặt từ con sông chảy qua phía sau nhà của chúng tôi ở Nhật, một lọn tóc của người con trai mà chúng tôi đã từng chạm vào, từng yêu, và đã hứa sẽ viết thư cho, mặc dù chúng

tôi biết sẽ chẳng bao giờ chúng tôi làm điều đó, những chiếc gương chúng tôi nhận từ mẹ của mình, người đã nói những lời cuối cùng trước khi tiễn biệt con gái và những lời đó giờ đây vẫn văng vẳng bên tai chúng tôi. *Rồi con sẽ thấy: Đàn bà thì yếu đuối, nhưng những người mẹ thì mạnh mẽ.*

Ở trên tàu chúng tôi phàn nàn về tất cả mọi thứ. Rệp. Chấy. Chúng mất ngủ. Tiếng phành phạch nhàm chán của động cơ tàu không lúc nào dứt bên tai chúng tôi, thậm chí ngay cả trong giấc mơ chúng tôi cũng nghe thấy âm thanh khó chịu đó. Chúng tôi phàn nàn về mùi hôi thối của nhà xí - những cái hố lớn, hở toang hoác, xả chất thải thẳng xuống biển - và phàn nàn về mùi của cơ thể đang ở độ chín của mình, thứ mùi mà cứ qua ngày lại thêm chua, thêm hăng. Chúng tôi phàn nàn về thái độ khó gần của Kazuko, về thói quen hăng giọng của Chiyo, về cái cách Fusayo luôn miệng ngậm nga bài *Bài ca của người hái chè* khiến chúng tôi nghe mãi thành ra bực muốn phát điên. Chúng tôi phàn nàn về sự biến mất của những chiếc trâm cài tóc - ai trong chúng tôi là kẻ trộm? - và phàn nàn về những cô gái ở toa hạng nhất, những người không một lần thốt ra lời chào từ bên dưới những chiếc ô lụa che nắng màu tím nhạt khi họ đi qua chỗ chúng tôi trên boong tàu. *Họ nghĩ mình lại ai*

chứ? Chúng tôi phàn nàn về cái nóng. Về cái lạnh. Về những chiếc chăn len gây ngứa ngáy. Chúng tôi phàn nàn về thói hay phàn nàn của chính mình. Tuy nhiên, từ sâu thẳm trong lòng, hầu hết chúng tôi cảm thấy thực sự rất hạnh phúc, vì chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ được ở trên đất Mỹ cùng với những người chồng mới của mình, những người đã viết thư cho chúng tôi nhiều lần trong nhiều tháng. Anh đã mua một căn nhà đẹp. Em có thể trồng hoa tulip ở trong vườn. Hoa thủy tiên vàng. Trồng bất cứ hoa gì em thích. Anh có một trang trại. Anh quản lý một khách sạn. Anh là giám đốc của một ngân hàng lớn. Anh đã rời Nhật Bản vài năm trước để bắt đầu công việc kinh doanh của mình và có thể lo cho em chu đáo. Anh cao 179 xen-ti-mét, không mắc bệnh phong hay bệnh phổi và trong gia đình anh không có tiền sử bệnh tâm thần. Anh là người gốc Okayama. Anh là người gốc Hyogo. Anh là người Miyagi. Anh là người Shizuoka. Anh lớn lên ở một ngôi làng gần làng của em và nhiều năm trước anh đã gặp em một lần tại một hội chợ. Anh sẽ gửi tiền để em mua vé tàu sớm nhất có thể.

Ở trên tàu chúng tôi để ảnh của chồng tương lai trong những khung ảnh hình trái tim nhỏ xíu gắn trên dây chuyền đeo cổ. Chúng tôi để ảnh của chồng trong những chiếc ví lụa và trong những

hộp đựng trà cũ, trong những chiếc hộp sơn mài màu đỏ và trong những chiếc phong bì màu nâu dày cộp được gửi từ Mỹ sang và đó cũng chính là những chiếc phong bì mà họ đã gửi ảnh sang cho chúng tôi. Chúng tôi để ảnh của chồng trong tay áo kimono, nơi mà chúng tôi chạm vào thường xuyên, chỉ để đảm bảo rằng ảnh vẫn ở đó. Chúng tôi để ảnh của chồng giữa những trang của cuốn *Hãy đến đi, người Nhật!* và cuốn *Sách hướng dẫn dành cho những người đến nước Mỹ*, và cuốn *Mười cách để làm vui lòng một người đàn ông*, những cuốn Kinh Phật đã cũ, và một người trong số chúng tôi, cô gái theo đạo Thiên Chúa, ăn thịt và cầu nguyện trước một vị thần tóc dài khác với những vị thần mà chúng tôi thờ phụng, để ảnh chồng tương lai của cô giữa những trang của một cuốn Kinh thánh có tên là King James. Và khi chúng tôi hỏi cô thích người nào hơn - người đàn ông trong ảnh hay Chúa Jesus - cô mỉm cười một cách bí ẩn và đáp: “Tất nhiên là Ngài chứ”.

Ở trên tàu, vài người trong chúng tôi có những bí mật mà chúng tôi thề sẽ giữ kín không cho chồng biết cho đến hết đời. Có lẽ lý do thực sự khiến chúng tôi lên tàu sang Mỹ là để tìm kiếm người cha đã biệt tăm biệt tích của mình, người đã bỏ gia đình từ nhiều năm trước. *Bố tôi đi Woming*

để làm việc ở mỏ than và chúng tôi không bao giờ nhận được tin tức gì của ông nữa. Hoặc có lẽ chúng tôi bước chân ra đi bỏ lại phía sau một đứa con gái nhỏ, con của một người cha mà ngay đến khuôn mặt chúng tôi cũng không nhớ nổi - một người kể chuyện lang bạt kỳ hồ chỉ dừng chân ở làng của chúng tôi một tuần, hoặc một thầy tu khát thực, người đã ở lại trong nhà của chúng tôi một đêm trên đường tới núi Phú Sĩ. Và thậm chí chúng tôi biết cha mẹ của chúng tôi sẽ chăm sóc những đứa con bị bỏ lại ấy tử tế - họ cảnh báo: *Nếu mày ở lại cái làng này thì mày sẽ không bao giờ lấy chồng được đâu* - chúng tôi vẫn cảm thấy có lỗi vì đã lựa chọn sống vì bản thân mình hơn là vì con, và ở trên tàu đêm nào chúng tôi cũng khóc vì thương con để rồi một buổi sáng chúng tôi thức dậy, lau nước mắt nói: “Khóc thế đủ rồi”, và bắt đầu nghĩ đến những điều khác. Nghĩ mình sẽ mặc chiếc kimono nào khi đặt chân lên đất Mỹ. Nghĩ mình sẽ để tóc kiểu gì. Nghĩ mình sẽ nói gì trong lần đầu tiên gặp chồng. Bởi vì bây giờ chúng tôi đang ở trên tàu nên quá khứ đã lùi về phía sau chúng tôi, lùi mỗi lúc một xa và chúng tôi không còn đường quay về nữa.

Trên tàu chúng tôi không biết rằng cho đến tận lúc nhắm mắt xuôi tay chúng tôi vẫn sẽ không ngừng mơ về đứa con mà mình bỏ lại phía sau, và

không biết rằng trong giấc mơ con của chúng tôi luôn là đứa bé ba tuổi như lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy con: một hình hài bé nhỏ trong bộ kimono màu đỏ sẫm ngồi bên bờ ao, say sưa nhìn xác của một con ong nổi lềnh bềnh trên mặt nước.

Ở trên tàu ngày nào cũng như ngày nào chúng tôi đều ăn một loại thức ăn và ngày nào chúng tôi cũng phải hít thở một bầu không khí không thay đổi. Chúng tôi hát đi hát lại những bài hát cũ mèm, cười trước những câu đùa mà chúng tôi đã nghe đi nghe lại nhiều lần và vào buổi sáng khi thời tiết ôn hòa, chúng tôi trèo ra khỏi khoang tàu chật chội đi dạo trên boong tàu trong chiếc kimono mùa hè, kéo lê những chiếc guốc gỗ dưới chân, dừng lại ở chỗ này, chỗ kia một lát, hoặc nhìn đắm đắm ra mặt biển xanh vô tận. Thỉnh thoảng một con cá nhảy bật khỏi mặt nước rơi phịch xuống chỗ chúng tôi đứng, và một người trong số chúng tôi - thường thì chính là con gái của một ngư dân - nhặt con cá lên và quăng nó xuống nước, trả nó trở về với biển khơi. Hoặc có khi cả đàn cá heo không rõ từ đâu bất ngờ xuất hiện nhảy lên nhảy xuống bên mạn tàu nhiều giờ liền. Vào một buổi sáng yên ả, im gió, khi biển phẳng lặng như mặt kính còn bầu trời thì ngời ngời một màu xanh tươi sáng, cái mình đen bóng mượt của một con cá voi bỗng nhô

lên khỏi mặt nước rồi biến mất khiến chúng tôi bị bất ngờ đến mức quên thở. *Cảm giác đó hết như cảm giác khi bạn nhìn vào mắt của Đức Phật vậy.*

Ở trên tàu chúng tôi thường đứng trên boong hàng giờ để gió đùa với những sợi tóc của mình trong khi nhìn những hành khách khác đi qua đi lại. Chúng tôi nhìn những người theo đạo Sikh đội khăn xếp đến từ Punjab, những người rời bỏ quê hương mình để tới Panama. Chúng tôi nhìn những người Nga da trắng, những người đã trốn khỏi đất nước họ vì cuộc cách mạng đang nổ ra ở đó. Chúng tôi nhìn những người lao động Trung Quốc xuất phát từ Hồng Kông và sẽ đến Peru để làm việc trên những cánh đồng trồng bông. Chúng tôi thấy Vua Lee Uwanowich và nhóm Gypsy nổi tiếng của ông, những người sở hữu cả một nông trại gia súc ở Mexico và được cho là nhóm Gypsy giàu nhất thế giới. Chúng tôi thấy một nhóm ba khách du lịch người Đức có nước da rám nắng và một vị mục sư điển trai người Tây Ban Nha, một người Anh hồng hào tươi tắn tên là Charles, người mà trưa nào cũng xuất hiện ở lan can tàu vào lúc ba giờ mười lăm, đi dạo dọc boong tàu vài lượt. Charles là hành khách của khoang hạng nhất, có đôi mắt màu xanh lục và cái mũi khá nhọn, nói tiếng Nhật không chê vào đâu được, là người da trắng đầu tiên mà nhiều

người trong số chúng tôi từng nhìn thấy trong đời. Ông là Giáo sư giảng dạy ngoại ngữ tại một trường đại học ở Osaka, lấy vợ người Nhật, đã có một con, đã từng sang Mỹ nhiều lần, và là người thể hiện sự kiên nhẫn vô bờ trước những câu hỏi tưởng chừng như không bao giờ cạn của chúng tôi. Có đúng là người Mỹ rất nặng mùi không? (Charles cười thành tiếng và nói: “Nào, ngửi xem tôi có nặng mùi không nào?” và ông nghiêng người tới gần cho chúng tôi ngửi). Người họ nhiều lông lắm phải không? (“Nhiều lông như tôi đây này”. Charles đáp và vén tay áo lên cho chúng tôi xem cánh tay ông, đôi cánh tay đầy những sợi lông màu nâu sẫm khiến chúng tôi rùng mình). Và có thật là họ mọc lông ở ngực không? (Charles đỏ mặt và nói rằng ông không thể cho chúng tôi xem ngực được, và chúng tôi cũng đỏ mặt, giải thích rằng chúng tôi đâu có yêu cầu ông cho chúng tôi xem ngực). Có phải ở Mỹ vẫn còn những bộ lạc của thổ dân da đỏ lang thang khắp các đồng cỏ không? (Charles nói với chúng tôi rằng thổ dân da đỏ đã được đưa đến những vùng xa xôi, vậy là chúng tôi thở phào nhẹ nhõm). Có thật là phụ nữ ở Mỹ không quý trước mặt chồng và không che miệng khi họ cười không? (Charles dỗi ánh mắt xa xăm nhìn một con tàu đang di chuyển ở phía chân trời, thở dài và nói:

“Thật đáng buồn, quả đúng như vậy”). Có phải đàn ông và phụ nữ ở Mỹ má kề má khiêu vũ thâu đêm không? (Chỉ vào những tối thứ Bảy thôi, Charles giải thích). Nhảy theo kiểu Mỹ khó lắm phải không? (Charles nói các điệu nhảy ở bên ấy dễ thôi, và vào tối sáng trăng hôm sau, trên boong tàu, ông ấy dạy chúng tôi nhảy điệu fox-trot. Chậm, chậm, nhanh, nhanh). Có đúng là trung tâm mua sắm của thành phố San Francisco lớn hơn quận Ginza không? (Tất nhiên rồi, tại sao không). Nhà ở Mỹ to hơn nhà ở Nhật gấp ba lần, có đúng không? (Đúng vậy). Nhà nào ở Mỹ cũng có một cây đàn dương cầm được đặt ở phòng khách phải không? (Charles nói, đúng hơn là cứ hai nhà thì một nhà có đàn dương cầm). Chúng tôi hỏi, ông có nghĩ chúng tôi sẽ hạnh phúc trên đất Mỹ không? (Charles gỡ cặp kính ra, nhìn chúng tôi bằng đôi mắt màu xanh lục dễ thương và nói: “Ồ, có chứ, có chứ”).

Ở trên tàu vài người chúng tôi không thể không trở nên gần gũi với cánh thủ thủy, những người xuất thân từ làng quê giống như chúng tôi, thuộc lời của tất cả những bài hát mà chúng tôi hát, và hết lần này đến lần khác cầu hôn chúng tôi. *Chúng em là gái đã có chồng*, chúng tôi giải thích như vậy, nhưng vài người trong chúng tôi lại phải lòng họ. Và khi họ ngỏ ý muốn gặp riêng chúng tôi - vào buổi tối ở

boong giữa đúng mười giờ mười lăm - chúng tôi nhìn đắm đắm xuống chân mình một lát rồi hít vào thật sâu và nói: “Được”, và đó là một điều nữa mà chúng tôi sẽ không bao giờ kể cho chồng mình biết. *Ôi, cái cách anh ấy nhìn mình, sau đó chúng tôi nghĩ thầm. Anh ấy có nụ cười dễ thương thế.*

Ở trên tàu một người trong chúng tôi có thai nhưng không biết là mình đã mang thai, và chín tháng sau, khi đứa trẻ chào đời điều đầu tiên cô gái đó chú ý đến là, liệu đứa trẻ giống người chồng mới của mình lắm không. *Nó có đôi mắt của anh ấy.* Một người trong số chúng tôi nhảy xuống biển sau khi đã qua đêm với một chàng thủy thủ, để lại một mảnh giấy trên gối có ghi mấy chữ: *Sau anh ấy, không thể có người đàn ông nào khác nữa.* Một người khác phải lòng một nhà truyền giáo của Hội thánh Tin lành Giám Lý mà cô gặp trên boong tàu, và mặc dù người đó van xin cô hãy bỏ chồng để đến với anh khi họ tới Mỹ, cô đã nói với anh rằng cô không thể làm như vậy. “Em phải trung thành với số mệnh của em”, cô nói với người yêu. Nhưng trong suốt phần còn lại của cuộc đời cô luôn tự hỏi, cuộc sống của cô sẽ như thế nào nếu như cô theo nhà truyền đạo đó.

Ở trên tàu vài người trong số chúng tôi hay suy nghĩ ủ ê, thích ở một mình, gần như trong suốt

cuộc hành trình, ngày nào cũng như ngày nào chỉ nằm úp mặt trên giường, nghĩ đến tất cả những người đàn ông mình đã bỏ lại phía sau. Con trai của người bán trái cây, người luôn giả bộ không để ý đến chúng tôi, nhưng lại giúi cho chúng tôi những trái quýt khi mẹ của chàng không có mặt ở cửa hàng. Hoặc người đàn ông đã có vợ mà một người trong chúng tôi đã từng đứng đợi trên cầu trong mưa gió, vào lúc đêm khuya trong suốt hai tiếng đồng hồ. Và còn gì nữa nhỉ? Một nụ hôn và một lời hứa: “Ngày mai anh sẽ lại đến”, người đàn ông đó nói. Và mặc dù chúng tôi chưa bao giờ gặp lại người đàn ông đó chúng tôi biết chuyện đó sẽ lặp lại nếu như chúng tôi có cơ hội bởi vì ở bên người ấy tựa như được sống lần đầu tiên trong đời, một phần đời tốt đẹp hơn. Và thường thì khi chúng tôi sắp chìm vào giấc ngủ, chúng tôi nhận ra mình đang nghĩ về cậu con trai nông dân mà trưa nào chúng tôi cũng trò chuyện trên đường từ trường về nhà - cậu con trai khôi ngô ở làng bên, người có đôi bàn tay có thể dễ dàng cả những hạt búống bình nhất nảy mầm trên đồng ruộng - và nghĩ về cái cách mẹ của chúng tôi, người biết tất tuốt mọi chuyện, có thể đọc được ý nghĩ trong đầu chúng tôi, đã nhìn chúng tôi như thể chúng tôi bị điên. *Mày muốn bán mặt cho đất bán lưng cho trời*

trên đồng ruộng cho đến lúc chết ư? (Chúng tôi có lương lự đấy chứ không phải không, và gần như sắp trả lời, vâng, bởi vì chẳng phải chúng tôi luôn mơ trở thành người như mẹ của chúng tôi hay sao? Chẳng phải đó là tất cả những gì chúng tôi đã từng muốn trở thành ư?).

Ở trên tàu mỗi chúng tôi đều phải lựa chọn. Chúng tôi ngủ ở đâu và ai là người đáng tin cậy, ai là người mình nên đối xử tốt, và đối xử tốt với người đó bằng cách nào. Có hay không nên nói điều gì đó với người nằm bên cạnh, người ngáy to hoặc hay nội mê, người có đôi chân hôi hơn chân chúng tôi, người vứt quần áo bẩn bừa bãi trên sàn. Và nếu một cô gái hỏi, trông tớ có xinh không? khi cô ấy để tóc theo một kiểu nào đó - kiểu mái hiên gie ra chẳng hạn, kiểu tóc mà dường như khiến con tàu nổi giận - và với kiểu tóc đó trông cô ấy chẳng xinh chút nào, nó làm đầu cô ấy trông quá to, thì liệu chúng tôi có nên nói sự thật cho cô ấy biết không, hay chúng tôi nói rằng cô ấy trông xinh hơn bao giờ hết? Và liệu chúng tôi có nên phàn nàn về gã đầu bếp người Trung Quốc chỉ biết nấu mỗi một món ăn - món cơm cà ri - món mà ông ta nấu cho chúng tôi ăn hết ngày này qua ngày khác? Nhưng nếu chúng tôi phàn nàn và ông ta bị tống về Trung Quốc và nhiều ngày liền bạn chẳng có hạt

cơm nào mà ăn, thì đó chẳng phải là chúng tôi có lỗi hay sao? Và nếu chúng tôi nói thì liệu có ai nghe chúng tôi hay không? Ai thêm quan tâm chứ?

Tất nhiên trên tàu có thuyền trưởng, và người ta nói rằng sáng nào cũng có một cô gái trẻ đẹp đi ra từ cabin của anh ta. Tất nhiên tất cả chúng tôi đều vô cùng muốn biết điều này: Cô gái đó là một người trong số chúng tôi hay là một cô gái ở khoang hạng nhất?

Ở trên tàu, thỉnh thoảng vào ban đêm chúng tôi bò sang giường của nhau và nằm bên cạnh nhau nói đủ mọi chuyện mà chúng tôi nhớ được ở quê nhà: mùi khoai tây nướng thơm ngon vào những buổi sáng mùa thu, những buổi dạo chơi trong rừng trúc, những lần chúng tôi chơi trò bóng đêm và con quỷ trong sân của ngôi đền bỏ hoang, cái ngày cha của chúng tôi đi lấy nước ngoài giếng và không trở về, nhớ rằng từ đó trở đi mẹ của chúng tôi không nhắc đến cha một lần nào nữa. *Cứ như thể cha tôi chưa từng có mặt trên đời này. Trong nhiều năm tôi cứ nhìn dăm dăm xuống cái giếng đó.* Chúng tôi bàn về những loại kem thoa mặt được ưa chuộng, lợi ích của phấn, kể về cảm nhận của chúng tôi khi lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy ảnh của chồng mình. *Anh ấy trông có vẻ là một người đàn ông đứng đắn, vậy nên tôi nghĩ rằng anh ấy là*

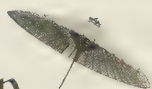
người đủ tốt dành cho tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi chợt nhận ra mình tiết lộ những điều mà mình chưa bao giờ kể với người khác, một khi chúng tôi đã bắt đầu nói thì không thể dừng lại được, và đôi khi chúng tôi bỗng nhiên im lặng, nằm quần lấy nhau cho đến tận lúc bình minh, khi một trong số chúng tôi bất ngờ buông người người kia ra và hỏi: “Chuyện này sẽ kéo dài chứ?” Và đó là một lựa chọn khác mà chúng tôi phải thực hiện. Nếu chúng tôi nói có, thì nó sẽ kéo dài, và chúng tôi lại sang nằm với nhau - nếu không phải là đêm đó, thì đêm tiếp theo hoặc đêm sau nữa - sau đó chúng tôi tự bảo mình rằng bất cứ chuyện gì chúng tôi làm cũng sẽ bị xóa sạch khỏi não khi chúng tôi rời tàu. Và dù sao đó cũng là sự luyện tập tốt để chúng tôi chung sống với chồng.

Ở trên tàu vài người trong chúng tôi chưa quen gần đàn ông, và nếu có một cách nào đó để đi Mỹ mà không phải lấy một ai đó thì chúng tôi chắc chắn sẽ tìm hiểu để nắm bắt.

Ở trên tàu chúng tôi có lẽ không biết rằng lần đầu tiên gặp chồng của mình chúng tôi không biết họ là ai. Chúng tôi không thể biết trước được rằng đám đông những người đàn ông đội mũ len và mặc những chiếc áo khoác màu đen xoàng xĩnh đợi chúng tôi ở bến cảng chẳng giống những người

đàn ông điển trai ở trong ảnh chút nào. Chúng tôi đâu ngờ rằng những bức ảnh được gửi sang Nhật cho chúng tôi là ảnh họ chụp từ hai mươi năm trước. Chúng tôi nào có biết rằng những bức thư mà chúng tôi nhận được không phải do chính tay chồng của chúng tôi viết mà là thư được viết bởi những kẻ viết thuê, những kẻ coi việc viết những lời dối trá để chiếm những trái tim yếu mềm là nghề kiếm sống của mình. Chúng tôi không biết rằng lần đầu tiên chúng tôi nghe tên mình được gọi to từ dưới bến cảng, một người trong số chúng tôi đã lấy tay che mắt và quay đi - *Tôi muốn về nhà* - nhưng những người còn lại trong số chúng tôi chỉ cúi đầu, bước xuống ván cầu tàu, bước ra không gian của ánh ngày vẫn còn ấm. *Đây là nước Mỹ*, chúng tôi tự bảo mình, *không có gì phải lo lắng hết*. Và chúng tôi đã nhầm.

Đêm đầu tiên



Đêm đầu tiên chồng mới chiếm đoạt chúng tôi một cách nhanh chóng. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách bình tĩnh. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách nhẹ nhàng, nhưng kiên quyết, không nói một lời nào. Họ nghĩ rằng chúng tôi là những cô gái trinh mà các bà mối đã hứa với họ và họ chiếm đoạt chúng tôi với sự thận trọng, tinh vi và khéo léo. *Nếu em đau thì cho anh biết nhé.* Họ chiếm đoạt chúng tôi trong tư thế nằm ngửa trên sàn nhà trần trụi của quán trọ Minute Motel. Họ chiếm đoạt chúng tôi ở trung tâm thành phố, trong những căn phòng hạng hai của nhà trọ Kumamoto. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong các khách sạn ở San Francisco, nơi mà một người đàn ông da vàng có thể bước

chân vào. Họ chiếm đoạt chúng tôi tại khách sạn Kinokuniya. Họ chiếm đoạt chúng tôi tại khách sạn Mikado. Họ chiếm đoạt chúng tôi tại khách sạn Ogawa. Họ mong đợi và cho rằng chúng tôi sẽ làm bất cứ điều gì mà họ bảo chúng tôi làm. *Nào, hãy quay mặt vào tường, thả lỏng tay và đầu gối nào.* Họ nắm khuỷu tay chúng tôi và nói khẽ: “Đến lúc rồi”. Họ chiếm đoạt chúng tôi khi chúng tôi chưa thực sự sẵn sàng cho chuyện đó và làm chúng tôi bị chảy máu suốt ba ngày. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi áo kimono trắng của chúng tôi bị xoắn vạt, cuốn lên qua đầu và trong khi họ làm chuyện đó chúng tôi tưởng rằng mình sẽ chẳng sống nổi. *Mình nghĩ lúc ấy mình đang bị bóp chết.* Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách tham lam ham hố, điên cuồng và thèm thuồng cứ như thể họ đã đợi cả nghìn lẻ một năm để chiếm đoạt chúng tôi vậy. Họ chiếm đoạt chúng tôi mặc dù chúng tôi vẫn còn chưa hết say sóng sau một hành trình dài lênh đênh trên biển và chúng tôi vẫn còn cảm thấy đất dưới chân mình rung lắc, đung đưa. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách thô bạo, bằng nắm đấm, khi chúng tôi cưỡng lại họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi cho dù chúng tôi cắn họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi cho dù chúng tôi đánh họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi cho dù chúng tôi mắng nhiếc, lăng mạ họ - *Anh*

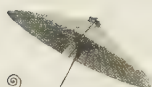
không đáng giá bằng ngón tay út của mẹ anh - và kêu cứu, (chẳng có ai đến cứu chúng tôi hết). Họ chiếm đoạt chúng tôi cho dù chúng tôi quỳ xuống dưới chân họ, cúi đầu chạm đất van xin họ hãy đợi thêm chút nữa. Ngày mai chúng ta hãy làm chuyện này, không được sao? Họ chiếm đoạt chúng tôi trong sự ngỡ ngàng, sửng sốt bởi vì một số người trong chúng tôi chưa được mẹ mình nói cho biết chính xác cái đêm đầu tiên đòi hỏi chúng tôi phải làm những gì. Tôi mới mười ba tuổi và tôi chưa từng nhìn thẳng vào mắt một người đàn ông. Họ vừa chiếm đoạt chúng tôi vừa xin lỗi vì sự thô bạo của họ, vì bàn tay chai cứng của họ, và chúng tôi biết ngay họ là nông dân chứ chẳng phải là những ông chủ ngân hàng. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách nhẩn nha từ phía sau, trong khi chúng tôi dựa người trên bệ cửa sổ để ngắm ánh đèn thành phố ở bên dưới. “Em có hạnh phúc không?” họ hỏi chúng tôi. Họ trói chúng tôi lại, bắt chúng tôi nằm úp mặt trên thảm lót sàn đã sờn sặc mùi cứt chuột và mùi nấm mốc. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách cuồng điên, trên những tấm khăn trải giường ố vàng, bẩn thỉu. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách dễ dàng, với sự ồn ào tối thiểu, bởi vì vài người trong chúng tôi trước đó đã bị chiếm đoạt nhiều lần rồi. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi họ say

rượu. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách thô bỉ và liều lĩnh, không cần biết chúng tôi có đau hay không. *Lúc ấy tôi cứ tưởng tử cung của tôi sẽ nổ tung.* Họ chiếm đoạt chúng tôi cho dù chúng tôi khép chặt hai chân lại và nói: “Làm ơn đừng”. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách thận trọng, như thể họ sợ chúng tôi sẽ vỡ vụn. *Em nhỏ quá.* Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng thành thạo - *Trong hai mươi giây em sẽ mất kiểm soát hoàn toàn* - và chúng tôi biết trước chúng tôi đã có nhiều người phụ nữ khác qua tay họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi khi chúng tôi nhìn trần trần lên trần nhà bằng đôi mắt trống rỗng và đợi chuyện đó kết thúc mà không hiểu rằng chuyện đó sẽ còn tiếp diễn trong suốt những năm dài sau đó. Họ chiếm đoạt chúng tôi với sự hỗ trợ của chủ nhà trọ và vợ của ông ta, người đã giữ chúng tôi nằm dưới sàn để chúng tôi không thể chạy trốn. *Một khi anh ta đã làm chuyện đó với cô thì không một người đàn ông nào muốn đụng vào cô nữa đâu.* Họ chiếm đoạt chúng tôi giống như cha chúng tôi đã chiếm đoạt mẹ hằng đêm trong căn nhà một phòng ở làng quê: bất thành hình, không hề báo trước, ngay khi chúng tôi vừa mới thiu thiu ngủ. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong ánh đèn sáng choang. Họ chiếm đoạt chúng tôi dưới ánh trăng. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong

bóng tối, và chúng tôi không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì cả. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong sáu giây và với những tiếng thở dài trong cơn rừng mình họ đổ vật xuống vai chúng tôi và chúng tôi nghĩ thầm, chuyện đó là như thế này sao? Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khoảng thời gian dài tưởng chừng như vô tận, và chúng tôi biết mình sẽ đau đớn trong nhiều tuần. Họ chiếm đoạt chúng tôi trên đầu gối chúng tôi, trong khi chúng tôi bám chặt lấy cột giường và khóc rấm rứt. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi mắt và tâm trí họ tập trung cao độ vào một vết bẩn bí ẩn nào đó trên tường mà chỉ họ mới có thể nhìn thấy. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi không ngừng lẩm bẩm, “cảm ơn em” bằng tiếng địa phương quen thuộc của dân Tohoku khiến chúng tôi ngay lập tức cảm thấy dễ chịu. *Anh ấy nói nghe giống như cha tôi vậy.* Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi hét lên những tiếng tục tằn bằng giọng của dân Hiroshima mà chúng tôi hầu như không hiểu và chúng tôi biết rằng mình sắp phải sống chung suốt đời với một người đánh cá. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong tư thế đứng, ngay trước gương và bắt chúng tôi phải nhìn hình ảnh phản chiếu của mình trong suốt thời gian chuyện đó diễn ra. “Rồi em sẽ thích chuyện này”, họ nói với chúng tôi. Họ chiếm đoạt chúng

tôi một cách lịch sự, nắm cổ tay chúng tôi và bảo chúng tôi đừng hét lên. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách rụt rè và rất khó khăn, khi họ cố tính xem phải làm gì. “Anh xin lỗi”, họ nói. Và, “như thế này phải không?” Họ nói, “hãy giúp anh với”, và chúng tôi giúp họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi với những tiếng cần nhần. Họ chiếm đoạt chúng tôi với những tiếng rên rỉ. Họ chiếm đoạt chúng tôi với những tiếng hét và những tiếng rên kéo dài. Họ chiếm đoạt chúng tôi trong khi họ nghĩ đến người đàn bà khác - nhìn vào mắt họ là chúng tôi đủ biết - và sau đó nguyên rửa chúng tôi khi họ không thấy vết máu trên khăn trải giường. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách vụng về, và trong ba năm sau đó chúng tôi không để họ động vào người mình nữa. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách thành thạo và khéo léo hơn bất cứ ai đã chiếm đoạt chúng tôi trước đó và chúng tôi biết chúng tôi sẽ luôn khao khát họ. Họ chiếm đoạt chúng tôi khi chúng tôi hét lên vì khoái cảm để rồi phải vội lấy tay bịt miệng mình trong nỗi xấu hổ. Họ chiếm đoạt chúng tôi một cách mau lẹ, hết lần này đến lần khác, hùng hục suốt đêm, và sáng hôm sau khi chúng tôi thức dậy chúng tôi nhận thấy mình đã thuộc về họ.

Người da trắng



Chúng tôi định cư bên rìa thị trấn của họ, khi họ cho phép. Và khi họ không cho phép - *đừng có để mặt trời lặn thấy các người ở hạt này*, những tấm biển của họ đôi khi tuyên bố thẳng thừng với chúng tôi như thế - chúng tôi tiếp tục đi. Chúng tôi lang thang từ trại lao động này đến trại lao động khác trong những thung lũng bụi bặm và nóng nực của họ - Sacramento, Imperial, San Joaquin - và luôn kề cận bên chông, chúng tôi làm việc trên đất đai của họ. Chúng tôi hái dâu tây ở Watsonville. Chúng tôi hái nho ở Fresno và Denair. Chúng tôi quỳ trên đất bới khoai tây bằng những cái chĩa dùng để làm vườn ở đảo Bacon thuộc vùng Delta, nơi đất xộp và mềm. Ở Holland Tract chúng

tôi phân loại đậu xanh cho họ. Và khi mùa gặt kết thúc chúng tôi buộc chần thành cuộn đeo trên lưng, gói quần áo thành bọc cầm trong tay, chúng tôi đợi những chiếc xe bò kéo tiếp đi tới để lên đường đến nơi khác.

Từ đầu tiên thuộc ngôn ngữ của họ mà chúng tôi được học là từ “nước”. *Đọc to lên*, chồng của chúng tôi quát, khi chúng tôi cảm thấy mình sắp sửa ngã trên cánh đồng. “Hãy học từ đó đi”, họ nói, “và hãy tự cứu lấy mạng sống của cô”. Hầu hết chúng tôi đều làm theo những gì họ bảo, nhưng một người trong chúng tôi - Yoshiko, người phụ nữ được những người bảo mẫu nuôi nấng ở phía sau những mảnh sân có tường cao thuộc thành phố Kobe và từ bé tới lớn chưa bao giờ nhìn thấy một cọng cỏ - thì không. Sau ngày đầu tiên ở trang trại Marble cô trèo lên giường ngủ và không bao giờ thức dậy nữa. “Tôi cứ nghĩ cô ấy đang ngủ”, chồng cô kể lại. “Bị trụy tim”, người chủ thuê cô làm việc giải thích. Một người khác trong chúng tôi quá nhút nhát không dám kêu, đã quỳ xuống uống nước ở dưới mương. Bảy ngày sau cô phát bệnh thương hàn. Nhưng từ khác mà ít lâu sau chúng tôi học là: “Được đấy” - từ mà ông chủ của chúng tôi nói khi ông ta hài lòng với những gì chúng tôi làm - và “Cút về nhà

đi” - những từ mà ông chủ nói khi chúng tôi quá vội về hoặc chậm chạp.

Nhà là một cái chõng ở một trong những nhà trọ của họ tại trang trại Fair thuộc Yolo. Nhà là một cái lều dài nằm dưới tán của một cây mận rậm lá thuộc trang trại Kettleman. Nhà là một cái lán gỗ ở trại số 7 thuộc Lodi. Chẳng có gì ngoài những luống hành chạy dài cho đến hết tầm mắt. Nhà là một chiếc giường bằng rơm ở trại nuôi gia súc của John Lyman, ngay bên cạnh chuồng của những con bò cái và những con ngựa từng giành giải thưởng trong các cuộc đua. Nhà là một góc của phòng giặt ở trang trại nuôi gia súc Canry của Stockton. Nhà là một chiếc giường ngủ trong một toa xe lửa han gỉ ở Lompoc. Nhà là một chỗ trước kia từng là chuồng gà ở Willows, chỗ mà trước khi chúng tôi tới mấy người Trung Quốc đã trú ngụ qua ngày. Nhà là một tấm đệm nhung nhúc rệp ở góc của một lán xe thuộc Dixon. Nhà là chiếc giường bằng cỏ khô được tạo bằng ba chiếc thùng thừa đựng táo phía dưới một cây táo ở vườn táo của Fred Stadelman. Nhà là một góc của một lớp học bị bỏ hoang ở Marysville. Nhà là một vương đất trong một vườn lê ở Auburn cách không xa bờ sông American, nơi hằng tối chúng tôi nằm nhìn lên những vì sao Mỹ, những vì sao trông không khác gì

những vì sao trên bầu trời ở quê hương chúng tôi: ở đó, phía trên cao, là sao Chấn trâu, Sao gổ, Sao nước. “Cùng một vĩ độ”, chõng của chúng tôi giải thích. Nhà là bất cứ đâu có lúa chín sắp gặt. Nhà là bất cứ nơi nào có chõng của chúng tôi. Nhà là một chỗ ở bên cạnh người đàn ông đã dọn cỏ cho ông chủ của mình trong nhiều năm.

Mới đầu chúng tôi không ngừng đặt những câu hỏi về người Mỹ. Tại sao họ lại lên ngựa từ bên trái chứ không phải bên phải? Làm thế nào họ có thể phân biệt người này với người khác? Tại sao lúc nào họ cũng nói to? Có đúng là họ treo đĩa trên tường chứ không phải treo tranh? Có đúng là cánh cửa nào ở Mỹ cũng có khóa? Họ luôn đi giày ở trong nhà? Họ nói chuyện gì vào lúc đêm khuya khi sắp sửa ngủ? Họ mơ thấy gì? Họ cầu nguyện trước Phật, Chúa, hay đấng tối cao nào khác? Họ có bao nhiêu vị thần? Có đúng là họ nhìn thấy một người đàn ông trên mặt trăng chứ không phải một con thỏ không? Có đúng là họ ăn thịt bò tại các đám tang không? Có đúng là họ uống sữa bò không? Và cái mùi đó? Nó là mùi gì? “Mùi thối của bơ đấy”, chõng của chúng tôi giải thích.

Hãy tránh xa họ, chõng của chúng tôi cảnh báo. Nếu bạn buộc phải đến gần họ thì hãy hết sức cảnh giác. Đừng luôn luôn tin những gì họ nói, mà hãy

học cách quan sát họ thật kỹ: quan sát tay họ, mắt họ, khoe miệng họ, sự thay đổi sắc mặt của họ. Bạn sẽ mau chóng biết được họ có ý gì. Tuy nhiên, hãy đảm bảo rằng bạn không nhìn họ trừng trừng. Lâu dần rồi thì bạn sẽ quen với sự to lớn của họ thôi. Hãy lường trước điều tồi tệ nhất có thể xảy ra, nhưng đừng ngạc nhiên khi bạn được thấy sự tử tế. Ở đâu chẳng có người tử tế. Đừng quên làm cho người Mỹ cảm thấy thoải mái. Hãy khiêm nhường. Hãy lịch sự. Hãy tỏ ra sẵn sàng làm hài lòng họ. Hãy nói: “Vâng, thưa ông”, hoặc “Không, thưa ông”, và làm như họ bảo. Tuy nhiên, tốt hơn hết bạn không nên nói gì cả. Giờ đây, ở cái xứ này, bạn đã thuộc về một thế giới vô hình.

Những cái cày ở Mỹ nặng hơn người chúng tôi, và rất khó sử dụng, còn ngựa của họ to lớn gấp đôi ngựa ở Nhật. Chúng tôi không thể đóng yên cương cho ngựa mà không trèo lên trên những thùng đựng cam, hoặc đứng trên ghế đẩu, và lần đầu tiên chúng tôi hô ngựa chạy chúng cứ đứng lì ra thở phì phì, cào móng trên mặt đất. Ngựa Mỹ điếc đặc chẳng? Chúng đàn độn chẳng? Hay đơn giản chúng ương bướng? “Đó là ngựa Mỹ”, chồng của chúng tôi giải thích. “Chúng không hiểu tiếng Nhật đâu”. Và vậy là chúng tôi học từ tiếng Anh đầu tiên dành cho ngựa. “Giddyap” là từ bạn nói để bảo ngựa Mỹ lùi lại.

“Easy” là từ bạn nói để bảo ngựa Mỹ chạy chậm lại, và “Whoa” là từ bạn nói khi muốn ngựa Mỹ dừng lại. Vài người trong số chúng tôi sau năm mươi năm ở Mỹ chỉ thuộc lòng được bấy nhiêu từ đó thôi.

Chúng tôi học được vài cụm từ thuộc ngôn ngữ của họ ở trên tàu từ những cuốn sách hướng dẫn - “Hello” (xin chào), “Beg pardon”, (Xin lỗi, ông vừa nói gì ạ), “Please pay me my wages” (Xin hãy thanh toán tiền công cho tôi) - và có thể đọc thuộc lòng bảng chữ cái của họ, nhưng ở Mỹ những kiến thức đó chẳng có ích gì. Chúng tôi không thể đọc báo và tạp chí của họ. Chúng tôi nhìn những tấm biển của họ trong nỗi thất vọng tràn trề. *Tất cả những gì tôi nhớ được là từ đó bắt đầu bằng chữ e.* Và bất cứ khi nào ông chủ nói chuyện với chúng tôi chúng tôi có thể nghe rõ những từ ông ta nói nhưng chúng tôi không hiểu ông ta muốn nói gì, chỉ như vẹt nghe sấm mà thôi. Và trong những dịp hiếm hoi khi chúng tôi phải giới thiệu bản thân với người Mỹ - Bà *Smeesh u?* - họ mở to mắt đầy vẻ bối rối nhìn chúng tôi, rồi nhún vai và bước đi.

Đừng để người Mỹ làm em mất can đảm. Hãy kiên nhẫn. Hãy giữ bình tĩnh. Ban đầu chồng chúng tôi dặn như vậy. Nhưng bây giờ chồng lại nói, *việc nói thì cứ để tôi lo.* Bởi vì họ biết nói tiếng Anh mà. Họ hiểu cách sống của người Mỹ. Và mỗi khi chúng

tôi cần đồ lót mới họ lại nuốt lòng kiêu hãnh của mình xuống, cuốc bộ qua những cánh đồng dưới trời nóng như đổ lửa để vào thị trấn và bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo nhưng được nói bằng giọng nặng trịch họ yêu cầu người bán hàng bán cho họ một đôi quần lót. “Không phải quần cho tôi”, họ giải thích. Khi một người trong số chúng tôi đến xin làm thuê ở một trang trại mới, ông chủ nhìn cô ấy một cái và nói: “Cô ta trông yếu ớt quá” thì chính anh chồng là người thuyết phục ông ta rằng, trông vậy thôi chứ thực ra không phải vậy. “Ở ngoài đồng vợ tôi được việc ra phết, chẳng kém gì một người đàn ông đâu”, anh chồng nói như vậy, và điều đó nhanh chóng được chứng minh là sự thật. Khi chúng tôi ốm vì mắc chứng sốt rét và không thể nhấc đầu khỏi sàn nhà được, lại chính chồng chúng tôi là người nói cho ông chủ biết chuyện gì đã xảy ra: “Thoạt tiên cô ấy nóng, sau đó cô ấy lạnh, rồi cô ấy lại nóng”. Và khi ông chủ bảo sẽ đích thân lái xe vào thị trấn ngay chiều hôm đó để mua thuốc chữa bệnh cho chúng tôi - “Đừng lo về chuyện tiền nong”, ông ta nói - lại chính chồng tôi là người cảm ơn ông ta rồi rít. Mặc dù thuốc ông ta mua khiến nước tiểu của chúng tôi có màu mận chín trong nhiều ngày, chẳng bao lâu sau chúng tôi bắt đầu cảm thấy khỏe lại.

Vài người trong số chúng tôi thể hiện sự nhanh nhẹn trong công việc để gây ấn tượng với người Mỹ. Vài người trong số chúng tôi thể hiện sự nhanh nhẹn chỉ để chứng minh cho họ thấy rằng chúng tôi biết hái mận, biết bấm ngọn củ cải đường, đóng bao hành, xếp dâu tây vào thùng rất nhanh nếu không muốn nói là nhanh hơn đàn ông. Vài người trong số chúng tôi thể hiện sự nhanh nhẹn trong công việc bởi vì trong suốt thời thơ ấu chúng tôi đã cúi lom khom trên đôi chân trần của mình ở ngoài cánh đồng lúa và từ khi ấy chúng tôi đã thạo hầu như mọi việc của nhà nông rồi. Vài người trong số chúng tôi phải chứng tỏ rằng mình nhanh nhẹn trong công việc bởi vì chồng của chúng tôi đã cảnh báo rằng nếu chúng tôi chậm chạp, vụng về thì họ sẽ trả chúng tôi về Nhật ngay trên chuyến tàu tiếp theo. *Tôi đã hỏi được một người vợ khác có sức khỏe và có khả năng hơn cô.* Vài người trong số chúng tôi là dân thành phố, và chúng tôi làm việc chậm, bởi vì trước đây chúng tôi chưa bao giờ cầm một cái cuốc. “Việc dễ nhất ở Mỹ đấy”, người ta bảo chúng tôi thế. Vài người trong số chúng tôi cả đời yếu ệp, nhưng sau một tuần làm việc ở vườn chanh thuộc Riverside chúng tôi cảm thấy khỏe hơn những con bò đực. Một người trong chúng tôi đổ sập xuống trước khi cô

nhỏ xong hàng cỏ đầu tiên. Vài người trong chúng tôi khóc sùi sụt trong khi làm việc. Vài người trong số chúng tôi vừa làm việc vừa nguyên rửa. Tất cả chúng tôi đều đau như người trong khi làm việc - tay của chúng tôi phồng rộp và chảy máu, đầu gối của chúng tôi bỏng rát, lưng của chúng tôi chẳng bao giờ còn được như trước nữa. Một cô gái trong số chúng tôi bị một người đàn ông Hindu cắt măng tây ở ruộng bên cạnh hút hồn trong khi cô đang làm việc và tất cả những gì cô có thể nghĩ đến là cô muốn gỡ bỏ chiếc khăn xếp màu trắng trên đầu anh ta xuống biết nhường nào. *Đêm nào tôi cũng mơ tưởng đến Gupta-san.* Vài người trong số chúng tôi vừa làm việc vừa lẩm nhẩm đọc Kinh Phật và thời gian trôi nhanh đến mức nhiều giờ mà cứ như vài phút vậy. Một người trong chúng tôi - Akiko, cô gái từng đi học tại trường dòng ở Tokyo đã biết tiếng Anh, đọc Kinh Thánh cho chồng nghe hằng đêm - hát bài *Tâm linh ơi vùng lên này* trong khi cô làm việc. Nhiều người trong số chúng tôi hát những bài ca về mùa gặt mà chúng tôi đã hát khi chúng tôi còn bé và cố tưởng tượng rằng mình đang ở trên mảnh đất quê hương. Bởi vì nếu như trong các bức thư gửi cho chúng tôi, các ông chồng nói sự thật - họ không phải là những nhà kinh doanh vải sợi, họ là những người hái quả thuê,

không phải họ sống ở những ngôi nhà lớn có nhiều phòng mà sống trong những túp lều, những nhà kho, sống cảnh màn trời chiếu đất ở ngoài đường, trên cánh đồng, ngày cũng như đêm - thì chúng tôi đã chẳng bao giờ đưa chân đến đất Mỹ để làm những công việc mà không một người Mỹ có lòng tự trọng nào thêm làm.

Người Mỹ khâm phục chúng tôi vì chúng tôi có tấm lưng khỏe và đôi tay nhanh nhẹn. Họ khâm phục chúng tôi vì sức chịu đựng. Họ khâm phục chúng tôi vì tinh thần kỷ luật. Họ khâm phục chúng tôi vì chúng tôi dễ bảo. Họ khâm phục chúng tôi vì khả năng chịu đựng cái nóng khủng khiếp của xứ họ, vào những ngày hè, trên những cánh đồng trồng dưa ở Brawley lên tới 50 độ C. Họ nói rằng vóc người thấp bé của chúng tôi khiến chúng tôi cực kỳ hợp với những việc đòi hỏi người ta phải cúi sát mặt đất. Bất cứ khi nào họ sử dụng chúng tôi họ đều hài lòng. Chúng tôi có tất cả những phẩm chất tốt của người Trung Hoa - chúng tôi chăm chỉ, kiên nhẫn, luôn lễ phép - nhưng không nhiễm bất kỳ một thói xấu nào của người Trung Hoa - chúng tôi không đánh bạc, không hút thuốc phiện, chúng tôi không cãi lộn, chúng tôi không bao giờ nhổ bọt. Chúng tôi nhanh nhẹn hơn người Philippine và không kiêu căng như người Hindu.

Chúng tôi có tinh thần kỷ luật cao hơn người Hàn Quốc. Chúng tôi cư xử đúng mực hơn người Mexico. Chúng tôi ăn uống không tốn bằng người Okie và người Arkie. *Mỗi ngày chỉ cần một thìa cà phê cơm một người Nhật cũng có thể sống được.* Chúng tôi là loại người ưu tú nhất dành cho lao động mà họ có thể thuê trong đời. *Những người này tự giác làm việc, chúng tôi chẳng cần phải để mắt đến họ.*

Ban ngày chúng tôi làm việc ở vườn quả, trên cánh đồng của họ, nhưng ban đêm, khi chúng tôi ngủ, trong vô thức chúng tôi tìm về quê hương. Thỉnh thoảng chúng tôi mơ chúng tôi trở về ngôi làng của mình, vừa đi vừa lắc cái vòng kim loại dọc phố Thương gia. Những lần khác chúng tôi mơ mình đang chơi trốn tìm trong những đám lau sậy ở ven sông. Và thỉnh thoảng trong giấc mơ chúng tôi nhìn thấy một thứ gì đó trôi nổi. Một dải ruy băng bằng lụa đỏ mà chúng tôi bị mất nhiều năm trước. Một quả trứng màu xanh lục có đốm. Chiếc gối gỗ của mẹ. Một con rùa đi lạc đâu mất khi chúng tôi năm tuổi. Thỉnh thoảng trong giấc mơ chúng tôi thấy mình đang đứng trước gương với người chị gái, chị Ai, người có cái tên mà tùy vào cách viết của bạn có nghĩa là “tình yêu” hoặc “sự đau khổ”, và chị đang tết tóc cho chúng tôi. “Đừng

yên nào!” chị nói. Và mọi chuyện cứ sống động y như thật. Nhưng khi chúng tôi thức dậy chúng tôi nhận ra mình đang nằm bên một người đàn ông xa lạ ở một xứ lạ trong một cái lán chật chội, nóng bức đầy những tiếng rên rĩ và tiếng thở dài của những người lạ nằm xung quanh. Đôi khi chồng chúng tôi quờ quạng tìm chúng tôi trong giấc ngủ bằng bàn tay mập mạp và thô của họ và chúng tôi cố không giật người ra xa để né tránh. *Mười năm nữa anh ta sẽ trở thành một ông già thôi*, chúng tôi tự nhủ. Đôi khi, vào lúc bình minh chồng mở mắt ra nhận thấy chúng tôi buồn, liền hứa rằng mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Và mặc dù chỉ mới vài giờ trước chúng tôi đã nói với chồng rằng: “Tôi ghê tởm anh”, khi anh ta trườn lên người mình một lần nữa, chúng tôi lại đành tự an ủi mình hãy cố gắng chịu đựng, bởi vì chồng là tất cả những gì chúng tôi có ở cái xứ này. Đôi khi chồng mở mắt nhìn chúng tôi đấy, nhưng lại như không hề biết đến sự tồn tại của chúng tôi, và những lúc như thế luôn là những lúc tồi tệ nhất. *Có ai biết tôi đang hiện hữu ở đây không?*

Suốt cả một tuần dài lê thê họ bắt chúng tôi đổ mồ hôi trên cánh đồng nhưng vào những ngày Chủ nhật họ cho chúng tôi được nghỉ ngơi. Và trong khi chồng của chúng tôi lang thang trong thị trấn, chơi

xóc đĩa ở những quán bài bạc của người Trung Hoa, nơi mà chủ quán luôn luôn thắng, chúng tôi ngồi dưới gốc cây với những thỏi mực và cây bút lông cùng tờ giấy mỏng viết thư cho mẹ của mình, những người mà chúng tôi đã hứa không bao giờ rời xa. *Giờ đây con đang ở Mỹ, nhớ cô cho một ông lớn mà người ta gọi là Boss. Ở đây không có nương dâu, không có rừng tre, không có những bức tượng Jizo ở bên đường. Trời ở đây toàn một màu nâu rất khô cằn, hiếm khi có mưa. Núi ở đây xa lắc xa lơ. Chúng con sống trong ánh sáng đèn dầu và mỗi tuần một lần, vào các ngày Chủ nhật, chúng con giặt quần áo trên những tảng đá trơn ướt ở ngoài suối. Chồng của con không phải là người đàn ông ở trong ảnh. Chồng của con đúng là người ở trong ảnh, nhưng già hơn nhiều. Người ở trong ảnh thực ra không phải là chồng của con, mà là người bạn thân đẹp trai của anh ấy. Chồng của con là một kẻ nghiện rượu. Chồng của con là người quản lý câu lạc bộ Yamato và khắp người anh ta đầy hình xăm. Chồng của con thấp hơn anh ấy tả trong thư, nhưng mà con cũng có cao ráo gì đâu... Chồng của con được thưởng Huân chương Cánh điều Vàng hạng sáu trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật và bây giờ ông ấy đi cà nhắc. Chồng của con vượt biên sang Mỹ qua biên giới Mexico. Chồng của con là người đi lậu*

vé, đã nhảy khỏi tàu ở San Francisco vào đúng ngày trước hôm xảy ra trận động đất lớn vào năm 1906 và đêm nào anh ấy cũng mơ anh ấy phải tới được bến. Chồng con yêu chiều con lắm. Chồng con sẽ không bỏ con đâu. Chồng của con là một người đàn ông tốt thường làm đỡ con bất cứ khi nào con không thể theo kịp tiến độ của công việc để ông chủ không đuổi con về.

Từ sâu thẳm trong lòng chúng tôi hy vọng được cứu thoát khỏi họ. Có lẽ chúng tôi đã đem lòng yêu người đàn ông ở trên tàu, người cùng quê với chúng tôi, người nhớ những ngọn núi, những dòng suối mà chúng tôi nhớ, và chúng tôi không thể gạt bỏ người đó khỏi tâm trí. Ngày nào anh ấy cũng đứng bên chúng tôi trên boong tàu, khen chúng tôi xinh xắn, thông minh, đặc biệt biết nhường nào. Anh ấy nói trong đời mình chưa từng gặp ai như chúng tôi. Anh ấy nói: “Hãy đợi anh nhé. Anh sẽ gửi thư cho em ngay khi có thể”. Có lẽ người mà chúng tôi đem lòng yêu là một nhà thầu khoán ở Cortez, hoặc là giám đốc của một công ty xuất nhập khẩu ở trung tâm thành phố San Jose, và hàng ngày khi chúng tôi dùng tay đào xới những lớp đất đen dưới trời nắng như đổ lửa chúng tôi cầu mong thư của người đàn ông mình yêu sẽ đến. Nhưng ngày qua ngày chúng tôi chẳng thấy gì hết.

Đôi khi, vào lúc đêm khuya, chuẩn bị đi ngủ, chúng tôi bỗng òa khóc nức nở và chồng của chúng tôi nhìn chúng tôi với vẻ lo lắng. “Tôi đã nói gì làm cô khóc ư?” anh ta hỏi, và chúng tôi không biết phải nói gì, chỉ biết lắc đầu. Thế rồi cho tới một ngày kia, khi một phong thư từ người đàn ông chúng tôi đem lòng yêu ở trên tàu ấy cuối cùng cũng đến - *Anh đã gửi tiền cho chồng em và sẽ đợi em ở khách sạn Taisho* - chúng tôi buộc phải nói cho chồng biết tất cả mọi chuyện. Và mặc dù chồng dùng dây thắt lưng quật chúng tôi túi bụi và gọi chúng tôi bằng đủ mọi cái tên mà chúng tôi đáng phải nhận, cuối cùng anh ta cũng để cho chúng tôi ra đi. Bởi vì số tiền mà chồng chúng tôi nhận được từ người đàn ông kia nhiều gấp mấy lần số tiền anh ta đã bỏ ra để đưa chúng tôi từ Nhật sang Mỹ. “Có lẽ, ít ra một trong hai chúng ta sẽ hạnh phúc”, anh ta nói với chúng tôi. Anh ta nói: “Không có gì kéo dài mãi cả”. Và anh ta nói: “Đáng lẽ lần đầu tiên nhìn vào mắt cô tôi phải biết đó là mắt của một con đĩ rồi”.

Thỉnh thoảng ông chủ xuất hiện từ phía sau chúng tôi trong khi chúng tôi cúi lom khom trên ruộng của ông ta và thì thầm vài lời vào tai chúng tôi. Và mặc dù chúng tôi không biết ông ta đang nói gì, bằng cách nào đó chúng tôi biết chính xác ông ta muốn gì. “Tôi không nói tiếng Anh”, chúng

tôi trả lời. Hoặc, “Xin lỗi, ông chủ, không được đâu ạ”. Đôi khi một người đàn ông ăn mặc khá bảnh không biết từ đâu xuất hiện, rủ chúng tôi trở về thành phố với ông ta. *Nếu em đến làm việc cho tôi thì tôi có thể trả công em cao gấp mười lần tiền công em nhận được ở đây.* Đôi khi một người bạn độc thân của chồng chúng tôi thừa lúc chồng chúng tôi không có mặt ở đó, liền tiến đến gần và cố dúi cho chúng tôi tờ năm đô la. “Hãy để anh làm chuyện ấy một lần”, anh ta nói. “Anh hứa với em anh sẽ làm rất êm”. Đôi khi chúng tôi đầu hàng, nói đồng ý. “Tối mai, chín giờ hãy gặp tôi ở sau lán trồng rau diếp”, chúng tôi nói với anh ta. Hoặc, “Thêm năm đô la nữa tôi mới đồng ý”. Có lẽ chúng tôi không hạnh phúc với chồng mình, người mà đêm nào cũng đi chơi bài và uống rượu say mềm đến tận khuya mới mò về nhà. Hoặc có lẽ chúng tôi cần gửi tiền về cho gia đình của mình bởi vì quê hương lại bị mất mùa vì lũ lụt. *Nhà mình đã mất trắng tất cả rồi và giờ chẳng còn gì để sống ngoài vỏ cây và khoai lang luộc.* Ngay cả những người phụ nữ không xinh đẹp trong số chúng tôi cũng thường được người ta bí mật đề nghị tặng cho những món quà: một chiếc ghim cài tóc được làm bằng mai rùa, một lọ nước hoa, một cuốn Tạp chí Điện ảnh bị thó trộm từ một cửa hàng trong thị

trấn. Nhưng nếu chúng tôi nhận quà mà không đáp lại họ thì chúng tôi biết mình sẽ phải trả giá. *Ông ấy sẽ chặt đứt đầu ngón tay cô ta.* Vậy nên chúng tôi học cách cân nhắc và suy nghĩ trước khi đồng ý và học cách nhìn vào mắt người đàn ông khác, bởi vì ở Mỹ chẳng có cái gì được cho không hết.

Vài người trong số chúng tôi làm công việc nấu nướng trong những trại lao động của họ, vài người chuyên rửa bát đĩa, và với những loại việc đó chúng tôi đã hủy hoại đôi bàn tay mịn màng, thanh mảnh của mình. Những người khác được đưa tới các thung lũng xa xôi, thuê đất của người Mỹ, bán mặt cho đất bán lưng cho trời để cấy trồng và nộp hoa lợi cho chủ vào mỗi vụ thu hoạch. Chồng của chúng tôi đã thuê hai mươi héc-ta từ một người đàn ông tên là Caldwell, người có hàng nghìn mẫu đất ở thung lũng San Joaquin thuộc phía Nam, và hàng năm chúng tôi trả cho ông Caldwell đó sáu mươi phần trăm những gì chúng tôi thu được. Chúng tôi sống trong những cái lán được dựng sơ sài bên dưới một cây liễu giữa đồng không mông quạnh, ngủ trên một tấm đệm được nhồi bằng rơm. Chúng tôi đi vệ sinh ở ngoài trời, trên một cái hố được đào trên mặt đất. Chúng tôi múc nước giếng lên để nấu ăn và giặt giũ. Nhiều ngày chúng tôi trồng hoặc bón khoai tây từ sáng sớm đến tối

mật và trong nhiều tuần liền chúng tôi không trò chuyện với ai ngoài chồng mình. Chúng tôi nuôi một con mèo để làm bầu bạn, để đuổi chuột, và ban đêm nếu chúng tôi đứng ở cửa nhìn về phía Tây chúng tôi có thể thấy ánh sáng chập chờn, yếu ớt ở phía xa xa. Chồng chúng tôi bảo rằng đó là nơi có dân cư. Những lúc như thế chúng tôi hiểu ra rằng đáng lẽ mình không nên rời quê hương. Nhưng cho dù chúng tôi dùng hết sức bình sinh để gọi tên mẹ mình chúng tôi cũng ý thức được rằng mẹ ở quê nhà xa lắc xa lơ không thể nghe được tiếng gọi của chúng tôi, vậy nên chúng tôi cố gắng tận dụng tối đa những gì mình có. Chúng tôi cắt ảnh chụp những chiếc bánh từ những cuốn tạp chí và treo chúng trên tường. Chúng tôi khâu những tấm rèm cửa từ những bao đựng gạo được tẩy trắng. Chúng tôi làm bàn thờ Phật từ những cái thùng đựng khoai tây được úp xuống và chúng tôi phủ một tấm vải lên đó, để rồi sáng sáng chúng tôi bày một tách trà nóng lên cúng tổ tiên. Và vào cuối mùa gặt chúng tôi đi bộ mười dặm vào thị trấn mua cho mình một món quà nhỏ: một chai Coke, một chiếc tạp dề mới, một thỏi son với hy vọng một ngày nào đó chúng tôi có dịp dùng. *Có lẽ một ngày nào đó mình sẽ được mời đi nghe nhạc.* Vài năm đồng ruộng được mùa và nông phẩm lại được

giá, vậy nên chúng tôi kiếm được nhiều tiền hơn mong đợi. Sáu trăm một héc-ta. Những năm khác chúng tôi mất trắng vì sâu bọ hoặc do nấm mốc sương tàn phá hoa màu hoặc do trời mưa như trút suốt một tháng trời, hoặc do giá khoai tây hạ đến mức chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác đành bán tất cả dụng cụ làm nông của mình đi để trả nợ, và vào những lúc mùa màng thất bát như thế chúng tôi không nén được, lại tự hỏi tại sao mình lại ở đây. “Tôi là đồ ngốc mới theo anh đến cái đất nước này”, chúng tôi nói với chồng mình. Hoặc, “Anh đang làm phí hoài tuổi trẻ của tôi”. Nhưng khi chồng hỏi, *cô thích làm hầu gái ở thành phố, cả ngày luôn mỉm cười, lúc nào cũng cúi gằm mặt và không được phép thốt ra bất cứ lời nào ngoài mấy từ “vâng, thưa bà, vâng, thưa bà”, hơn là sống như hiện tại phải không?* chúng tôi thú nhận rằng câu trả lời là không.

Người Mỹ không muốn chúng tôi làm hàng xóm ở thung lũng của họ. Họ không muốn làm bạn với chúng tôi. Chúng tôi sống trong những cái lán tồi tàn và thậm chí không thể nói những câu tiếng Anh đơn giản. Chúng tôi chỉ quan tâm đến tiền. Phương pháp canh tác của chúng tôi thật nghèo nàn, lạc hậu. Chúng tôi sử dụng quá nhiều nước. Chúng tôi cày ruộng không đủ sâu. Chồng của chúng tôi bắt

chúng tôi làm việc như nô lệ. *Họ nhập khẩu những cô gái này từ nước Nhật như những lao động tự do.* Chúng tôi làm việc trên đồng ruộng cả ngày dài mà không được nghỉ để ăn nhẹ vào buổi tối. Chúng tôi làm việc trên cánh đồng đến tận khuya trong ánh đèn dầu. Chúng tôi chẳng bao giờ có ngày nghỉ. *Đồng hồ và giường ngủ là hai thứ mà một nông dân Nhật chưa bao giờ sử dụng trong đời.* Chúng tôi tiếp quản ngành công nghiệp súp lơ của họ. Chúng tôi chiếm lĩnh ngành trồng trọt rau bina của họ. Chúng tôi độc chiếm trong ngành công nghiệp dâu tây của họ, vượt qua họ về mặt hàng đậu. Chúng tôi là một cỗ máy kinh tế chuyển động liên tục, không thể chặn lại được, không thể đánh bại được và nếu sự phát triển của chúng tôi không được kiểm soát trên toàn khu vực miền Tây thì nước Mỹ sẽ sớm trở thành tiền đồn và thuộc địa tiếp theo của người châu Á.

Nhiều đêm chúng tôi chờ họ. Thỉnh thoảng họ lái xe qua lán của chúng tôi, bắn đạn chì vào cửa sổ lán, hoặc phóng hỏa đốt chuồng gà của chúng tôi. Đôi khi họ phá lán của chúng tôi bằng thuốc nổ. Thỉnh thoảng họ đốt ruộng của chúng tôi khi mà lúa trên ruộng đang bắt đầu chín khiến chúng tôi mất trắng toàn bộ thu nhập của cả năm. Mặc dù sáng hôm sau chúng tôi phát hiện ra những

dấu chân trên đất, và nhiều đầu mẫu que diêm, khi chúng tôi mời cảnh sát trưởng tới xem xét hiện trường, ông ta nói với chúng tôi rằng chẳng có dấu mối nào để điều tra hết. Từ đó chồng của chúng tôi thay đổi tâm tính, không còn như trước nữa. *Tại sao phải buồn phiền cơ chứ?* Ban đêm chúng tôi ngủ mà không cởi giày và để rìu kè kè ở bên giường, trong khi chồng của chúng tôi ngồi bên cửa sổ cho đến sáng. Đôi khi chúng tôi giật mình tỉnh giấc bởi một tiếng động vang lên từ đâu đó, nhưng rốt cuộc chẳng có chuyện gì cả - ở đâu đó trên thế giới, có lẽ một quả đào vừa mới rụng khỏi cành cây - có đêm chúng tôi ngủ thiếp đi để rồi sáng ra khi thức dậy chúng tôi thấy chồng mình trong tư thế ngồi rũ người, ngáy ngay trên ghế và chúng tôi cố đánh thức họ dậy một cách nhẹ nhàng, bởi vì khẩu súng vẫn đang được đặt trên đùi họ. Thỉnh thoảng chồng của chúng tôi mua những con chó để canh gác, những con vật mà họ đặt tên là Dick hoặc Harry hoặc Spot, và họ gắn bó với những con chó ấy hơn với chúng tôi, còn chúng tôi thì tự hỏi thầm trong lòng rằng mình đưa chân tới cái mảnh đất lạnh lùng và bạo lực này liệu có phải là một sai lầm không. *Liệu có bộ lạc nào tàn ác hơn người Mỹ không?*

Có người trong số chúng tôi oán trách người Mỹ vì tất cả mọi chuyện đã xảy ra với mình và cầu mong họ chết ráo. Có người oán trách họ vì tất cả mọi chuyện và ước rằng giá mà cô ấy chết đi được. Những người khác học cách sống mà không nghĩ về họ. Chúng tôi ném mình vào công việc và bị ám ảnh bởi ý nghĩ, mình phải nhổ thêm một cùm cở nữa mới được. Chúng tôi cắt những chiếc gương soi đi. Chúng tôi không chải tóc nữa. Chúng tôi quên việc trang điểm. Bất cứ khi nào chúng tôi thoa phấn lên mũi chúng tôi đều cảm thấy lớp phấn trông giống như sương trên đỉnh núi vậy. Chúng tôi quên Đức Phật. Chúng tôi quên Chúa. Sự lạnh lẽo phát triển trong con người chúng tôi và bám chặt lấy tâm hồn chúng tôi cho đến tận bây giờ vẫn chưa tan. Chúng tôi sợ rằng tâm hồn mình đã chết. Chúng tôi không viết thư về cho mẹ nữa. Chúng tôi gầy mòn, héo hon. Chúng tôi bị rối loạn kinh nguyệt. Chúng tôi thôi không nuôi những ước mơ nữa. Chúng tôi ngừng khao khát. Chúng tôi chỉ làm việc quần quật, làm việc, và làm việc. Mỗi ngày chúng tôi lạng lẽ nuốt thức ăn ba bữa mà không nói một lời nào với chồng để chúng tôi có thể mau chóng trở lại cánh đồng. *“Ra đồng sớm hơn một phút là nhổ thêm được một búi cỏ”.* Tôi không thể nào xua được ý nghĩ này ra khỏi đầu mình. Đêm

nào chúng tôi cũng dọn chân ra cho chồng làm chuyện ấy, nhưng chúng tôi mệt đến nỗi thường ngủ thiếp đi trước khi nó kết thúc. Chúng tôi giặt quần áo cho chồng mỗi tuần một lần bằng nước nóng. Chúng tôi nấu ăn cho họ. Chúng tôi lau dọn cho họ. Chúng tôi giúp họ chẻ củi. Chúng tôi nấu ăn, giặt giũ, chắt củi đầy mà cứ như thể người khác đang làm những việc ấy. Và thường thì chồng của chúng tôi thậm chí không nhận ra rằng chúng tôi chẳng còn là chúng tôi nữa.

Vài người trong số chúng tôi chuyển khỏi vùng nông thôn, tới những vùng ngoại ô của người Mỹ. Chúng tôi sống ở nhà phụ dành cho người giúp việc của những gia đình khá giả ở Atherton và Berkeley phía trên Telegraph, tít trên những ngọn đồi. Chúng tôi làm việc cho những quý ông như bác sĩ Giordano, bác sĩ phẫu thuật lồng ngực nổi tiếng ở Bờ Biển Vàng của quận Alameda. Và trong khi chồng của chúng tôi xén cỏ của nhà bác sĩ Giordano, tỉa những bụi cây cho bác sĩ Giordano, cào lá cho bác sĩ Giordano, chúng tôi ở trong nhà với bà Giordano, người có mái tóc nâu bồng bênh và là người đàn bà tốt bụng thường bảo chúng tôi hãy gọi mình là Rose, và chúng tôi lau chùi, đánh bóng đồ bạc của Rose, quét sàn của Rose, trông nom Richar, Jim, Theo, ba đứa con của Rose, những

đứa trẻ mà chúng tôi hát ru cho nghe mỗi tối bằng thứ tiếng không phải là tiếng mẹ đẻ của chúng. *Nemure, nemure.* Và có những điều chúng tôi không thể ngờ tới đã xảy ra. *Tôi trở nên quan tâm đến những đứa bé đó như thể chúng là con đẻ của tôi vậy.* Nhưng chính bà mẹ già của bác sĩ Giordano, bà Lucia, là người chúng tôi quan tâm nhất. Lucia thậm chí còn cô đơn hơn cả chúng tôi, và khi bà cụ đã vượt qua được cảm giác sợ hãi, bà không rời chúng tôi nửa bước. Bà theo chúng tôi từ phòng này sang phòng kia trong khi chúng tôi quét bụi và lau sàn, vừa đi vừa nói luôn miệng. *Molto bene. Perfectto! Basta cosi.* Và nhiều năm sau khi bà qua đời những ký ức của bà về cố hương vẫn tiếp tục sống trong tâm trí của chúng tôi như thể đó là ký ức của chính chúng tôi vậy: quán mozzarella, tiệm pomodori, tiệm Lago di Como, quán piazza ở trung tâm thị trấn nơi hàng ngày bà đi mua hàng cùng với các chị em gái của mình. Đất nước *Italia, Italia, chao ôi! Tôi mong được thấy cố hương lần cuối biết nhường nào.*

Chính những người phụ nữ của họ dạy chúng tôi những điều chúng tôi cần biết nhất. Họ dạy bạn cách nhóm bếp lò. Họ dạy bạn cách dọn giường. Họ dạy bạn cách trả lời khi có người bấm chuông cửa. Họ dạy bạn cách bắt tay. Họ dạy bạn cách mở

và đóng vôi rượu, thứ mà nhiều người trong chúng tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Họ dạy bạn cách quay số điện thoại. Họ dạy bạn cách tỏ ra vui vẻ khi nói qua điện thoại ngay cả khi bạn đang bức tức hoặc buồn rầu. Họ dạy bạn cách rán trứng. Họ dạy bạn cách gọt khoai tây. Họ dạy bạn cách bày bàn ăn. Họ dạy bạn cách chuẩn bị một bữa tiệc tối năm món trong sáu giờ cho mười hai người. Họ dạy bạn cách châm thuốc. Họ dạy bạn cách nhả khói thuốc thành vòng tròn. Họ dạy bạn cách làm tóc xoắn trông giống kiểu tóc của Mary Pickford. Họ dạy bạn cách giặt sạch vết son trên áo sơ mi trắng của chồng bạn ngay cả khi vết son đó không phải là của bạn. Họ dạy bạn cách nâng váy trên phố để lộ ra một phần nhất định của đôi chân. *Cô phải nhử, chứ không được kêu gọi.* Họ dạy bạn cách nói chuyện với chồng. Họ dạy bạn cách tranh luận với chồng. Họ dạy bạn cách lừa dối chồng. Họ dạy bạn cách ngăn không cho chồng lạc ra khỏi tầm kiểm soát của bạn. *Đừng hỏi anh ta đã ở đâu hoặc mấy giờ anh ta sẽ về nhà mà hãy đảm bảo rằng cô luôn làm cho anh ta hạnh phúc khi ở trên giường.*

Chúng tôi yêu quý họ. Chúng tôi căm ghét họ. Chúng tôi muốn là họ. Họ mới cao ráo, dễ thương và xinh đẹp làm sao. Chân tay họ dài miên man trông thật duyên dáng. Răng họ trắng bóng. Da họ

trắng mịn làm làm lu mờ những nhược điểm của khuôn mặt. Những nét tính cách dễ mến nhưng kỳ quặc chưa bao giờ lại không gây thích thú cho người khác của họ - sự mê thích của họ đối với món nước chấm A.1 và những đôi giày cao gót mũi nhọn hoắt, kiểu bước đi hài hước của họ, xu hướng tụ tập ở phòng khách của nhà nhau tạo thành những đám đông ồn ào đứng nói chuyện trong suốt nhiều giờ của họ. Chúng tôi tự hỏi, tại sao họ lại không ngồi xuống nhỉ? Dường như ở đâu trong thế giới này họ cũng cảm thấy tự nhiên như ở nhà. Họ thật thoải mái. Họ có sự tự tin mà chúng tôi không có. Tóc họ đẹp hơn tóc chúng tôi nhiều. *Rất nhiều màu*. Và chúng tôi cảm thấy tiếc vì mình không thể giống họ.

Đêm khuya, trong căn phòng chật hẹp không có cửa sổ nằm ở phía sau ngôi nhà lớn uy nghiêm của họ, chúng tôi bắt chước họ. “Nào, bây giờ anh làm ông chủ và em làm bà chủ nhé”, chúng tôi nói với chồng mình. “Không, em là ông chủ và anh là bà chủ”, đôi khi chồng chúng tôi đáp như vậy. Chúng tôi cố hình dung ra cách họ làm chuyện ấy. Cố tưởng tượng ra họ nói gì trong lúc làm chuyện ấy. Ai ở trên. Ai ở dưới. Ông chủ có hét lên trong khi làm chuyện ấy không? Bà chủ có hét không? Đến tận lúc thức dậy vào buổi sáng họ vẫn quần lấy

nhau chẳng? Những lần khác chúng tôi nằm im trong bóng tối, kể cho nhau về ngày của mình. *Em đập thảm. Em luộc khăn trải giường bằng nước sôi. Anh dùng dao làm đồng đào cỏ gà ở phía nam của bãi cỏ.* Và khi chúng tôi kể xong chúng tôi kéo chăn lên qua đầu, nhắm mắt lại, mơ về một ngày mai tốt đẹp hơn sẽ đến. Một ngôi nhà của riêng chúng tôi, một ngôi nhà sơn trắng xinh xắn nằm trên một con phố dài rợp bóng cây có khu vườn quanh năm đầy hoa nở. Một bồn tắm chỉ trong nháy mắt đã có đầy nước nóng. Một người hầu sáng sáng mang đồ điểm tâm được đựng trên một chiếc khay bạc hình tròn cho chúng tôi và lau dọn tất cả các phòng trong nhà một cách tỉ mỉ. Một cô hầu phòng. Một chị thợ giặt. Một quản gia người Trung Hoa mặc áo dài trắng xuất hiện ngay khi chúng tôi rung chuông và gọi, “Charlie, mang trà cho tôi nào!”

Họ đặt cho chúng tôi những cái tên mới. Họ gọi chúng tôi là Helen và Lily. Họ gọi chúng tôi là Margaret. Họ gọi chúng tôi là Pearl. Họ lấy làm lạ trước vóc dáng bé nhỏ của chúng tôi và ngạc nhiên trước mái tóc đen dài óng ả của chúng tôi. Họ khen ngợi chúng tôi vì cái nết chịu thương chịu khó. *Cô gái này cứ xong việc mới chịu ngừng tay.* Họ khoe về chúng tôi với hàng xóm. Họ khoe về chúng tôi với bạn bè. Họ tuyên bố rằng họ

thích chúng tôi hơn bất cứ người giúp việc nào khác. *Không thể tìm đâu ra người được việc như cô gái ấy đâu.* Khi họ không vui và không có ai để dốc bầu tâm sự họ kể cho chúng tôi nghe những bí mật đen tối nhất của mình. *Tất cả những gì tôi đã nói với chồng tôi đều là dối trá hết.* Khi chồng của họ đi vắng họ bảo chúng tôi lên gác ngủ với họ để họ khỏi cảm thấy cô đơn. Khi họ gọi chúng tôi vào lúc nửa đêm chúng tôi đến với họ và nằm bên họ cho tới tận sáng. “Nín đi, nín đi nào”, chúng tôi an ủi họ. Và chúng tôi nói: “Đừng khóc nữa, bà chủ”. Khi họ phải lòng một người đàn ông không phải là chồng của họ chúng tôi trông nom con cho họ trong khi họ ra ngoài hẹn hò với người tình vào ban ngày. “Trông tôi có ổn không?” họ hỏi chúng tôi. Và họ hỏi: “Váy của tôi như thế này có chật quá không?” Chúng tôi phủi những vết xơ vải nhỏ li ti khỏi áo sơ mi của họ, thắt lại khăn, chỉnh lại những lọn tóc quăn cho họ. Chúng tôi nhổ những sợi tóc đã ngả màu muối tiêu trên đầu họ mà tuyệt nhiên không bình luận gì. “Trông bà đẹp lắm”, chúng tôi khen bà chủ của mình, và sau đó chúng tôi để họ đi làm cái việc họ muốn. Và buổi tối khi chồng của họ trở về nhà vào giờ thường lệ chúng tôi vờ như không hề may mắn biết bất cứ chuyện gì hết.

Một người trong số họ sống một mình trong căn biệt thự đã xuống cấp trên ngọn đồi được gọi là Đồi Nob ở San Francisco và suốt mười hai năm chỉ ru rú trong nhà không bước chân ra ngoài. Có người là một nữ bá tước đến từ Dresden, người chưa bao giờ cầm một vật gì nặng hơn chiếc nĩa. Có người từng trốn khỏi những người Bôn-xê-vích ở Nga, sang Mỹ và đêm nào cũng mơ được quay trở về ngôi nhà của cha đẻ ở Odessa. *Chúng tôi đã mất tất cả.* Có người trước đó chỉ sử dụng những người hầu da đen. Có bà chủ không gặp may với người Trung Hoa. *Tôi cứ phải để mắt đến họ suốt.* Có bà chủ bắt chúng tôi quỳ mỗi khi chúng tôi lau sàn nhà thay vì sử dụng cây lau nhà. Có bà tự tay cầm giẻ cố giúp chúng tôi, nhưng rốt cuộc chỉ làm vướng chân chúng tôi mà thôi. Có bà chủ mời chúng tôi dùng bữa trưa với những món ăn được chế biến công phu và được để trong những chiếc đĩa sứ đẹp tuyệt và nhất quyết bắt chúng tôi ngồi ăn cùng họ tại bàn ăn, mặc dù chúng tôi chỉ mong được tiếp tục công việc của mình. Một bà chủ có thói quen đến tận giữa trưa mới thay váy ngủ. Một số bà chủ bị chứng đau đầu hành hạ. Nhiều bà chủ thường âu sầu, buồn bã. Hầu hết các bà chủ đều uống rượu. Có bà chủ chiều thứ Sáu nào cũng đưa chúng tôi tới cửa hàng bách hóa mang tên Thành

phố Paris ở trung tâm thành phố và bảo chúng tôi hãy chọn một cái áo, cái quần mới. *Hãy chọn bất cứ cái nào cô thích.* Có bà chủ đưa cho chúng tôi một cuốn Từ điển, một đôi găng tay bằng lụa trắng và đăng ký cho chúng tôi vào lớp học tiếng Anh đầu tiên trong đời. *Lái xe của tôi sẽ đợi cô ở bên dưới.* Những người khác đích thân dạy chúng tôi tiếng Anh. *This is a bucket (Đây là một cái xô).* *This is a mop (Đây là một cái cây lau nhà).* *This is a broom (Đây là một cái chổi).* Có bà chủ chưa bao giờ nhớ nổi tên của chúng tôi, những người giúp việc tại gia của bà. Có bà chủ sáng nào ở trong bếp cũng chào chúng tôi bằng giọng ấm áp và thân mật nhưng khi bà ta tình cờ gặp chúng tôi ngoài đường bà làm như không hề quen biết chúng tôi. Có bà chủ hiếm khi nói một lời với chúng tôi trong suốt mười ba năm chúng tôi làm việc cho bà, nhưng khi qua đời, bà để lại cho chúng tôi một khoản tiền không nhỏ.

Chúng tôi thích nhất khi bà chủ của mình ra ngoài làm tóc hoặc ăn trưa, và chồng của họ vẫn ở văn phòng chưa về nhà, các con của họ thì chưa tan trường. Những lúc như thế không ai theo dõi chúng tôi hết. Không ai nói chuyện với chúng tôi hết. Không ai để ý chúng tôi từ phía sau trong khi chúng tôi lau chùi đồ đạc để sắp xếp từng vết bẩn

nhỏ tí ti mà chúng tôi bỏ sót. Nhà vắng tanh. Im ắng. Nhà của chúng tôi. Chúng tôi kéo rèm. Chúng tôi mở cửa sổ. Chúng tôi tha hồ hít thở không khí trong lành khi chúng tôi di chuyển từ phòng này sang phòng khác, lau bụi và đánh bóng đồ đạc của họ. *Tất cả những gì họ nhìn là ánh sáng mặt trời.* Những lúc như thế chúng tôi cảm thấy bình tĩnh hơn. Chúng tôi đỡ sợ hãi hơn. Chúng tôi cảm thấy được là chính mình. Vài người trong chúng tôi ăn trộm đồ của họ. Ban đầu là những thứ lặt vặt, những thứ mà chúng tôi không nghĩ là họ nhận ra mình bị mất. Một cái nĩa bằng bạc. Một cái lọ dùng để đựng và rắc muối. Một hộp rượu brandy. Một cái tách đựng trà có hình những bông hoa hồng mà chúng tôi nhất định phải có. Một cái bình gốm có màu xanh giống như bức tượng Phật màu ngọc bích của mẹ chúng tôi. *Tôi chỉ thích những thứ xinh xinh thôi.* Một vài sự thay đổi nho nhỏ xảy ra ở xung quanh tủ bếp trong nhiều ngày. Nhiều người trong chúng tôi có bị cảm ổm đấy nhưng không hề tơ hào bất cứ thứ gì của chủ, và vì tính thật thà mà chúng tôi được thưởng xứng đáng. *Tôi là người hầu duy nhất bà chủ cho phép bước vào phòng ngủ của bà ấy ở trên gác. Tất cả những người hầu da đen đều chỉ được quanh quẩn ở trong bếp thôi.*

Vài người trong số họ sa thải chúng tôi mà không hề báo trước và chúng tôi không biết mình đã làm gì sai. “Tại vì cô quá xinh đẹp”, chồng của chúng tôi nói, mặc dù chúng tôi biết thật khó tin đó là sự thật. Vài người trong chúng tôi cảm thấy mình vụng về đến mức chúng tôi biết không thể làm cho nhà họ được quá một tuần. Chúng tôi quên hầm thịt cho bữa tối của họ. Lần nào chúng tôi cũng làm cháy món cháo yến mạch. Chúng tôi đánh rơi những chiếc ly. Vì nhầm lẫn chúng tôi ném pho mát của họ vào thùng rác. “Tôi cứ nghĩ nó bị thiu rồi”, chúng tôi cố giải thích. “Mùi pho mát bao giờ chẳng như vậy”, họ nói với chúng tôi. Vài người trong số chúng tôi gặp khó khăn trong việc hiểu tiếng Anh của họ, thứ tiếng Anh chẳng giống những gì chúng tôi học được từ những cuốn sách. Chúng tôi nói “Có” khi họ hỏi liệu chúng tôi có cảm thấy phiền khi gấp quần áo của họ không và đáp “Không” khi họ bảo chúng tôi lau sàn nhà, và khi họ hỏi chúng tôi có nhìn thấy đôi khuyên tai bằng vàng của họ đâu không, chúng tôi mỉm cười và nói: “Ồ, bà nói như vậy có đúng không?” Những người khác trong số chúng tôi lúc nào cũng trả lời chủ bằng một tiếng “Hừm” bất kể họ nói gì. Vài người trong số chúng tôi rơi vào cảnh được chồng trót “bốc” lên rằng nấu nướng thạo lắm - *các món*

sở trường của vợ tôi là món gà Kiev và món súp vichysoise - nhưng thực tế cho thấy món ăn duy nhất mà chúng tôi có thể làm là món cơm. Vài người trong số chúng tôi lớn lên tại những điền trang rộng lớn, có người giàu và không thể chịu đựng nổi khi bị sai làm việc này, việc nọ. Vài người trong số chúng tôi không hòa hợp được với các con của họ, những đứa trẻ vừa hung hăng, xấc láo vừa hay gây ồn ào. Vài người trong số chúng tôi phản đối những gì họ nói về mình với con họ khi họ không biết chúng tôi cũng đang có mặt ở trong phòng. Nếu con không học hành chăm chỉ thì lớn lên con sẽ chỉ là người lau sàn nhà như Lily mà thôi.

Hầu hết các bà chủ không chú ý nhiều đến chúng tôi. Chúng tôi có mặt khi họ cần và khi họ không cần, chúng tôi biến khỏi tầm mắt của họ. Chúng tôi tránh mặt họ, lặng lẽ lau sàn nhà của họ, đánh bóng đồ gỗ của họ, tắm cho con họ, lau chùi những chỗ mà không ai ngoài chúng tôi có thể nhìn thấy. Chúng tôi hiếm khi mở miệng nói. Chúng tôi ăn ít. Chúng tôi hiền lành. Chúng tôi tốt tính. Chúng tôi chưa bao giờ gây chuyện và khi họ muốn gây chuyện với chúng tôi chúng tôi cho phép họ làm điều đó. Chúng tôi cho phép họ khen ngợi chúng tôi khi họ hài lòng với chúng tôi. Chúng tôi cho phép họ la mắng chúng tôi khi họ

nổi cơn điên. Chúng tôi cho phép họ quăng cho chúng tôi những thứ mà chúng tôi thực sự không muốn, không cần. *Nếu tôi không nhận chiếc áo len cũ đó thì bà ấy sẽ bảo tôi sẽ diện quá.* Chúng tôi không quấy rầy họ bằng cách hỏi này hỏi nọ. Chúng tôi không bao giờ phàn nàn hoặc cãi lại họ. Chúng tôi chưa bao giờ đòi tăng lương. Bởi vì hầu hết chúng tôi là những cô gái nông thôn mộc mạc không biết nói tiếng Anh và ở Mỹ chúng tôi biết rằng mình chẳng có sự lựa chọn nào khác ngoài việc cọ bồn rửa và lau sàn nhà.

Trong những bức thư gửi về quê hương cho mẹ của mình chúng tôi không nhắc đến họ. Chúng tôi không nhắc đến họ trong thư gửi chị gái, thư gửi bạn bè. Bởi vì ở Nhật việc hèn mọn nhất mà một người phụ nữ có thể làm đó là làm hầu gái. *Chúng con thôi không làm ở trang trại nữa và đã chuyển đến một ngôi nhà đẹp ở thành phố, nơi chồng của con tìm được chân làm công cho một gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu. Con đang tăng cân. Con phổng phao hơn rồi. Con cao thêm được hơn một phân nữa. Con bây giờ đã mặc đồ lót. Con đã mặc áo nịt ngực và đi tất. Con mặc áo sơ mi trắng cộc tay may bằng vải cotton. Hôm nào con cũng ngủ tới tận chín giờ sáng và buổi chiều con đi dạo trong vườn với chú mèo cưng. Mặt con đầy đặn hơn rồi. Hông con*

nở nang hơn. Con biết bước bước dài rồi. Con đang học đọc. Con đang học chơi dương cầm. Con đã nắm được nghệ thuật nướng bánh của người Mỹ và mới đây, nhờ món bánh trứng đường có hương vị chanh, con đã giành giải nhất trong một cuộc thi làm bánh. Con biết mẹ sẽ thích ở đây. Đường phố ở đây rộng và sạch và mẹ không phải cởi giày khi mẹ đi trên cỏ dâu. Lúc nào con cũng nghĩ đến mẹ và con sẽ gửi tiền về nhà ngay khi có thể.

Thỉnh thoảng một trong những người đàn ông của họ yêu cầu nói chuyện riêng với chúng tôi tại thư phòng của ông ta trong khi bà vợ ra ngoài mua sắm, và chúng tôi không biết phải từ chối như thế nào. “Mọi chuyện ổn cả chứ?” ông ta hỏi chúng tôi. Thường thì chúng tôi chỉ nhìn đăm đăm xuống sàn nhà và nói, *Ổn, mọi chuyện đều ổn ạ*, mặc dù thực tế không phải như vậy, nhưng khi ông chủ khẽ chạm vào vai chúng tôi và hỏi chúng tôi có chắc là mọi chuyện đều ổn không, chúng tôi không né tránh ông ta. “Không ai biết đâu”, ông ta nói với chúng tôi. Hoặc, “Vợ tôi ra ngoài còn lâu mới về”. Và khi ông ta dẫn chúng tôi lên gác, đưa chúng tôi vào phòng ngủ, đặt chúng tôi nằm xuống giường - chính cái giường mà chúng tôi đã dọn lúc sáng - chúng tôi khóc bởi vì đã lâu lắm rồi chúng tôi chưa được ôm.

Vài người trong số họ yêu cầu chúng tôi nói mấy từ tiếng Nhật chỉ để họ có thể nghe âm thanh giọng nói của chúng tôi. *Cô nói gì cũng được, không quan trọng.* Vài người trong số họ bảo chúng tôi mặc bộ kimono đẹp nhất mà chúng tôi có và bước chầm chậm dọc sống lưng họ. Một số người bảo chúng tôi trói họ lại bằng chiếc khăn lụa in hoa và gọi họ bằng bất cứ cái tên nào xuất hiện trong đầu chúng tôi, chúng tôi ngạc nhiên trước những cái tên mà chúng tôi thốt ra, và chúng tôi ngạc nhiên khi những cái tên được thốt ra một cách dễ dàng bởi vì trước đó chúng tôi chưa bao giờ nói ra những cái tên đó. Một số người yêu cầu chúng tôi nói tên thật, những cái tên mà sau đó họ thì thào vào tai chúng tôi hết lần này đến lần khác cho đến khi chúng tôi không biết mình là ai nữa. *Midori. Midori. Midori.* Vài người trong số họ khen chúng tôi đẹp, mặc dù chúng tôi biết mình trông vừa xấu xí vừa quê mùa. *Ở Nhật không người đàn ông nào thêm để mắt đến tôi.* Vài người trong số họ hỏi khi làm chuyện ấy chúng tôi có thích không, hoặc hỏi họ có làm chúng tôi đau không, nếu đau, chúng tôi có thích bị đau như thế không, và chúng tôi nói “có”, bởi vì đó là sự thật. *Chỉ ít khi em ở bên ông em cũng biết mình đang sống.* Vài người trong số họ nói dối chúng tôi. *Trước đây tôi chưa bao giờ làm*

chuyện này. Và chúng tôi cũng nói dối họ. Em cũng chưa từng. Vài người trong số họ cho chúng tôi tiền, những đồng tiền mà chúng tôi cất trong tất để tối về nhà chúng tôi đưa cho chồng mình mà không nói một lời nào. Vài người trong số họ hứa sẽ bỏ vợ để sống với chúng tôi, mặc dù chúng tôi biết họ sẽ chẳng bao giờ làm như họ nói. Vài người phát hiện ra chúng tôi có thai với họ - Hơn sáu tháng nay chồng em không chạm vào người em - và tổng cổ chúng tôi đi. "Cô phải bỏ cái thai ngay", họ nói với chúng tôi. Họ nói: "Tôi sẽ chịu mọi phí tổn của việc, phá thai". Họ nói: "Tôi sẽ tìm việc làm cho cô ở chỗ khác".

Một người trong số chúng tôi phạm phải sai lầm là đem lòng yêu ông chủ của mình và ngày cũng như đêm lúc nào cũng nghĩ về ông ta. Một người trong số chúng tôi thú nhận tất cả mọi chuyện với chồng, bị chồng dùng cán chổi đánh cho một trận tơi bời rồi sau đó cả hai cùng gục xuống khóc nức nở. Có người thú nhận tất cả mọi chuyện với chồng và người chồng lập tức đòi li dị, tổng cổ cô về với cha mẹ để ở Nhật, và giờ đây cô làm việc trong một nhà máy sợi ở Nagano mười tiếng một ngày. Có người thú nhận tất cả mọi chuyện với chồng, được chồng tha thứ, nhưng sau đó lại phải nghe chồng thú nhận một số tội lỗi của anh ta. *Anh có gia đình*

khác ở Colusa. Một người trong số chúng tôi không hé răng nói cho ai biết chuyện của mình và dần dần cô trở thành người quản trí. Có người viết thư về nhà xin lời khuyên của mẹ, người luôn luôn biết phải làm gì, nhưng không bao giờ nhận được thư trả lời. *Tôi phải vượt qua cây cầu này một mình.* Có người bỏ đầy đá vào tay áo của chiếc kimono trắng mà cô ấy mặc trong ngày cưới và đi ra biển, trầm mình xuống biển, và cho đến bây giờ, hàng ngày chúng tôi vẫn cầu nguyện cho linh hồn cô được siêu thoát.

Vài người trong số chúng tôi phục vụ đàn ông tại các khách sạn màu hồng, trong những phòng ngủ ở phía trên những phòng bi-da và những quầy rượu thuộc những khu phố không được sang trọng như khu của người Mỹ. Chúng tôi gọi tên của khách từ những ô cửa sổ tầng hai của Mái nhà Tokyo và tại nhà nghỉ đó người trẻ nhất trong số chúng tôi chỉ mới mười tuổi. Với đôi mắt đăm đăm, lấp ló phía trên những chiếc quạt giấy sặc sỡ chúng tôi liếc mắt đưa tình với khách tại nhà nghỉ Yokohama, và với giá hợp lý chúng tôi làm cho họ bất cứ điều gì mà ở nhà vợ họ không làm cho họ. Tại nhà chứa Aloha chúng tôi giới thiệu mình là Cô Saki, Cô Hoa Anh Đào bằng giọng con gái thánh thót, và khi họ hỏi chúng tôi từ đâu

đến chúng tôi mỉm cười nói, “Ồ, từ một nơi nào đó thuộc Kyoto”. Chúng tôi khiêu vũ với họ tại câu lạc bộ đêm New Eden và buộc họ phải trả năm mươi xu cho mười lăm phút ở cùng chúng tôi. Và nếu họ muốn lên gác với chúng tôi, chúng tôi bảo họ rằng giá của mỗi lần làm chuyện đó là năm đô la, hoặc nếu họ muốn giữ phòng đến sáng thì họ phải trả hai mươi đô la. Khi xong việc với họ chúng tôi nộp tiền cho chủ chứa, những kẻ chỉ có lo đánh bạc thâu đêm và đút lót cho cảnh sát, nhất quyết không để chúng tôi ngủ với bất cứ ai cùng chủng tộc với chúng tôi. *Một cô gái như cô trị giá cả nghìn thỏi vàng.*

Thỉnh thoảng, trong khi chúng tôi nằm với họ, lòng chúng tôi dâng lên niềm ao ước được ở bên chồng mình, người mà chúng tôi đã trốn khỏi. *Anh ấy có tệ như vậy không? Anh ấy có thô bạo như vậy không? Có chán ngắt như vậy không?* Đôi khi chúng tôi phải lòng ông chủ, người đã dùng dao đe dọa để bắt cóc chúng tôi khi chúng tôi từ cánh đồng trở về nhà. *Ông ta mang đến cho tôi nhiều thứ. Ông ta trò chuyện với tôi. Ông ta cho phép tôi đi dạo.* Đôi khi chúng tôi tự thuyết phục mình tin rằng sau một năm ở nhà chứa Eureka chúng tôi sẽ có đủ tiền để mua vé tàu trở về quê hương, nhưng đến cuối năm chúng tôi nhận ra toàn bộ những gì mình

có chỉ là năm mươi xu và chứng bệnh lậu đã phát triển khá nặng. *Năm sau vậy*, chúng tôi tự nhủ. *Hoặc có lẽ năm sau nữa*. Nhưng ngay cả người xinh đẹp nhất trong số chúng tôi cũng biết rằng mình sắp chết, bởi vì khi bạn làm cái nghề bán trôn nuôi miệng, thì bạn hoặc thân tàn ma dại hoặc chết trước tuổi hai mươi.

Một người trong số họ chuộc chúng tôi từ nhà chứa nơi chúng tôi làm việc, đưa chúng tôi về sống ở một ngôi nhà lớn nằm trên một con phố rợp bóng cây ở Montecito mà chúng tôi không biết tên. Đó là một ngôi nhà có những khóm dâm bụt bên ngoài cửa sổ, những phiến đá cẩm thạch, những bộ sô pha bọc da, những chiếc đĩa thủy tinh chứa đầy hạnh nhân dành cho khách khứa ghé chơi vào bất cứ lúc nào. Có một con chó cưng lông trắng mà chúng tôi gọi là Shiro theo tên của con chó mà chúng tôi đã bỏ lại ở Nhật, và ba lần mỗi ngày chúng tôi đi dạo với con vật đó trong niềm thích thú. Trong nhà có tủ lạnh. Có máy hát. Có radio Majestic. Có xe Ford Model T để ở lối vào, chiếc xe mà Chủ nhật nào chúng tôi cũng leo lên để ra ngoài chơi. Có một cô hầu gái bé xíu tên là Consuelo đến từ Philippine có thể làm những chiếc bánh nướng ngon tuyệt, và đoán trước được nhu cầu của chúng tôi. Cô ta biết khi nào chúng tôi hạnh phúc. Cô ta

biết khi nào chúng tôi buồn. Đêm trước chúng tôi cãi nhau với chồng cô ta cũng biết và khi chúng tôi vui cô ta cũng biết. Vì tất cả những điều đó chúng tôi mãi mãi biết ơn chồng mới của mình, và chúng tôi biết nếu không có người chồng bây giờ thì chúng tôi vẫn còn phải đứng đường bán trôn nuôi miệng. *Ngay phút đầu tiên gặp anh ấy tôi đã biết rằng mình sẽ được cứu.* Nhưng thỉnh thoảng chúng tôi lại nghĩ về chồng cũ với nỗi băn khoăn khó tả. *Sau hôm mình bỏ đi anh ấy có đem đốt hết tất cả mọi thứ của mình không? Anh ấy có xé tất cả những bức thư đi không? Anh ấy có căm ghét mình không? Anh ấy có nhớ mình không? Anh ấy có quan tâm mình còn sống hay đã chết không? Anh ấy còn làm cho nhà Burnham ở phố Sutter không? Anh ấy đã trồng hoa thủy tiên cho nhà họ chưa? Anh ấy đã kết thúc việc trồng lại cỏ cho họ chưa? Anh ấy vẫn ăn bữa tối một mình trong căn bếp rộng của bà Burnham, hay cuối cùng đã kết bạn với cô hầu gái da đen được yêu quý của bà chủ? Mỗi tối anh ấy vẫn đọc ba trang của cuốn sách "Kỹ thuật làm vườn" trước khi đi ngủ chứ? Anh ấy vẫn còn mơ trở thành một quản gia chứ? Thỉnh thoảng, vào những buổi chiều, khi ánh sáng ban ngày bắt đầu nhạt đi chúng tôi mang tấm ảnh đã ngả màu vàng của chồng cũ từ trong rương ra và ngắm nó lần cuối. Nhưng dù*

cố gắng đến mức nào chúng tôi cũng không thể vượt những bức ảnh ấy đi.

Nhiều người trong số chúng tôi chỉ ba ngày sau khi đặt chân lên đất Mỹ đã lúi húi bên những chậu giặt được mạ kẽm của họ, lặng lẽ giặt đồ của họ: những chiếc vỏ gối và khăn trải giường ố bẩn, những chiếc khăn mùi xoa bẩn, những cổ áo bẩn, những chiếc quần xi-líp được may bằng ren trắng trông đáng yêu đến mức chúng tôi nghĩ chúng nên được mặc ở ngoài chứ không phải ở trong. Chúng tôi làm việc tại những tiệm giặt nằm ở tầng hầm trong những khu phố của người Nhật, thuộc những nơi kém phát triển nhất của các thành phố ở Mỹ - San Fransco, Sacramento, Santa Barbara, L.A - và sáng sáng chúng tôi thức dậy trước bình minh cùng với chồng của mình, chúng tôi giặt, luộc, và dùng bàn chải chải quần áo thuê cho người Mỹ. Ban đêm khi chúng tôi buông bàn chải giặt để lên giường đi ngủ trong mơ chúng tôi mơ thấy mình vẫn đang giặt, và trong nhiều năm giấc mơ ấy đêm nào cũng xuất hiện. Và mặc dù chúng tôi không vượt cả chặng đường xa như thế đến Mỹ chỉ để sống trong một căn phòng bé tí ở phía sau tiệm giặt Royal Hand (Bàn tay Hoàng gia), chúng tôi biết rằng mình không còn đường trở về quê hương nữa. *Nếu con trở về nhà*, cha chúng tôi viết

thư cho chúng tôi, thì con sẽ làm ô nhục cả gia đình ta. Nếu con bỏ về nhà thì các em gái của con sẽ không bao giờ lấy chồng được đâu. Nếu con bỏ về nhà thì không một gã đàn ông nào thèm ngó ngang đến con nữa.

Trong khu phố của người Nhật chúng tôi hiếm khi nhìn thấy người Mỹ. Chúng tôi phục vụ bữa ăn bảy ngày một tuần tại quán bán đồ ăn trưa của chồng, tại những quán bán mì sợi, nơi chúng tôi thuộc lòng các luật lệ. Quán của ông Yamamoto. Quán của ông Natsuhara. Quán của ông Eto. Quán của ông Kodami. Chúng tôi dọn phòng trong các quán trọ rẻ tiền của chồng mình, và mỗi ngày hai lần chúng tôi nấu thức ăn phục vụ khách trọ, những người trông giống như chúng tôi. Chúng tôi mua rau quả tại cửa hàng của Fujioka, nơi có bán tất cả mọi thứ ở quê hương mà chúng tôi nhớ: lá trà xanh, xà phòng Mitsuwa, nhang, mạn ngâm, đậu hũ, rong biển khô để phòng bệnh bursu cổ và cảm lạnh. Chúng tôi mua rượu sake lậu ở phòng bi-da phía dưới nhà chứa thuộc góc của phố Third and Main cho chồng mình uống, nhưng luôn đảm bảo rằng mình nhớ đeo tạp dề trắng trước khi bước chân vào đó để khỏi bị người ta nhìn nhầm là gái điếm. Chúng tôi mua quần áo ở cửa hàng Yada Ladies và mua giày tại tiệm giày Asahi nơi

có bán những đôi giày vừa chân chúng tôi. Chúng tôi mua kem thoa mặt ở cửa hàng Tenshodo. Thứ Bảy nào chúng tôi cũng đi tắm ở nhà tắm công cộng, buôn chuyện với hàng xóm và bạn bè ở đó. Có đúng là Kisayo không để cho chồng cô ấy vào nhà bằng cửa chính không? Có phải Mikiko đã trốn đi với một gã chơi bạc ở câu lạc bộ Toyo không? Hagino đã làm gì với mái tóc của cô ấy thế nhỉ? *Trông nó giống như ổ chuột vậy.* Khi bị đau răng chúng tôi tìm đến phòng khám nha khoa của bác sĩ Yaoshinaga, và khi bị đau lưng, đau đầu gối chúng tôi tìm đến bác sĩ Hayano, một bác sĩ về xương khớp thông thạo thuật mát-xa Shiatsu. Và bất cứ khi nào chúng tôi cần lời khuyên về vấn đề tình cảm - *Mình nên bỏ hay tiếp tục sống với anh ta?* - chúng tôi tìm đến bà Murata, một người đàn bà chuyên xem bói sống trong căn nhà sơn màu xanh dương ở phố Second gần tiệm cầm đồ Asakawa, chúng tôi ngồi trong bếp nhà bà ấy, cúi đầu, đặt tay trên đầu gối trong khi đợi sự phán bảo của các vị thần. *Nếu bây giờ người bỏ anh ta thì cuộc đời của nhà người sẽ không có bất cứ người đàn ông nào nữa.* Và tất cả những gì diễn ra trong bốn dãy phố của khu phố Nhật còn đa dạng và phong phú hơn cả những gì diễn ra tại cái làng mà chúng tôi đã bỏ lại phía sau ở nước Nhật. *Nếu*

tôi nhắm mắt lại tôi thậm chí sẽ không biết mình đang sống ở nước ngoài.

Bất cứ khi nào chúng tôi rời khỏi khu phố Nhật, đi lang thang qua những đường phố rộng và sạch sẽ thuộc những khu phố của người Mỹ chúng tôi đều cố gắng để mình không bị chú ý. Chúng tôi mặc giống người Mỹ. Chúng tôi cố bước đi giống họ. Chúng tôi đảm bảo không đi thành đám đông. Chúng tôi biến mình thành nhỏ bé hoặc vô hình trước mắt họ - *nếu bạn cứ ở yên trong khu phố Nhật thì họ sẽ để cho bạn yên* - và cố gắng hết sức để không làm ai khó chịu. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn khiến họ cảm thấy không được thoải mái. Đàn ông Mỹ vỗ lưng chòng chúng tôi, hất mũ đội đầu của chòng chúng tôi xuống và gào to những lời nhạo báng. Trẻ con Mỹ ném đá vào người chúng tôi. Những người phục vụ ở các cửa hàng của người Mỹ luôn phục vụ chúng tôi sau cùng. Những người dẫn chỗ tại các rạp hát đưa chúng tôi lên gác tới ban công phụ và xếp chúng tôi ngồi ở ghế hạng bét. *Ban công dành cho mọi đen*, họ gọi như vậy. Thợ hớt tóc của họ từ chối cắt tóc cho chúng tôi. *Các người quá tầm thường không xứng để cây kéo của chúng tôi hoạt động.* Đàn bà của họ yêu cầu chúng tôi tránh xa khỏi xe đẩy trẻ con của họ bất cứ khi nào chúng tôi đứng quá gần. “Xin thứ lỗi cho tôi”,

chúng tôi vừa xin lỗi họ vừa mỉm cười và lập tức bước ra xa. Bởi vì, như chồng của chúng tôi đã dạy, cách duy nhất để phản kháng là không phản kháng. Dẫu vậy, phần lớn thời gian chúng tôi ở nhà, ở khu phố của người Nhật, nơi tất cả chúng tôi cảm thấy an toàn giữa những người thuộc cùng một dân tộc. Chúng tôi học cách sống tách biệt với người Mỹ, tránh tiếp xúc với họ hết mức có thể.

Một ngày kia chúng tôi tự hứa với bản thân rằng chúng tôi sẽ rời bỏ họ. Chúng tôi sẽ làm việc cật lực và sẽ tiết kiệm đủ tiền để đến sinh sống ở một nơi khác. Argentina chẳng hạn. Hoặc Mexico. Hoặc Sao Paulo ở Brazil. Hoặc Cáp Nhĩ Tân ở Mãn Châu, nơi chồng chúng tôi cho biết đó là xứ mà một người Nhật có thể sống như một hoàng tử. *Anh trai của anh đã sang đó hồi năm ngoái và đã phát giàu đấy.* Chúng tôi sẽ bắt đầu lại từ đầu. Sẽ mở cửa hàng bán hoa quả. Sẽ mở công ty riêng. Sẽ mua khách sạn hạng nhất. Chúng tôi sẽ trồng một cây anh đào ở đó. Chúng tôi sẽ có cả một vườn hồng ăn trái. Chúng tôi sẽ mua cả nghìn mẫu đất màu mỡ phì nhiêu. Chúng tôi sẽ học nhiều điều. Sẽ làm nhiều việc. Chúng tôi sẽ xây dựng một trại trẻ mồ côi. Một đền thờ. Chúng tôi sẽ được đi tàu hỏa lần đầu tiên trong đời. Và mỗi năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày cưới, chúng tôi sẽ thoa son môi

và đi ăn ở nhà hàng. *Một nhà hàng sang trọng có những tấm khăn trải bàn trắng tinh và những bộ đèn chùm lung linh.* Ngay khi chúng tôi tiết kiệm được đủ tiền để giúp cha mẹ mình sống một cuộc sống sung túc, an nhàn và thoải mái chúng tôi sẽ lập tức thu xếp trở về Nhật Bản. Chúng tôi sẽ trở về vào mùa thu và khi ấy cha của chúng tôi đang đập lúa ngoài đồng. Chúng tôi sẽ đi bộ qua những bãi dâu, qua những cây sơn trà, những ao sen, nơi trước kia chúng tôi thường bắt nòng nọc. Con chó cưng của chúng tôi sẽ cuống cuống chạy ra mừng. Hàng xóm của chúng tôi sẽ vẫy tay chào. Khi chúng tôi trở về chúng tôi sẽ thấy mẹ mình ngồi bên giếng nước với tay áo xắn cao, đang vo gạo để nấu cơm tối. Và khi mẹ nhìn thấy đứa con thân yêu của mình, mẹ sẽ đứng lên nhìn không chớp mắt. “Con gái bé bỏng của mẹ”, mẹ chúng tôi nói, “Bấy lâu nay con đã ở đâu thế?”

Chúng tôi sẽ chỉ ở Mỹ làm việc cho người Mỹ thêm một thời gian nữa thôi, và không có chúng tôi họ sẽ xoay xở như thế nào nhỉ? Ai sẽ hái dâu tây trên cánh đồng của họ? Ai sẽ hái quả trên cây của họ? Ai sẽ rửa cà rốt của họ? Ai sẽ cọ nhà vệ sinh của họ? Ai sẽ sửa quần áo của họ? Ai sẽ là áo sơ mi của họ? Ai sẽ giữ gối của họ? Ai sẽ thay khăn trải giường của họ? Ai sẽ nấu bữa sáng của họ? Ai

sẽ dọn bàn của họ? Ai sẽ đỡ con của họ? Ai sẽ tắm cho mẹ già của họ? Ai sẽ lắng nghe những câu chuyện của họ? Ai sẽ giữ các bí mật của họ? Ai sẽ nói những lời nói dối của họ? Ai sẽ phỉn nịnh họ? Ai sẽ hát cho họ nghe? Ai sẽ nhảy múa cho họ xem? Ai sẽ khóc vì họ? Ai sẽ nín nhịn trước sự mắng nhiếc, nhục mạ của họ và một ngày nào đó - vì chúng tôi mệt, chúng tôi già - liệu chúng tôi có thể tha thứ cho họ không? *Thật ngớ ngẩn*. Vậy là chúng tôi gấp những chiếc áo kimono lại và cất chúng vào rương, nhiều năm sau không lấy chúng ra mặc nữa.

Sinh nở trên đất Mỹ



Chúng tôi sinh con dưới gốc sồi, giữa trời mùa hè nắng gắt, khi nhiệt độ lên tới gần 50 độ C. Chúng tôi sinh con bên bếp củi trong những cái lán chỉ có một phòng vào những đêm rét buốt nhất của năm. Chúng tôi sinh con trên những bãi nổi đầy gió ở Delta, sáu tháng sau khi chúng tôi đặt chân đến nước Mỹ, con chúng tôi được sinh ra bé xiu, xanh xao, chỉ sống được đúng ba ngày. Chúng tôi sinh ra những đứa con hoàn hảo, tóc đen nhưng nhũc sau chín tháng đặt chân đến nước Mỹ. Chúng tôi sinh con trong những lán trại bẩn thỉu ở khu trồng nho thuộc Elk và Florin. Chúng tôi sinh con tại những trang trại xa xôi ở thung lũng Imperial với sự trợ giúp của chồng mình, người đã học

cách đỡ đẻ từ cuốn *Sổ tay của bà đỡ vườn*. Trước hết phải chuẩn bị một nồi nước sôi... Chúng tôi sinh con ở Rialto trong ánh đèn dầu leo lét, trên tấm chăn lụa cũ mà chúng tôi đã mang theo khi rời nước Nhật. Tấm chăn vẫn còn phảng phất mùi của mẹ tôi. Chúng tôi sinh con giống như Makiyo đã sinh con, trong một chuồng bò ở Maxwell, trên ổ rơm. Tôi muốn ở gần những con vật. Chúng tôi sinh con một mình, trong một vườn táo ở Sebastopol, sau khi đi kiếm củi trên đồi cao, trong một buổi sáng mùa thu ấm áp một cách bất thường. Tôi tự cắt rốn cho con bằng dao và tự mình bế nó về nhà. Chúng tôi sinh con trong một túp lều ở Livingston với sự trợ giúp của một bà đỡ người Nhật, người đã đi bằng ngựa vượt qua hai mươi dặm đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi sinh con ở những thị trấn nơi không có bác sĩ nào đến thăm khám hay đỡ đẻ cho chúng tôi hết, và chúng tôi tự dọn nhau thai của mình sau khi sinh. Tôi đã xem mẹ tôi làm việc đó nhiều lần rồi. Chúng tôi sinh con ở những thị trấn nơi chỉ có duy nhất một bác sĩ, và ông ấy đòi giá cao đến nỗi chúng tôi không trả nổi, đành tự lo lấy mọi việc. Chúng tôi sinh con với sự giúp đỡ của bác sĩ Ringwalt, người đã nhất quyết từ chối khi chúng tôi trả công cho ông. “Cô giữ lấy đi”, ông ấy nói. Chúng tôi sinh con

giữa những người Nhật, tại bệnh viện phụ sản tư của Takahashi ở đường Clement thuộc San Francisco. Chúng tôi sinh con tại bệnh viện Kuwabara ở phố North Fifth thuộc San Jose. Chúng tôi sinh con trên thùng xe tải của chồng, trên con đường xuyên qua vùng nông thôn ở Castroville. *Đứa bé ra nhanh quá.* Chúng tôi sinh ra đứa trẻ bụ bẫm nhất mà bà đỡ vườn từng thấy ngay trên nền nhà bẩn thỉu được lót bằng những tờ báo ở quán trọ thuộc Trại của người Pháp. *Thằng bé nặng những mười hai pao rưỡi.* Chúng tôi sinh con với sự giúp đỡ của vợ người bán cá, bà Kondo, người biết sơ sơ mẹ của chúng tôi ở Nhật Bản. *Mẹ của cô xinh thứ nhì trong làng đấy.* Chúng tôi sinh con phía sau tấm rèm che tại tiệm cắt tóc của Adachi ở Gardena trong khi chồng của chúng tôi cạo râu cho ông Ota. Chúng tôi sinh con một cách nhanh chóng, chỉ sau vài giờ đau đẻ, ở trong căn hộ phía trên quán Higo Ten Cent. Chúng tôi sinh con trong khi bám chặt cột giường và chửi rửa chồng - *Tại anh!* - và chồng chúng tôi thề sẽ không bao giờ đụng vào người chúng tôi nữa. Chúng tôi sinh con lúc năm giờ sáng trong phòng là quần áo ở tiệm giặt Eagle Hand và đêm hôm đó chúng tôi bắt đầu được chồng hôn. *Tôi đã nói với anh ấy: "Anh không thể đợi được sao?"* Chúng tôi

sinh con một cách lặng lẽ giống như mẹ của mình, những người không bao giờ kêu la hay phàn nàn gì. *Mẹ tôi làm việc trên cánh đồng cho đến tận ngày bà cảm thấy cơn đau đẻ đầu tiên.* Chúng tôi sinh con trong nước mắt, giống như Nogiku, người phụ nữ đã bị lên cơn sốt sau khi sinh nở và phải nằm liệt giường tận ba tháng. Chúng tôi sinh con một cách dễ dàng, trong vòng hai giờ đồng hồ, và sau đó phải chịu đựng chứng đau đầu kéo dài suốt năm năm trời. Chúng tôi sinh con vào đúng sáu tuần sau khi bị chồng bỏ và bây giờ chúng tôi ước giá mà khi ấy mình đừng mang con cho người ta. *Sau lần sinh đẻ ấy tôi không bao giờ còn có thể mang thai được nữa.* Chúng tôi sinh con một cách bí mật, ở trong rừng, và chồng tôi biết rõ đứa bé không phải là con của anh ta. Chúng tôi sinh con trên tấm khăn trải giường in hoa bạc phếch, trong một nhà chứa ở Oakland khi những tiếng rên rỉ từ phòng bên cạnh vọng sang nghe rõ mồn một. Chúng tôi sinh con trong một nhà trọ ở Petaluma, hai tuần sau khi chuyển khỏi nhà của chánh án Carmichael ở khu dân cư mang tên Ngọn đồi của người Nga. Chúng tôi sinh con sau khi nói lời tạm biệt với bà chủ của mình, bà Lippincott, người không muốn có một cô hầu gái mang thai ra mở cửa cho khách của bà. *Nhìn không hợp chút nào.*

Chúng tôi sinh con với sự giúp đỡ của vợ người đốc công, bà Santos, người đã giữ chặt đùi của chúng tôi và bảo chúng tôi hãy gắng rặn. *Rặn đi! Rặn đi! Rặn đi!* Chúng tôi sinh con trong khi chồng của chúng tôi đang mài đánh bạc tại khu phố Tàu và sáng hôm sau, khi anh ta trở về nhà trong tình trạng say khướt chúng tôi không thềm nói với chồng một lời nào trong suốt năm ngày. *Chỉ trong một đêm anh ta đã nướng hết toàn bộ số tiền chúng tôi kiếm được trong vụ mùa này.* Chúng tôi sinh con vào năm Khỉ. Chúng tôi sinh con vào năm Gà. Chúng tôi sinh con vào năm Chó, năm Rồng, năm Chuột. Chúng tôi sinh con đúng vào ngày rằm giống như Urako. Chúng tôi sinh con vào ngày Chủ nhật, trong một cái lán ở Encinitas, và ngay ngày hôm sau chúng tôi địu con trên lưng đi hái dâu tây trên cánh đồng. Chúng tôi sinh nhiều con đến nỗi chúng tôi mau chóng quên năm sinh của con mình. Chúng tôi sinh ra Nobuo, Shojoro, Ayako. Chúng tôi sinh ra Tameji, một đứa trẻ giống anh nó như đúc và chúng tôi ngắm khuôn mặt của nó với niềm vui sướng. *Ồ, là con à!* Chúng tôi sinh ra Eikicho, một đứa trẻ trông giống hệt người hàng xóm của mình để rồi sau đó chồng chúng tôi không bao giờ nhìn vào mắt chúng tôi nữa. Chúng tôi sinh ra Misuzu, một đứa trẻ có tròng hoa quăn

cổ, và chúng tôi biết một ngày nào đó con bé sẽ trở thành một ni cô. *Đó là dấu hiệu báo trước của Đức Phật.* Chúng tôi sinh ra Daisuke, một đứa trẻ có dái tai rất dài và chúng tôi biết sau này nó sẽ trở nên giàu có. Một người trong số chúng tôi sinh ra Masaji, một đứa trẻ được sinh ra trong cảnh hiếm muộn, khi mẹ nó đã bốn mươi lăm tuổi và đã từ bỏ mọi hy vọng có người nối dõi. *Tôi cứ nghĩ cái trứng cuối cùng của tôi đã rụng từ lâu lắm rồi.* Một người trong số chúng tôi sinh ra Fujiko, một đứa trẻ dường như ngay từ khi chào đời đã nhận biết được giọng của cha mình. *Khi nó còn ở trong bụng mẹ đêm nào chồng tôi cũng hát cho nó nghe.* Một người trong số chúng tôi sinh ra Yukiko, đứa trẻ mang cái tên có nghĩa là “Tuyết”. Có người trong số chúng tôi sinh ra Asano, đứa trẻ có hai cái đùi mập mạp, cái cổ ngắn chụt chịt và nếu không quá mập như vậy thì nó chắc chắn sẽ xinh trai hơn nhiều. Có người trong số chúng tôi sinh ra Kamechiyo, một đứa trẻ xấu xí đến mức mẹ nó sợ rằng lớn lên nó sẽ ế chồng. *Con bé có cái mặt có thể làm dừng cả một trận động đất.* Chúng tôi sinh ra những đứa trẻ xinh đẹp đến nỗi chúng tôi không tin nổi đó là con mình. Chúng tôi sinh ra những đứa trẻ là công dân Mỹ mà sau này chúng tôi có thể dùng tên để thuê đất. Chúng tôi sinh ra

những đứa trẻ mắc chứng đau bụng bẩm sinh. Chúng tôi sinh ra những đứa trẻ bị khoèo chân. Chúng tôi sinh ra những đứa trẻ gầy yếu, xanh xao. Chúng tôi sinh con mà không có mẹ đẻ ở bên để đỡ đẻ và chỉ bảo. Chúng tôi sinh ra những đứa trẻ có sáu ngón tay và chúng tôi ngoảnh mặt đi khi bà đỡ bắt đầu mài con dao của bà ta. *Chắc hẳn khi mang thai cô ăn cua nên giờ cô mới đẻ ra một đứa trẻ có bàn tay sáu ngón.* Chúng tôi bị lây bệnh lậu ngay trong đêm đầu tiên chúng tôi ở với chồng và sinh ra những đứa con bị mù. Chúng tôi sinh đôi, điều được coi là điềm gở, và chúng tôi bảo bà mẹ hãy làm cho một trong hai đứa con sinh đôi của mình trở thành một sinh linh chỉ ghé qua cuộc đời này một ngày. *Cô chọn đứa nào, bà đỡ hỏi.* Có người trong số chúng tôi sinh ra mười một đứa con trong vòng mười lăm năm nhưng chỉ nuôi sống được bảy đứa. Có người trong số chúng tôi sinh ra sáu đứa con trai và ba đứa con gái trước khi chị ta ba mươi tuổi và sau đó khi chồng muốn gần chị ta, chị đẩy chồng ra nói khê: “Đủ rồi”. Vậy mà chín tháng sau chị ta lại sinh ra Sueko, đứa trẻ có cái tên có nghĩa là “Út”. “Hừm, thêm một đứa nữa đi!” chồng chúng tôi nói. Chúng tôi sinh ra năm đứa con gái và năm đứa con trai, mỗi đứa cách nhau mười tám tháng và năm năm sau chúng

tôi sinh ra Toichi, đặt tên nó là “Mười Một”. Nó là toa cuối cùng của đoàn tàu há mồm. Chúng tôi vẫn cứ để mặc dù chúng tôi đã dội cả thùng nước lạnh lên bụng, nhảy từ trên cổng tường xuống đất nhiều lần. Tôi không thể nào bỏ được cái thai. Chúng tôi vẫn cứ để mặc dù chúng tôi đã uống thuốc ngừa thai mà bà đỡ đưa cho. Chồng tôi bị viêm phổi và công việc đòi hỏi tôi phải ở ngoài đồng suốt. Có người trong số chúng tôi không để được mụn con nào sau bốn năm lấy chồng và sau khi cô ấy cầu cúng thần Inari, cô đẻ liền sáu thằng con trai. Chúng tôi để nhiều đến nỗi chúng tôi bị sa dạ con và phải thắt một cái đai đặc biệt để dạ con khỏi sa ra ngoài. Chúng tôi trở dạ nhưng con chúng tôi lại là thai ngược và tất cả những gì chúng tôi có thể rặn ra chỉ là một cánh tay của đứa bé. Chúng tôi trở dạ nhưng đầu đứa trẻ quá to và sau ba ngày lấy hết sức bình sinh mà rặn chúng tôi nhìn chồng và nói: “Hãy tha thứ cho em”, rồi tắt thở. Chúng tôi sinh con ra nhưng đứa trẻ yếu đến nỗi không thể bật ra tiếng khóc chào đời vì vậy chúng tôi để nó ở trong nôi bên cạnh bếp sưởi suốt đêm. Nếu nó tồn tại được đến sáng thì nó đủ khỏe để sống. Chúng tôi sinh con, nhưng đứa trẻ chẳng phải là trai cũng chẳng phải là gái và chúng tôi dùng giẻ rách làm cho nó chết thật nhanh.

Chúng tôi sinh con nhưng không có sữa cho con bú và đứa trẻ chỉ sống nổi một tuần. Chúng tôi sinh con nhưng đứa trẻ bị chết lưu trong bụng mẹ và chúng tôi hỏa thiêu nó, hỏa thiêu cái hài nhi trần truồng đó ở bên một dòng suối, và chúng tôi cứ chuyển đi hết nơi này đến nơi khác nên bây giờ chúng tôi không thể nhớ đứa con ấy đã nằm lại đâu nữa.

Những đứa con



Chúng tôi để con trong lòng máng cạn, giữa những luống cây và trong những chiếc gùi mây ở dưới bóng cây. Chúng tôi để những đứa con trần truồng nằm trên những tấm chăn, trên những ổ rơm ở rìa đồng. Chúng tôi để con trong những thùng đựng táo và cứ xới xong một luống đậu chúng tôi lại cho con bú một lần. Khi con chúng tôi lớn hơn, biết nhiều hơn và khó tính hơn, chúng tôi thậm chí phải buộc chân chúng vào ghế. Chúng tôi dịu con trên lưng trong mùa đông rét buốt ở Reding để đi tắm ngon nho, nhưng có những buổi sáng trời rét đến nỗi tai chúng đóng băng hoặc chảy máu. Vào mùa hè, ở Stockton, chúng tôi để đứa trẻ chơi gần những con máng trong khi mình thì chân

năm tay mười mả nhỏ và đóng bao hành, hoặc hái lúa mận đầu mùa. Chúng tôi đưa cho chúng những cái que, cái gậy để chúng tự chơi trong lúc không có mẹ và thỉnh thoảng lại gọi tên chúng thật to để biết rằng chúng vẫn còn ở đó. *Đừng trêu những con chó. Chó có động vào những con ong. Đừng đi lang thang nếu không bố sẽ nổi giận đấy.* Nhưng khi chúng mệt và bắt đầu khóc đòi mẹ, chúng tôi vẫn tiếp tục làm việc bởi vì chúng tôi biết nếu không làm việc cật lực thì chúng tôi lấy tiền đâu ra để trả nợ cho chủ đất. *Tự chơi đi, mẹ đang dở tay, không thể đến với con được đâu.* Khóc một hồi giọng của chúng yếu dần và khóc chán chúng phải nín. Vào cuối ngày, khi không còn chút ánh sáng nào trên bầu trời chúng tôi đánh thức những đứa trẻ dậy từ bất cứ chỗ nào chúng đang nằm ngủ, phủ đất cát trên tóc chúng đi. *Đến lúc về nhà rồi.*

Có những đứa trẻ rất ương bướng và ngang ngạnh, không chịu nghe lời chúng tôi. Những đứa khác lành như Đức Phật. *Nó sinh ra trên đời này luôn nhoẻn miệng cười.* Có đứa yêu cha nó hơn bất cứ ai trên đời. Có đứa ghét những màu sắc tươi sáng. Có đứa đi đâu cũng tha lời theo mình cái xô nhôm mà nó thích. Có đứa mười ba tháng tuổi tự cai sữa bằng cách chỉ vào ly sữa trên bàn và nói, “Con muốn”. Vài đứa khôn trước tuổi.

Thầy bói nói với chúng tôi rằng thằng bé được sinh ra mang linh hồn của một ông già. Chúng ngồi ăn tại bàn như người lớn. Chúng chẳng bao giờ khóc hờn. Chúng chẳng bao giờ cầu nhau. Chúng chẳng bao giờ chống đũa trong bát cơm. Chúng tự chơi cả ngày mà không gây ồn ào, không quậy phá trong khi chúng tôi làm đồng ở gần đó. Chúng say sưa vẽ những bức tranh trên mặt đất suốt hàng tiếng đồng hồ. Và bất cứ khi nào chúng tôi cố nhắc chúng dậy, bế hoặc cõng chúng về nhà, chúng lắc đầu và nói: “Con nặng lắm”, hoặc “Mẹ, mẹ nghỉ đi”. Chúng lo lắng khi thấy chúng tôi mệt. Chúng lo lắng khi thấy chúng tôi buồn. Chúng tôi không cần nói chúng cũng biết khi nào chúng tôi bị chứng đau đầu gối hành hạ, khi nào chúng tôi thấy thánh. Đêm đêm chúng ngủ trong vòng tay của chúng tôi, như những con chó con, trên ván gỗ phủ cỏ khô, và lần đầu tiên kể từ khi đến Mỹ chúng tôi không cảm thấy phiền khi có người khác nằm bên cạnh mình.

Chúng tôi luôn có những đứa con cưng. Có thể đó là đứa con đầu lòng, Ichiro, đứa trẻ khiến chúng tôi cảm thấy bớt cô đơn hơn bao giờ hết. *Đã hai năm rồi chồng tôi có chuyện trò gì với tôi đâu.* Đứa con trai thứ hai, Yoichi, đứa trẻ đã tự học đọc tiếng Anh khi nó bốn tuổi. *Nó là một thiên tài.* Hay

Sunoko, đứa trẻ luôn giật tay áo chúng tôi như thể đang có chuyện khẩn cấp, nhưng khi chúng tôi hỏi có chuyện gì thì con bé lại quên không nhớ mình muốn nói gì. “Rồi con sẽ nhớ ra thôi”, chúng tôi nói với nó như thế, mặc dù điều đó chẳng bao giờ xảy ra cả. Vài người trong chúng tôi thích con gái hơn, những đứa trẻ dịu dàng và ngoan ngoãn, và vài người cũng giống như mẹ của chúng tôi trước kia, thích con trai hơn. *Con trai có ích hơn cho trang trại.* Chúng tôi cho những đứa con cưng ăn phần hơn so với các chị em gái của chúng. Chúng tôi bênh vực chúng khi anh chị em chúng đánh cãi nhau. Chúng tôi cho chúng mặc đẹp hơn. Chúng tôi vét những đồng xu cuối cùng để đưa chúng đi khám bác sĩ khi chúng bị sốt, trong khi những đứa con gái của chúng tôi lúc ốm đau chỉ được chăm sóc tại nhà. *Tôi đắp một miếng cao mù tạt lên ngực con bé, cầu khẩn vị thần điều khiển gió và các chứng cảm phù hộ độ trì cho nó.* Bởi vì chúng tôi biết rằng con gái của chúng tôi sẽ bỏ chúng tôi theo chồng, nhưng con trai thì sẽ phụng dưỡng cha mẹ khi già yếu.

Thường thì chồng của chúng tôi chẳng giúp gì vợ trong việc nuôi nấng và chăm sóc con cái. Họ chưa bao giờ giúp thay tã cho con. Họ chưa bao giờ rửa đỡ chúng tôi một chiếc đĩa bẩn. Họ chưa

bao giờ động đến một cái chổi. Buổi tối, khi chúng tôi ở ngoài đồng về, dù chúng tôi mệt đến mức nào họ cũng chẳng quan tâm, cứ điềm nhiên ngồi đọc báo trong khi chúng tôi đầu tắt mặt tối nấu nướng cho cả nhà, thức tới khuya để giặt giũ và khâu vá quần áo. Họ chưa bao giờ để chúng tôi đi ngủ trước họ. Họ chưa bao giờ để chúng tôi ngủ qua bình minh. *Cô mà ngủ muộn hơn cô sẽ nêu gương xấu cho bọn trẻ.* Họ chưa bao giờ cho chúng tôi nghỉ quá năm phút. Họ là những người đàn ông phong trần, trầm lặng, thường mặc nguyên bộ đồ lao động dính đầy bùn đất đi đi lại lại trong nhà lấm bầm một mình về sự phát triển của cỏ dại, về giá đậu xanh, nhắm tính năm nay nhà sẽ đặt bao nhiêu sọt cần tây, v.v. Họ hiếm khi chuyện trò với các con, hoặc thậm chí dường như không nhớ nổi tên của chúng. *Bảo cái thằng bé ba tuổi đừng có đi thông vai xuống như thế.* Và nếu bọn trẻ gây ồn ào tại bàn ăn, họ đập tay và quát: “Đủ rồi đấy!” Kết quả là bọn trẻ con không thích nói chuyện với cha chúng chút nào. Bất cứ khi nào chúng muốn nói gì, chúng đều tìm đến chúng tôi. *Mẹ nói với cha rằng con cần một đồng năm xu đi mẹ. Mẹ nói với cha là một con ngựa bị làm sao ấy. Mẹ nói với cha là cha cạo râu bỏ sót một chỗ kia. Mẹ hỏi cha xem tại sao cha già thế.*

Ngay khi có thể chúng tôi đưa các con mình ra đồng làm việc. Những đứa trẻ hái dâu tây cùng chúng tôi ở San Martin. Chúng hái đậu với chúng tôi ở Los Osos. Chúng bò phía sau chúng tôi trong những ruộng nho khi chúng tôi cắt nho đặt vào những chiếc khay gỗ để phơi nắng. Chúng múc nước tưới ruộng. Chúng phát quang các bụi cây. Chúng dọn cỏ. Chúng chẻ củi. Chúng xới đất trong cái nóng nung người của mùa hè ở thung lũng Imperial trước khi xương của chúng hoàn thành quá trình phát triển. Vài đứa bước chầm chậm, lẩn mà lẩn mẩn trồng mấy hàng súp lơ theo cách cắm ngọn xuống đất. Những đứa khác có thể chọn khoai tây nhanh hơn cả những người làm thuê nhanh nhẹn nhất. Nhiều đứa hay kêu ca, cầu nhàu. Có những đứa bị đau dạ dày. Có những đứa bị đau đầu. Nhiều đứa bị đau mắt vì bụi bẩn. Có đứa sáng nào cũng tự đi giày cao cổ vào chân mà không cần ai phải giục. Có đứa có riêng một bộ bấm móng tay yêu thích và tối nào ở trong lán sau bữa tối nó cũng đem bộ bấm móng đó ra mài và không để cho bất kỳ ai động vào thứ ấy của nó. Có đứa không thể không nghĩ về lũ rệp. *Chỗ nào cũng có rệp*. Có đứa một hôm ngồi thừ người giữa một khoảnh đất trồng hành và nói ước gì nó chưa từng được sinh ra trên đời này. Và chúng tôi tự hỏi chúng tôi sinh

những đứa con ra trên đời này là đúng hay sai. Chưa một lần chúng tôi có tiền để mua cho chúng một món đồ chơi.

Con của chúng tôi chơi hàng giờ trên cánh đồng như những chú bê con. Chúng lấy những cành nho gãy giả vờ làm kiếm và đọ kiếm với nhau dưới bóng cây. Chúng làm những con diều bằng giấy báo và balsa rồi buộc đầu dây vào cán dao và đua diều trong những ngày lộng gió. Chúng lấy rơm bện thành những con búp bê và lấy dừa vót nhọn để tạo thành hình những con quỷ. Chúng chơi trò bắt bóng vào những đêm sáng trăng trong vườn quả như chúng tôi thường chơi khi còn ở Nhật. Chúng chơi trò đá lon, trò gài chốt, chơi oản tù tì. Chúng thi thố để quyết định đứa nào có thể xếp chồng nhiều thùng đựng trái cây nhất, đứa nào có thể đu trên cành cây óc chó lâu nhất mà không buông tay ra. Chúng gấp những mẫu giấy vuông thành hình máy bay, hình những con chim, phi những cái máy bay giấy, những con chim giấy lên trời và nhìn những món đồ chơi ấy bay một đoạn ngắn trong không trung. Chúng sưu tầm những tổ quạ, những bộ da rắn, những xác bọ cánh cứng, những hạt sỏi, những mẫu sắt gỉ. Chúng học để biết tên các hành tinh. Chúng xem tay cho nhau. Đường đời của em ngắn lắm. Chúng xem bói cho

nhau. *Một ngày nào đó chị sẽ được đi tàu hỏa, đi thật xa.* Chúng mang những chiếc đèn dầu ra nhà kho, chơi trò bố mẹ. *Nào, cậu vỗ bụng và giả vờ rằng cậu sắp chết xem nào.* Và vào những buổi tối mùa hè nóng nực, khi nhiệt độ lên tới hơn 40 độ C, chúng trải chăn dưới gốc cây lê, mơ mình được đi pic-nic bên bờ sông êm đềm, mơ có một cục tẩy mới, một cuốn sách, một quả bóng, một con búp bê Trung Quốc có đôi mắt màu tím chớp chớp, mơ một ngày nào đó chúng sẽ bỏ nhà đi, thỏa sức khám phá thế giới bao la rộng lớn ở bên ngoài.

Chúng nghe nói ở bên ngoài trang trại nơi chúng sống có những đứa trẻ da trắng hết ngày này qua ngày khác chỉ quanh quẩn ở trong nhà, không biết tí gì về đời sống ở nông trang, mù tịt về những con suối. Chúng nghe nói có đứa chưa từng nhìn thấy một cái cây. *Mẹ chúng không để chúng ra ngoài chơi dưới ánh mặt trời đâu.* Chúng nghe nói ở bên ngoài nông trang có những ngôi nhà màu trắng với những chiếc gương có khung được dát vàng, những nắm cửa bằng pha lê trong suốt, có những bệ xí bằng sứ mà người ta chỉ việc giặt nước bằng một sợi dây như dây xích. *Những nhà xí như thế không bao giờ có mùi khó chịu đâu.* Chúng nghe nói bên ngoài trang trại có những tấm đệm được gắn lò xo bằng kim loại, êm và bồng bênh

như một đám mây (chị gái của Goro đã rời nhà đi làm hầu gái ở thành phố và khi về thăm nhà chị ấy kể rằng giường ở thành phố êm đến nỗi chị ấy không quen nên phải ngủ dưới sàn). Chúng nghe nói ở bên ngoài trang trại có những bà mẹ sáng nào cũng ăn sáng ngay tại giường ngủ và có những người cha ngồi cả ngày trên những chiếc ghế tựa được bọc nệm trong văn phòng của họ và truyền đi những mệnh lệnh qua điện thoại - và họ được trả tiền cho việc đó. Chúng nghe nói ở bên ngoài trang trại dù bạn đi đâu bạn cũng luôn là một người lạ và nếu bạn đi nhầm xe buýt thì bạn sẽ không bao giờ tìm được đường về nhà nữa.

Chúng bắt những con nòng nọc, những con chuồn chuồn từ những con lạch về, bỏ vào những chiếc lọ thủy tinh. Chúng xem chúng tôi giết gà. Chúng tìm ra những chỗ trên đồi nơi những con nai đã ngủ và nằm vào những cái ổ tròn tròn mà những con thú đã bỏ lại trong đám cỏ mọc cao bị làm cho bẹp dí và phẳng. Chúng giật đứt đuôi của những con thằn lằn để xem phải mất bao lâu đuôi của những con vật ấy mới mọc lại. *Chẳng có gì xảy ra cả.* Chúng mang về nhà những con chim sẻ non bị rơi khỏi tổ từ trên cây và dùng que tăm khâu cháo gạo cho những con chim đó ăn, nhưng sáng ra, khi tỉnh dậy chúng phát hiện những con sẻ non

đã chết. “Tự nhiên không muốn như thế đâu”, chúng tôi nói với chúng. Chúng ngồi trên hàng rào xem người nông dân ở mảnh ruộng bên cạnh dắt bò cái đi gặt bò đực. Chúng nhìn con mèo mẹ ăn thịt những con con của chính nó. “Chuyện thường ấy mà”, chúng tôi giải thích. Ban đêm chúng nghe những tiếng động phát ra khi chúng tôi bị chiếm đoạt bởi chồng mình, người không để chúng tôi yên mặc dù nhan sắc của chúng tôi đã phai nhạt từ lâu. “Tắt đèn nhà ngói cũng như nhà tranh”, chồng của chúng tôi nói thế. Tối nào bọn trẻ cũng tắm cùng chúng tôi ở ngoài trời, trong những chiếc chậu gỗ to chứa nước ấm và dìm đến tận cằm. Chúng ngả đầu ra phía sau. Chúng nhắm mắt lại một cách khoan khoái. Chúng đưa tay ra tìm tay chúng tôi. Chúng đặt những câu hỏi. *Mẹ có biết khi nào mẹ chết không hả mẹ? Nếu không có chim thì điều gì sẽ xảy ra hả mẹ? Nếu mẹ có những nốt đỏ ở khắp người nhưng không nốt nào đau thì có sao không hả mẹ? Có đúng là người Trung Quốc ăn móng lợn không hả mẹ?*

Chúng có những thứ để cất giữ như của quý để làm kỷ niệm. Một chiếc nắp chai màu đỏ. Một viên bi. Một tấm bưu thiếp chụp hai cô gái người Nga xinh đẹp đang đi dạo dọc bờ sông Hoàng Phố do một người chú đang ở Mãn Châu gửi cho chúng.

Chúng có những cái lông trắng muốt được coi như bùa may mắn, thứ mà lúc nào chúng cũng mang theo trong túi áo và những viên đá được bọc bằng vải mềm chúng cất trong ngăn kéo thỉnh thoảng lại lấy ra cầm trong tay một lát cho đến khi cảm giác buồn trong lòng chúng vơi đi. Chúng có những từ bí mật để thì thầm với nhau mỗi khi chúng cảm thấy sợ. Chúng có những cây mà chúng yêu quý để trèo lên mỗi khi chúng muốn ở một mình. *Mọi người làm ơn đi cả đi.* Có những người chị, người em gái được chúng yêu quý hơn những anh chị em khác, những người mà chúng có thể nằm trong vòng tay và ngủ ngon lành. Chúng có những người anh lớn mà chúng không ưa, những người mà chúng không chịu ở cùng trong một căn phòng. *Anh ấy sẽ giết con mất.* Chúng có những con chó mà chúng không thể rời nửa bước và có thể tâm sự tất cả những chuyện mà chúng không thể nói với con người. *Tớ làm vỡ tẩu thuốc của cha rồi và tớ đã chôn nó dưới gốc cây.* Chúng có những luật riêng. *Đừng bao giờ đặt gối hướng về phía Bắc khi ngủ* (Hoshiko đặt gối hướng về phía Bắc và ngủ, vậy là đến nửa đêm bạn ấy ngừng thở, chết luôn đấy). Chúng có những nghi lễ riêng. Cậu phải ném một nắm muối vào chỗ có ma cà bông. Chúng có niềm tin riêng. *Nếu bạn nhìn thấy một con nhện vào*

buổi sáng thì bạn sẽ gặp may đấy. Nếu bạn vừa ăn xong mà đi nằm ngay thì bạn sẽ biến thành một con bò. Nếu cậu để gùi lên đầu thì cậu sẽ không lớn được nữa. Một bông hoa đơn có nghĩa là cái chết.

Chúng tôi kể cho chúng nghe những câu chuyện về những con chim sẽ bị cắt lưỡi và những con hạc giàu lòng biết ơn, những con chim bồ câu non luôn nhường cho cha mẹ chỗ đậu ở trên cành cao hơn. Chúng tôi cố dạy chúng cách cư xử. *Đừng bao giờ cầm dũa chỉ vào ai đó, hoặc vào chỗ này, chỗ kia. Đừng bao giờ mút đầu dũa. Đừng bao giờ gấp miếng thức ặn cuối cùng trong đĩa.* Chúng tôi khen ngợi chúng khi chúng đối xử tốt với người khác, nhưng không quên nói với chúng rằng đừng mong đợi những người mình đã đối xử tốt đáp lại bằng những việc làm tốt. Chúng tôi mắng mỏ chúng mỗi khi chúng ngang bướng cãi lời. Chúng tôi dạy chúng đừng bao giờ nhận sự bố thí. Chúng tôi dạy chúng không nên khoe khoang, khoác lác. Chúng tôi dạy chúng tất cả những gì chúng tôi biết. Một xu có thể là sự khởi đầu cho sự giàu có. Nên chịu đựng điều tồi tệ hơn là gây ra điều tồi tệ. Bạn phải trả lại bất cứ thứ gì bạn đã nhận. Chớ có ồn ào như người Mỹ. Hãy tránh xa người Trung Quốc. *Họ không ưa chúng ta đâu.* Hãy cảnh giác với dân Hàn. Họ ghét chúng ta. Hãy cẩn thận với người Phillipine.

Họ còn tệ hơn cả dân Hàn. Đừng bao giờ kết hôn với một người ở đảo Okinawa. Về bản chất họ không phải là người Nhật đâu.

Đặc biệt, ở nông thôn, chúng tôi thường mất những đứa con từ thuở bé dại. Chúng tôi mất con vì bệnh bạch cầu và bệnh sỏi. Chúng tôi mất con vì bệnh viêm amidan. Chúng tôi mất con vì bệnh ho gà. Chúng tôi mất con vì những bệnh nhiễm trùng nguy hiểm biến thành chứng hoại thư chỉ sau một đêm. Một trong những đứa con của chúng tôi bị nhện đen có chứa nọc độc cắn và sốt li bì. Có đứa bị con la lông xám mà chúng tôi rất cưng đá vào bụng. Có đứa biến mất khi chúng tôi đang phân loại những trái lê trong lán và mặc dù chúng tôi đã tìm dưới mọi tảng đá, mọi gốc cây nhưng không bao giờ tìm thấy nó nữa và kể từ đó trở đi chúng tôi không bao giờ còn được như trước nữa. *Tôi chẳng thiết sống nữa.* Có đứa bị rơi từ trên xe chở nông sản xuống đường trong khi chúng tôi chở đại hoàng đi chợ bán và bị hôn mê mãi mãi. Có đứa bị bắt cóc bởi một kẻ đi hái lê thuê ở một vườn quả gần đó, kẻ trước đó đã liên tục đưa ra các yêu sách nhưng đều bị chúng tôi từ chối. Đáng lẽ tôi phải thực hiện yêu sách của hắn. Có đứa bị bỏng nặng khi lò nấu rượu lậu ở phía sau lán của chúng tôi phát nổ và sau vụ nổ nó chỉ sống được

đúng một ngày. Điều cuối cùng con tôi nói với tôi là “Mẹ ơi, đừng quên nhìn lên bầu trời mẹ nhé”. Vài đứa con của chúng tôi chết do đuối nước. Một đứa chết ở sông Calaveras. Một đứa chết ở sông Nacimiento. Một đứa chết trong nương tưới tiêu. Một đứa chết trong cái chậu giặt đầy nước mà đáng lẽ chúng tôi không nên để ở bên ngoài qua đêm. Hằng năm, cứ vào tháng Tám, vào ngày Lễ Của Người Chết, chúng tôi lại thắp những chiếc đèn lồng bằng giấy trắng trên mộ của chúng và mời linh hồn của chúng quay trở lại trần gian một ngày. Và vào cuối ngày hôm đó, khi đã đến lúc linh hồn của chúng phải đi, chúng tôi thả những chiếc đèn lồng bằng giấy đỏ trên sông để đưa chúng về “nhà” bình an. Bởi vì giờ đây những đứa con chết yếu của chúng tôi đã trở thành người của cõi Phật, cõi của hạnh phúc.

Vài người trong số chúng tôi không thể có con, và đó là điều tồi tệ nhất mà số phận bắt chúng tôi phải chịu. Vì không có người kế thừa linh hồn của tổ tiên, chúng tôi sẽ không tồn tại nữa. *Tôi cảm thấy mình vượt bao gian nan vất vả đến cái nước Mỹ này để rồi chẳng được gì cả.* Đôi khi chúng tôi cố gắng tìm đến người chữa bệnh bằng niềm tin, người nói với chúng tôi rằng dạ con của chúng tôi có cấu trúc không bình thường, vì vậy chẳng ai có

thể làm gì được cho chúng tôi được nữa. “Số phận của cô đã được định đoạt bởi các vị thần”, bà ta nói và tiễn chúng tôi ra cửa. Hoặc chúng tôi tìm tới chuyên gia châm cứu, bác sĩ Ishida, người chỉ cần nhìn chúng tôi một cái là có thể nói ngay, “dương thịnh quá”, và cho chúng tôi thảo dược có tác dụng bổ máu và dưỡng âm. Ba tháng sau chúng tôi thấy mình lại bị sẩy thai lần nữa. Có người trong số chúng tôi bị chồng tố tụng về Nhật và ở đó những lời đồn đại, xì xào không bao giờ chịu buông tha chúng tôi. “Bỏ chồng rồi”, hàng xóm của chúng tôi xì xào. “Tôi nghe nói cô ta khô như một quả bầu khô”. Đôi khi chúng tôi cố gắng cắt tóc đem cúng tiến các vị thần lo việc sinh đẻ để cầu các vị ấy phù hộ cho chúng tôi, cầu khẩn để mình có thể mang thai, nhưng chẳng ăn thua gì, tháng nào chúng tôi cũng có kinh nguyệt. Và mặc dù chồng của chúng tôi đã nói rằng dù được làm cha hay không điều đó cũng không quan trọng với họ - điều duy nhất chồng chúng tôi muốn là sống cùng chúng tôi cho đến già - chúng tôi không thể không nghĩ về những đứa trẻ mà chúng tôi không bao giờ có. *Đêm nào tôi cũng nghe thấy chúng chơi quanh những gốc cây bên ngoài cửa sổ.*

Ở khu phố Nhật chúng tôi sống chen chúc, tám - chín người trong một căn phòng chật hẹp nằm ở

phía sau những tiệm cắt tóc, những nhà tắm, và trong những căn hộ bé xíu không được quét sơn, tối tăm đến mức chúng tôi phải để đèn cả ngày. Ở quán ăn bình dân những đứa con giúp chúng tôi thái cà rốt. Ở quầy bán hoa quả chúng giúp mẹ xếp táo. Chúng đi xe đạp mang thực phẩm đến tận nhà khách hàng quen giúp chúng tôi. Ở tiệm giặt chúng nhặt đồ màu trắng để riêng ra một chỗ và mau chóng học được cách phân biệt giữa vết rượu nho và vết máu. Chúng giúp chúng tôi quét sàn trong các phòng trọ. Chúng thay khăn lau trong các phòng trọ. Chúng thay khăn trải giường trong các phòng trọ. Chúng sắp xếp ga gối trong các phòng trọ. Chúng mở cửa các phòng trọ và phát hiện ra những điều mà đáng lẽ ra chúng không nên thấy. *Con cứ nghĩ ông ấy đang cầu nguyện nhưng hóa ra ông ấy đã chết.* Chúng mua bữa tối cho bà già góa bụa, bà Kawamura, đến từ Nagasaki, ở số nhà 4A, người đã làm hầu phòng tại khách sạn Drexel và không có con. *Chồng tôi là một gã ham mê cờ bạc và để lại cho tôi vền vẹn bốn mươi lăm xu.* Chúng chơi ở ngoài hành lang với người đàn ông độc thân tên là Morita, người mà ba mươi năm trước đã bắt đầu làm việc như một thợ là quần áo tại tiệm giặt Bàn Tay Nữ Hoàng và giờ đây vẫn làm công việc đó. *Thấm thoát thế mà đã từng ấy năm rồi.* Chúng

bám gót cha chúng trong khi cha chúng làm vườn và học cách cắt, xén cỏ. Chúng đợi chúng tôi trên những chiếc ghế đá ở công viên trong khi chúng tôi lau nhà thuê cho người ta. *Đừng nói chuyện với người lạ, chúng tôi dặn con. Hãy học hành chăm chỉ. Hãy kiên trì. Làm gì thì làm, đừng có làm cái việc lam lũ, khổ cực như việc của mẹ.*

Chúng đến trường mặc những bộ đồ chúng tôi tự may cho chúng, luôn ngồi ở cuối lớp cùng với những đứa trẻ người Mexico và luôn nói bằng giọng rụt rè, ấp úng. Chúng không bao giờ giơ tay trong giờ học. Chúng không bao giờ mỉm cười. Vào giờ ra chơi chúng túm năm tụm ba ở một góc sân trường, thì thầm với nhau bằng thứ tiếng bí mật, đáng hổ thẹn của mình. Ở căng-tin chúng luôn đứng cuối hàng trong khi đợi lấy thức ăn. Vài đứa - những đứa con đầu lòng của chúng tôi - gần như không biết tiếng Anh và bất cứ khi nào chúng được gọi đứng lên phát biểu thì đầu gối chúng lại run lẩy bẩy. Có đứa, khi được cô giáo hỏi tên, lại đáp, “Sáu”, và tiếng cười của chúng bạn cứ ong ong bên tai nó suốt cả ngày. Có đứa nói tên mình là “Table” (cái bàn) và từ đó trở đi người ta luôn gọi nó bằng cái tên ấy. Nhiều đứa van xin chúng tôi đừng bắt chúng phải đến trường, nhưng khi đi học, chỉ trong vài tuần, chúng đã có thể nói tên của tất cả các con

vật bằng tiếng Anh và đọc rõ ràng mọi biển báo mà chúng nhìn thấy trong khi được mẹ đưa đi mua hàng ở trung tâm thành phố - chúng nói cho chúng tôi biết rằng phố có những cột cao là phố State Street, và con phố nơi có những người thợ cắt tóc không được thân thiện cho lắm là phố Grove, cây cầu nơi mà ông Itami đã nhảy xuống sông tự vẫn sau khi thị trường chứng khoán sụp đổ là cầu Last Chance - và bất cứ khi nào chúng đi cùng chúng tôi lên phố, chúng cũng có thể nói rõ cho chúng tôi biết những thứ chúng thèm. *Mua mạch nha sô-cô-la cho con, mẹ nhé.*

Ngày qua ngày tất cả những từ cũ mà chúng tôi đã dạy các con mình bắt đầu biến mất khỏi trí nhớ của chúng. Chúng đã quên tên của những loài hoa ở Nhật Bản. Chúng đã quên tên các màu. Chúng đã quên tên của Thần Cáo và Thần Sấm, Thần Đói Nghèo, vị thần mà chúng tôi chưa bao giờ thoát khỏi. *Dù con có sống lâu ở cái đất nước này đến mức nào thì người ta cũng chẳng để cho chúng ta mua đất của họ đâu.* Chúng đã quên tên của Thần Nước, thần Mizu Gami, vị thần bảo vệ các con sông, dòng suối của chúng tôi và yêu cầu chúng tôi phải giữ sạch các giếng nước. Chúng đã quên từ tiếng Nhật chỉ tuyết trắng, quên tên gọi của dế

chuông. Chúng đã quên phải nói gì trước bàn thờ tổ tiên, những người ngày đêm phù hộ cho chúng tôi. Chúng đã quên đếm bằng tiếng Nhật. Chúng đã quên cách cầu nguyện. Giờ đây chúng sống với ngôn ngữ mới, thứ ngôn ngữ có hai mươi sáu chữ cái mà cho đến bây giờ vẫn như đánh đố chúng tôi mặc dù chúng tôi đã ở Mỹ nhiều năm. *Tất cả những gì tôi học được là chữ x để tôi có thể ký tên vào giấy vay tiền.* Chúng phát âm những từ có âm gió một cách dễ dàng. Và thậm chí khi chúng tôi gửi chúng tới các ngôi chùa vào ngày thứ Bảy để học tiếng Nhật thì chúng chẳng học được gì hết. *Lý do duy nhất các con tôi tới đó là để khỏi phải làm việc ở cửa hàng.* Nhưng bất cứ khi nào chúng tôi nghe chúng nói mơ trong khi ngủ thì những từ bật ra từ miệng chúng - chúng tôi chắc chắn - đều là tiếng Nhật.

Chúng tự đặt cho mình những cái tên mới mà chúng tôi không chọn cho chúng, thậm chí không thể phát âm nổi. Một đứa tự gọi mình là Doris. Có đứa tự gọi mình là Peggy. Nhiều đứa tự gọi mình là George. Suburo được tất cả những đứa khác gọi là Chinky bởi vì nó trông giống người Trung Quốc. Toshitachi được gọi là Harlem bởi vì da của nó quá đen. Etsuko được thầy giáo Slater đặt tên là Esther ngay trong ngày đầu tiên con bé đi học.

“Đó là tên của mẹ thầy ấy đấy”, nó giải thích. Chúng tôi bảo nó: “Đó cũng là tên của con”. Sumire tự gọi mình là Violet. Shizuko tự gọi mình là Sugar. Makoto đơn giản là Mac. Shigeharu Takagi vào Hội Baptist từ khi nó chín tuổi và đổi tên thành Paul. Edison Kobayashi sinh ra không được khôn nhưng lại có trí nhớ chính xác như chụp ảnh và có thể nói tên của tất cả những người nó từng gặp. Grace Sugita không thích kem. *Kem quá lạnh*. Kitty Matsutarro không mong đợi gì và kết quả là nó chẳng nhận được gì. Tiny Honda cao tận 1,95 mét là người Nhật cao lớn nhất mà chúng tôi từng thấy. Mop Yamasaki có mái tóc dài và thích mặc đồ giống con gái. Lefty Hayashi là cầu thủ bóng chày nổi tiếng của trường trung học Emerson. Sam Nishimura đã được gửi sang Nhật để học ở đó và vừa mới trở về Mỹ sau sáu năm rưỡi. *Nhà trường bắt thẳng bé học lại từ lớp một*. Daisy Takada có dáng người hoàn hảo và làm gì cũng thích làm theo nhóm bốn người. Cha của Mabel Ota bị phá sản ba lần. Gia đình của Lester Nakano toàn mua quần áo ở hiệu Goodwill. Mẹ của Takayama là - tất cả mọi người đều biết - một gái điếm. *Bà ấy có sáu mặt con với năm người đàn ông khác nhau. Và hai đứa trong số đó là anh em sinh đôi*.

Thấm thoát chúng tôi gần như không thể nhận ra các con của mình nữa. Chúng cao và nặng hơn chúng tôi. Chúng ồn ào đến mức không thể tin nổi. *Tôi cảm thấy thẳng bé như một con vịt đang ấp trứng của một con ngỗng ấy.* Chúng thích ở một mình hơn là bầu bạn với chúng tôi và vờ như không hiểu một lời nào chúng tôi đã nói. Những đứa con gái đi bước dài theo kiểu của người Mỹ, và lúc nào cũng di chuyển với sự vội vàng thiếu nữ tính. Chúng mặc những bộ đồ rộng thùng thình. Chúng lắc mông như những con ngựa cái. Trên đường đi học về chúng tán chuyện với nhau om xòm và bất cứ điều gì chúng nghĩ ở trong đầu đều trôi ra miệng hết. *Thầy Dempsey có cái tai cụp.* Những đứa con trai của chúng tôi phát triển thành những chàng trai cao lớn. Chúng khăng khăng đòi ăn thịt muối xông khói và trứng vào bữa sáng thay vì ăn xúp bột đậu. Chúng không chịu dùng dũa. Chúng uống sữa. Chúng rót tràn tương cà chua lên bát cơm chúng ăn. Chúng nói tiếng Anh không chêm vào đâu được giống như phát thanh viên trên radio và mỗi khi nào chúng tôi cúi đầu khấn vái ông Táo ở trong bếp, chúng lại trợn mắt và nói: “*Mẹ, làm ơn đi mẹ*”.

Chúng thường xấu hổ về cha mẹ mình. Chúng xấu hổ về những chiếc mũ rơm mềm rũ và những

bộ quần áo sờn cũ của chúng tôi. Chúng xấu hổ vì giọng nói nặng trịch của chúng tôi. *Mọi chuyện ổn cả chứ?* Chúng xấu hổ về đôi bàn tay nứt nẻ, đầy những vết chai của chúng tôi. Chúng xấu hổ vì khuôn mặt đầy những vết nhăn hằn sâu của những năm hái lê và trồng nho dưới ánh nắng mặt trời của chúng tôi. Chúng ước ao có được những người cha thực sự mặc com-lê đeo cà-vạt xách cặp da đi làm và chỉ xén cỏ vào những ngày Chủ nhật. Chúng muốn có những người mẹ khác chứ không phải những người mẹ trông tàn tạ, mệt mỏi như chúng tôi. *Mẹ không thể thoa chút son môi sao?* Chúng khiếp sợ những ngày mưa ở nông thôn khi chúng tôi đến đón chúng trên chiếc xe chở hàng cũ kỹ, méo mó. Chúng chưa bao giờ mời bạn bè đến tụ họp tại nhà mình ở khu phố của người Nhật. *Gia đình ta sống chẳng khác gì những người ăn mày.* Chúng không bao giờ xuất hiện cùng chúng tôi ở đền thờ vào ngày sinh nhật của Nhật hoàng. Chúng không kỷ niệm Ngày Phóng sinh cùng chúng tôi vào cuối mùa hè ở công viên. Chúng từ chối cầm tay và nhảy với chúng tôi trên đường phố trong Lễ hội Ngày thu phân. Chúng cười nhạo chúng tôi khi chúng tôi bảo chúng cúi đầu chào cha mẹ vào buổi sáng và cứ mỗi ngày trôi qua chúng dường như lại càng lảng xa hơn khỏi tầm nắm giữ của chúng tôi.

Vài đứa trong số chúng phát triển vốn từ vựng phong phú đến mức đáng ngạc nhiên và trở thành học sinh xuất sắc nhất nhì lớp. Có đứa giành được giải thưởng cho bài văn hay nhất về các loài hoa dại ở California. Có đứa được trao giải thưởng cao nhất về khoa học. Có đứa nhận được nhiều sao vàng hơn bất cứ học sinh nào khác trong bảng xếp hạng của giáo viên. Những đứa khác cứ đến mùa gặt lại học thụt lùi, có khi bị đúp lên đúp xuống. Có đứa mang thai khi mới mười bốn tuổi và bị gửi về sống với ông bà ở một trang trại nuôi tằm thuộc miền Tây của Nhật Bản. *Tuần nào con bé cũng viết thư cho tôi hỏi khi nào thì nó được trở về nhà.* Có đứa tự sát. Vài đứa bỏ học. Vài đứa bỏ nhà đi hoang. Chúng lập ra các băng, hội. Chúng đặt ra các luật riêng. *Không dùng dao. Không chơi gái. Không cho phép người Tàu nhập hội.* Chúng đi lang thang tới khuya tìm những đứa choai choai khác để đánh nhau. *Hãy cho mấy thằng Philipine nhừ đòn đi chúng mày.* Và khi chúng quá lười không muốn đi đâu xa, chúng ở trong khu của người Nhật và đánh nhau loạn xạ. *Mày là thằng Nhật khốn kiếp!* Những đứa khác sống khép mình, lúc nào mặt cũng cúi cúi gằm, cố không để ai nhìn thấy mình. Chúng không đi dự tiệc (chúng chẳng bao giờ được mời đi dự tiệc). Chúng không chơi

loại nhạc cụ nào (chúng không có nhạc cụ để chơi). Chúng không có ngày Valentin (chúng chưa bao giờ được tặng quà nhân ngày Valentin). Chúng không thích nhảy (chúng không có giày thích hợp để đi nhảy). Chúng đi vật vờ như những bóng ma trong những hành lang, mắt nhìn xa xăm, ôm siết những cuốn sách vào ngực, như thể đang chìm trong một giấc mơ. Nếu ai đó gọi chúng từ phía sau chúng không để ý. Nếu có người gọi chúng ở trước mặt chúng chỉ gật đầu và tiếp tục bước đi. Nếu chúng được phát cho những cuốn sách giáo khoa cũ nát nhất để sử dụng trong giờ học toán chúng sẽ nhún vai im lặng chịu đựng và cố gắng tự xoay sở. *Tớ không thích môn đại số chút nào.* Nếu ảnh của chúng xuất hiện ở cuối cuốn kỷ yếu của trường học thì chúng giả bộ không quan tâm. “Đó là số phận”, chúng tự nhủ. Và, “Vậy thì đã sao chứ?” Và, “Ai thèm quan tâm chứ?” Bởi vì chúng biết dù chúng có làm gì đi nữa, có cố gắng đến mức nào thì chúng cũng chẳng bao giờ hòa nhập được. *Chúng mình là một lũ dân Nhật ấy mà.*

Chúng biết những bà mẹ nào ưng cho chúng đến nhà chơi (bà Henke, bà Woodruff, bà Alfred Chaner III) và những bà mẹ nào không chấp nhận chúng (tất cả các bà mẹ khác). Chúng biết loại thợ cắt tóc nào chịu cắt tóc cho chúng (thợ cắt tóc da

đen) và loại thợ cắt tóc nào từ chối không nhận cắt tóc cho chúng (những thợ cắt tóc bản tính ở phía nam của phố Grove). Chúng biết rằng có những thứ không bao giờ thuộc về chúng: Mũi cao, làn da trắng, đôi chân dài có thể được chú ý từ xa. *Sáng nào đó cũng tập thể dục nhưng chẳng ích gì.* Chúng biết khi nào chúng có thể đi bơi ở bể bơi công cộng - vào những ngày thứ Hai dành cho người da màu - và khi nào chúng có thể đi xem phim tại rạp Pantages ở trung tâm thành phố (không khi nào cả). Chúng biết rằng chúng nên gọi tới nhà hàng trước nếu chúng muốn đi ăn tiệm. *Xin hỏi nhà hàng có phục vụ khách là người Nhật không ạ?* Chúng biết không nên ra ngoài một mình vào ban ngày và biết phải làm gì nếu chúng bị dồn vào một góc đường khi trời tối. *Họ tôn trọng anh nếu anh mạnh mẽ.* Chúng học cách tìm người bên vực và bảo vệ mình. Chúng học cách che giấu sự giận dữ. *Không tất nhiên, tôi không thấy phiền đâu. Được thôi. Cứ tự nhiên.* Chúng học cách không bao giờ để lộ sự sợ hãi của mình. Chúng biết rằng một số người sinh ra may mắn hơn những người khác và rằng mọi chuyện trên đời này không phải lúc nào cũng diễn ra như bạn mong muốn.

Tuy nhiên, chúng không ngừng ước mơ. Có đứa thề một ngày nào đó nó sẽ cưới một mục sư để

không bao giờ phải hái dâu tây vào các ngày Chủ nhật nữa. Có đứa muốn tiết kiệm đủ tiền để mua một trang trại riêng. Có đứa muốn trở thành một người trồng khoai tây giống như cha của nó. Có đứa muốn lớn lên sẽ làm bất cứ nghề gì trừ cái nghề bán mặt cho đất bán lưng cho trời như nghề của cha mẹ. Có đứa muốn trồng một vườn nho. Có đứa muốn gây dựng một thương hiệu riêng. *Tớ sẽ gọi đó là thương hiệu trái cây Fukuda.* Có đứa nóng lòng đợi cái ngày nó được rời khỏi trại nuôi gia súc. Có đứa muốn vào trường đại học mặc dù nó không hề biết một ai đã từng rời cái nơi nó sống để đi học đại học. *Tớ biết như thế là điên rồ, nhưng...* Có đứa thích sống cả đời ở nơi thôn dã và không bao giờ muốn rời khỏi đó. *Ở đây tốt hơn. Không ai biết chúng ta là ai.* Có đứa khao khát một điều gì đó, nhưng không thể nói chính xác mình muốn gì. *Cuộc sống như thế này chưa đủ.* Có đứa muốn một bộ trống Swing King và những cái chũm chọe. Có đứa muốn một con ngựa đốm. Có đứa muốn có một tuyến phát báo riêng. Có đứa muốn có phòng riêng, có khóa cửa. *Bất cứ ai muốn vào phòng tớ đều phải gõ cửa trước đã.* Có đứa muốn trở thành một họa sĩ sống trên một căn phòng áp mái ở Paris.

Có đứa muốn học ở một trường đào tạo kỹ thuật viên điện lạnh. *Bạn có thể đăng ký học qua*

thư. Có đứa muốn xây dựng những cây cầu. Có đứa muốn chơi dương cầm. Có đứa muốn có quầy bán trái cây riêng ở trên đường cao tốc thay vì làm thuê cho người khác. Có đứa muốn học viết tốc ký tại trường đào tạo thư ký Merritt và muốn làm việc tại một văn phòng. *Con nhất định sẽ thực hiện ý muốn đó.* Có đứa muốn trở thành đô vật Togo của thể hệ kế tiếp. Có đứa muốn trở thành một thượng nghị sĩ của bang. Có đứa muốn học cắt tóc và mở tiệm cắt tóc thời trang. Có đứa bị bệnh viêm tủy xám và chỉ có một mong muốn là được thở mà không phải phụ thuộc vào “lá phổi sắt”. Có đứa muốn trở thành một cô thợ may. Có đứa muốn trở thành một giáo viên. Có đứa muốn trở thành một bác sĩ. Có đứa muốn trở thành em gái của một bác sĩ. Có đứa muốn trở thành một tên gangster. Có đứa muốn trở thành một ngôi sao. Và mặc dù nhìn thấy bóng tối đang bao trùm lên cuộc sống của mình nhưng chúng tôi vẫn không nói gì, cứ để mặc cho chúng mơ.

Những kẻ phản bội



Vào ngày thứ hai của cuộc chiến tranh, những tin đồn bắt đầu lan tới chỗ chúng tôi.

Người ta nói về một danh sách. Vài người bị bắt đi trong đêm. Một chủ ngân hàng đi làm và không bao giờ trở về nhà nữa. Một thợ cắt tóc biến mất trong giờ nghỉ ăn trưa. Vài ngư dân mất tích. Ở đâu đó một nhà trọ bị tấn công. Một doanh nghiệp bị niêm phong. Một tòa soạn báo bị đóng cửa. Nhưng đó là những chuyện xảy ra ở một nơi nào đó chứ không phải ở chỗ chúng tôi. Ở những thung lũng và những thị trấn xa xôi. Ở thành phố lớn, nơi tất cả phụ nữ đều đi giày cao gót, thoa son môi và khiêu vũ cho đến tận khuya. “Không liên quan gì đến chúng ta hết”, chúng tôi nói với nhau. Chúng tôi đơn giản

là những người phụ nữ sống lặng lẽ, khép mình. Chồng của chúng tôi sẽ được an toàn.

Trong vài ngày chúng tôi ở trong nhà, kéo màn che cửa xuống và lắng nghe tin tức về chiến tranh qua radio. Chúng tôi xóa tên của mình khỏi hộp thư. Chúng tôi không để giày ở ngoài cửa nữa. Chúng tôi cho các con nghỉ học. Ban đêm chúng tôi khóa cửa thật kỹ và ở trong nhà thăm thỉ với nhau. Chúng tôi đóng chặt các cửa sổ. Chồng của chúng tôi uống nhiều hơn thường lệ và đi nằm sớm. Những con chó ngủ ngay dưới chân chúng tôi. Không người nào bén mảng đến cửa nhà chúng tôi hết.

Thế rồi, rất thận trọng, chúng tôi bắt đầu ra khỏi nhà. Đó là vào tháng Mười hai, thời điểm mà những đứa con gái lớn của chúng tôi đang làm hầu gái ở những thành phố xa xôi và ngày vẫn im lìm, ắng lặng. Ngày chóng tối hơn. Ở nông thôn chúng tôi thức dậy mỗi buổi sáng trước bình minh và làm việc ở ngoài ruộng nho, tưới những dây nho như không có chuyện gì xảy ra. Chúng tôi nhổ cà rốt trên những mảnh ruộng lạnh lẽo và ẩm ướt. Chúng tôi cắt cần tây. Chúng tôi bó cải bông. Chúng tôi đào những rãnh sâu để giữ nước khi trời mưa. Những con diều hâu bay là là phía trên những hàng cây trong vườn quả hạnh và khi trời tối

chúng tôi có thể nghe thấy tiếng những con sói gọi nhau trên những ngọn đồi. Ở khu phố của người Nhật tối tối chúng tôi tụ tập trong những căn bếp, chia sẻ với nhau những tin mới nhất về chiến tranh. Có thể đã xảy ra một cuộc tấn công ở hạt bên cạnh. Một thị trấn bị bao vây trong đêm. Nhiều căn nhà bị lục soát. Đường dây điện thoại bị cắt. Những chiếc bàn bị hất đổ chổng chơ. Những tài liệu bị tịch thu. Có thêm vài người đàn ông bị gạch khỏi danh sách. “Lấy bàn chải đánh răng của anh đi”, người ta bảo họ như thế trước khi lôi họ đi, và vậy là chẳng ai biết được tin tức gì của họ nữa.

Một số người nói rằng những người đàn ông đó đã bị đẩy lên tàu hỏa và bị đưa đi rất xa, đến những vùng núi non hoang sơ, đến những nơi lạnh nhất của đất nước. Vài người nói rằng họ là tay sai của kẻ thù và sẽ sớm bị trục xuất. Có người nói họ đã bị bắn chết. Nhiều người trong chúng tôi bác bỏ những tin đồn đó nhưng rồi nhận thấy chính mình lại đem những tin đồn ấy gieo rắc ra xung quanh theo cái cách đầy lo lắng và bồn loạn ngoài ý muốn. Những người khác ban ngày từ chối nói đến những người bị mất tích nhưng ban đêm lại gặp những người đã mất tích trong những cơn ác mộng. Có người mơ thấy bản thân mình là người mất tích. Có người - cô Chizuko, người cấp dưỡng

tại trang trại nuôi gia súc của Kearney và là người lúc nào cũng muốn chuẩn bị sẵn sàng cho bất cứ chuyện gì - xếp hành lý vào một chiếc va ly nhỏ cho chồng và để sẵn ở sau cánh cửa. Trong va ly có một chiếc bàn chải đánh răng, một bộ dao cạo râu, một bánh xà phòng, một thanh sô-cô-la - thứ mà chồng cô thích - và một bộ quần áo. Cô biết đó là những thứ cần thiết để mang theo nếu như chồng cô là người tiếp theo trong danh sách những người buộc phải đi. Dẫu vậy, cô luôn bị đeo bám bởi một nỗi sợ hãi mơ hồ rằng cô đã quên thứ gì đó, một thứ nhỏ thôi nhưng cực kỳ quan trọng, một thứ gì đó mà một ngày nào đó tại một tòa án nào đó trong tương lai, có thể được đưa ra làm bằng chứng chứng minh cho sự vô tội của chồng cô. Thứ đó là gì nhỉ? Cô tự hỏi mình. Một cuốn Kinh Thánh chẳng? Một cặp kính dùng để đọc sách chẳng? Một loại xà phòng đặc biệt chẳng? Một loại xà phòng thơm hơn chẳng? Một loại xà phòng có mùi thơm hợp với phái nam hơn chẳng? *Tôi nghe nói họ đã bắt một thầy tu theo Thần Đạo ở thung lũng vì ông ta sở hữu một chiếc sáo trúc.*

Chúng tôi có biết một cách chính xác điều gì về cái danh sách đó hay không? Danh sách đó được lập một cách vội vàng vào buổi sáng đầu tiên khi chiến tranh nổ ra. Danh sách đó đã được lập từ

hơn một năm trước. Danh sách đó đã tồn tại gần mười năm rồi. Danh sách đó được chia làm ba loại: “nguy hiểm đã được biết đến” (loại A), “nguy hiểm tiềm tàng” (loại B), và “có khuynh hướng thân Khối trục phát xít. Hầu như không thể tìm thấy tên của bạn trong danh sách. Tìm tên bạn trong danh sách là cực kỳ dễ. Chỉ những người thuộc chủng tộc của chúng tôi mới có trong danh sách. Có cả người Đức và người Ý trong danh sách, nhưng tên họ xuất hiện ở tận cuối. Bản danh sách được viết bằng mực đỏ không thể tẩy xóa được. Danh sách được đánh máy trên các tấm thẻ. Danh sách đó không tồn tại. Danh sách đó có thật, nhưng chỉ ở trong đầu của giám đốc cơ quan tình báo, người nổi tiếng là có trí nhớ phi thường. Danh sách đó là một sản phẩm tưởng tượng của chính chúng ta. Danh sách đó gồm năm trăm cái tên. Danh sách đó gồm hơn năm nghìn cái tên. Danh sách đó dài vô tận. Mỗi lần có một người bị bắt là lại có thêm một thêm một cái tên bị gạch khỏi danh sách. Mỗi lần một cái tên bị gạch khỏi danh sách là một cái tên mới được thêm vào. Những cái tên mới được bổ sung thêm vào danh sách hàng ngày. Hàng tuần. Hàng giờ.

Vài người trong chúng tôi bắt đầu nhận được những lá thư nặc danh, thông báo rằng chồng của

chúng tôi sẽ là người tiếp theo. *Nếu tôi là cô, tôi sẽ nghĩ đến việc rời khỏi thị trấn này.* Những người khác cho biết rằng chồng của họ bị những người Phillipine đầy giận dữ đe dọa ở ngoài đồng. *Họ tìm đến chỗ chồng tôi mang theo những con dao làm bếp.* Hitomi, người đã làm quản gia cho nhà Prince hơn mười năm, bị đe dọa bằng súng ngay giữa ban ngày khi chị đang trên đường tới thị trấn. Một buổi tối, ngay trước giờ ăn tối, Mitsuko ra ngoài nhặt trứng gà và nhìn thấy quần áo của chị ở trên dây phơi đang cháy ngùn ngụt. Và chúng tôi biết tất cả mới chỉ là bắt đầu.

Chỉ sau một đêm hàng xóm của chúng tôi đã nhìn chúng tôi bằng con mắt khác. Chúng tôi nhận ra những biểu hiện bất thường khi đứa bé nhà hàng xóm không vẫy tay chào chúng tôi từ cửa sổ nhà nó như mọi khi nữa. Hoặc những khách hàng lâu năm của chúng tôi bỗng nhiên không thấy đến cửa hàng của chúng tôi mua các thứ nữa. Hoặc bà chủ của chúng tôi, bà Trimble, một buổi sáng đã kéo chúng tôi ra một chỗ khi chúng tôi đang lau dọn bếp của bà và thì thầm vào tai chúng tôi: “Cô có biết chiến tranh đang đến rất gần không?” Những quý bà bắt đầu tẩy chay hoa quả của chúng tôi bởi vì họ sợ sản phẩm của chúng tôi có tẩm thuốc độc. Các công ty bảo hiểm hủy bỏ hợp đồng

bảo hiểm của chúng tôi. Các ngân hàng vô hiệu hóa tài khoản của chúng tôi. Những người cung cấp sữa không giao sữa tận nhà cho chúng tôi nữa. “Công ty của chúng tôi ra lệnh như vậy”, một người chuyên giao sữa buồn rầu giải thích. Trẻ con nhìn thấy chúng tôi liền co chân chạy như những con nai hoảng sợ. Những bà già cầm chặt ví trong tay, đi ra tận mé đường khi họ nhìn thấy chồng chúng tôi, và kêu lên: “Họ đấy!” Và mặc dù chồng chúng tôi đã cảnh báo - *Họ đang sợ hãi* - chúng tôi vẫn không khỏi bàng hoàng. Bỗng nhiên chúng tôi trở thành kẻ thù trong mắt họ.

Tất nhiên, người Mỹ phản ứng như vậy đều vì những câu chuyện trên báo. Người ta đồn rằng hàng nghìn người đàn ông Nhật đã nhất loạt hành động với quyết định cụ thể, và thời điểm tấn công hòn đảo đã bắt đầu. Người ta loan tin người Nhật đã làm tắc nghẽn các tuyến đường bằng các xe chở hàng và những chiếc ô tô ọp ẹp. Người ta nói rằng chúng tôi đã báo hiệu cho kẻ thù bằng cách đốt những đồng lúa trên cánh đồng. Người ta nói rằng trước khi cuộc tấn công xảy ra vài đứa con của chúng tôi đã nói hở ra với các bạn cùng lớp của chúng rằng sắp có “chuyện lớn” xảy ra. Người ta nói rằng chính những đứa trẻ đó, khi được các giáo viên đặt câu hỏi, đã kể rằng cha mẹ chúng tỏ ra vui

mừng trước tin về cuộc chiến tranh từ nhiều ngày trước. *Cha mẹ em hô muôn năm.* Người ta nói rằng trong cuộc tấn công thứ hai trong nội địa bất cứ ai có tên trong danh sách có thể sẽ vùng lên tiếp sức cho kẻ thù. Người ta nói rằng những người nông dân Nhật ở đây là lính bộ binh thuộc một đội quân bí mật. *Họ có cả nghìn thứ vũ khí ở dưới hầm chứa rau củ của họ.* Người ta nói rằng những đứa con trai của chúng tôi làm người sai vặt trong các tòa nhà là những mật thám được ngụy trang. Người ta nói rằng chúng tôi giấu máy thu phát tín hiệu radio sóng ngắn ở trong vườn và đến giờ đã định chúng tôi sẽ nhất loạt hành động. *Họ sẽ cho nổ mìn các đập chắn nước. Đốt các giếng dầu. Đánh bom các cây cầu. Phá hủy các con đường. Làm tắc các đường ống. Bỏ chất độc vào các bể chứa nước.* Và điều gì ngăn cản một người trong chúng tôi bước vào một siêu thị đông người với bó thuốc nổ gài ở thắt lưng nhỉ? *Chẳng điều gì cả.*

Buổi tối chúng tôi bắt đầu đem đốt những đồ vật của mình đi: những giấy tờ cũ của ngân hàng, những cuốn nhật ký, những bàn thờ Phật, những chiếc đĩa gỗ, những chiếc đèn lồng bằng giấy, những bức ảnh của những người thân ở Nhật, những người mặc quần áo trông kỳ cục, có khuôn mặt nghiêm trang thiếu vắng bóng dáng của nụ

cười. Tôi nhìn khuôn mặt của em trai tôi cháy thành tro và bay lên trời. Chúng tôi đem đốt những bộ kimono trắng mà chúng tôi đã mặc trong đêm tân hôn trong vườn táo, trong những rãnh sâu giữa các hàng cây. Chúng tôi loại bỏ bất cứ thứ gì có thể gợi ý rằng chồng của chúng tôi có liên quan đến kẻ thù. Chúng tôi đốt những bức thư của chị em mình ở Nhật gửi sang. Con trai của người hàng xóm đã bỏ trốn cùng với người vợ của anh thợ làm ô. Chúng tôi đốt những bức thư của cha mình đi. Tàu hỏa ở đây đã có điện và bây giờ khi con đi qua một đường hầm con không bị muội đèn bám đầy mặt nữa! Chúng tôi đốt những bức thư của mẹ viết và gửi cho chúng tôi vào cái ngày chúng tôi rời quê hương. Mẹ vẫn còn có thể nhìn thấy những dấu chân của con trên con đường lầy lội dẫn tới bến sông. Và chúng tôi tự hỏi tại sao mình lại cố bám lấy những cung cách và lễ lối của người Nhật, những cung cách và lễ lối xa lạ và kỳ cục đối với những người sống trên đất Mỹ này. Chúng tôi đã làm cho họ căm ghét chúng tôi.

Đêm trở nên dài hơn, lạnh hơn, và mỗi ngày chúng tôi lại được biết tin có thêm vài người đàn ông nữa biến mất. Một nhà phân phối sản phẩm ở miền Nam. Một huấn luyện viên võ judo. Một nhà nhập khẩu tơ lụa. Một nhân viên phụ trách việc

nhận và gửi hàng tàu biển ở trong thành phố đã bị bắt trong khi anh ta đang trên đường trở về văn phòng sau bữa trưa muộn. *Anh ta bị bắt ngay tại giao lộ trong khi đang chờ đèn xanh để có thể đi tiếp.* Một người trồng hành ở Delta, người bị tình nghi đã có âm mưu cho nổ mìn phá một con đập, cũng đã bị bắt. *Người ta tìm thấy một hộp thuốc nổ trong nhà kho của anh ta.* Một nhân viên của đại lý du lịch. Một thầy giáo dạy ngôn ngữ. Một nông dân chuyên trồng rau diếp bị buộc tội đã sử dụng đèn pin để gửi tín hiệu cho tàu của kẻ thù ở ngoài biển.

Chồng của Chiyomi bắt đầu để nguyên quần áo mặc ban ngày để đi ngủ, phòng khi ban đêm anh bị bắt đi. Bởi vì, như anh đã nói với vợ anh, điều đáng xấu hổ nhất đối với anh là bị bắt đi khi đang mặc đồ ngủ (chồng của Eiko đã bị bắt đi khi anh ta đang mặc pijama). Chồng của Asako trở nên bị ám ảnh bởi đôi giày của mình. *Đêm nào anh ấy cũng đánh giày bóng loáng và để ngay ngắn ở dưới chân giường.* Chồng của Yuriko, một người buôn bán phân bón hay đi đây đi đó và không được chung thủy với vợ cho lắm giờ đây chỉ có thể chợp mắt khi có vợ ở bên cạnh. “Hơi muộn rồi”, vợ anh nói, “nhưng bạn có thể làm gì được nào? Khi bạn đã lấy chồng, thì đó là vì cuộc sống”. Chồng của Hatsumi đêm nào cũng lầm rầm cầu khẩn Phật trước khi

lên giường ngủ. Có đêm anh ta cầu Chúa Jesus, bởi vì ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra nếu như anh ta chỉ tin theo một tôn giáo? Chồng của Masumi đêm nào cũng gặp ác mộng. Trong cơn ác mộng anh ta thấy xung quanh mình là bóng tối bao trùm và tất cả các con phố đều biến mất. Nước biển dâng cao. Bầu trời dường như sắp sập. Anh ta bị mắc kẹt trên một hòn đảo. Anh ta bị lạc trong hoang mạc. Anh ta bị mất ví, bị lỡ tàu. Trong cơn ác mộng anh ta thấy vợ mình đang đứng giữa một đám đông và anh ta gọi cô nhưng cô không quay đầu lại. *Tất cả những gì người đàn ông ấy mang lại cho tôi chỉ là sự đau khổ.*

Những cơn mưa nặng hạt đầu tiên dội xuống những chiếc lá cuối cùng trên cây và ngày của họ nhanh chóng mất đi sự ấm áp. Những ngày trời âm u trở nên dài đằng đẳng. Những đứa con nhỏ của chúng tôi đến trường mỗi buổi sáng và trở về nhà cùng với những câu chuyện của chúng. Một đứa bé gái nuốt phải một đồng xu trong giờ ra chơi, suýt chết. Thầy Bennett lại đang cố nuôi râu. Cô Trachtenberg hôm nay có tâm trạng không vui. Suốt những ngày dài chúng tôi ở vườn quả cùng với chồng và những đứa con trai lớn, chặt và tỉa cành, loại bỏ những cành khô không có khả năng cho quả trong mùa tới. Chúng tôi nấu nướng, giặt

giữ, dọn dẹp cho các gia đình ở các khu ngoại ô mà chúng tôi đã làm thuê trong nhiều năm. Chúng tôi làm những việc chúng tôi thường làm, nhưng chúng tôi không còn cảm thấy như trước nữa. “Bây giờ mỗi tiếng động nhỏ đều khiến tôi hoảng sợ”, Onatsu nói. “Tiếng gõ cửa. Tiếng chuông điện thoại. Tiếng chó sủa. Lúc nào tôi cũng lắng nghe tiếng bước chân người”. Và bất cứ khi nào có một chiếc xe hơi lạ chạy gần đến nhà mình thì cô lại đập loạn xạ, bởi vì cô cứ chắc mẩm rằng đã đến lượt chồng mình bị bắt. Đôi khi, vào những lúc bối rối và lo lắng, cô tưởng tượng rằng chuyện đó đã xảy ra rồi, và chồng cô giờ đây đã biến mất, và cô phải thừa nhận rằng cô cảm thấy gần như nhẹ nhõm, bởi vì đợi điều đó xảy ra trong lo lắng phấp phồng mới là điều khó chịu đựng nhất.

Suốt ba ngày gió lạnh thổi thốc từ trên núi xuống liên hồi. Những đám mây bụi bốc lên từ những cánh đồng và những cành cây trơ trụi vật vã trên bầu trời xám xịt, trống vắng. Những bia mộ trong các nghĩa địa của chúng tôi lung lay. Những cánh cửa chuồng nuôi gia súc và nhà kho bị gió làm bật tung. Những mái tôn phát ra những tiếng lạch cạch khó chịu. Những con chó nhà trốn biệt đâu mất. Một người thợ giặt gốc Trung Quốc được phát hiện ở trong tình trạng bất tỉnh, máu me đầy

người và bị bỏ mặc cho tới chết. *Họ tưởng anh ta là người Nhật.* Một trại gia súc ở một thung lũng xa xôi ngoài đảo bị phóng hỏa và mùi động vật chết còn lay lắt trong không khí suốt nhiều ngày.

Ban đêm chúng tôi ngồi trong bếp nhà mình trong khi chồng của chúng tôi ngồi bên cạnh chăm chú đọc báo, sẫm soi từng dòng, từng từ, để tìm đầu mối dẫn đến số phận của chúng tôi. Chúng tôi bàn tán về những tin đồn mới nhất. *Em nghe nói họ định tống chúng ta vào trại lao động để trồng trọt phục vụ quân đội.* Chúng tôi mở radio, hóng tin chiến sự. Tất nhiên, tin tức không có gì để lạc quan. Địch đã đánh chìm thêm sáu tàu chiến được cho là không thể chìm của ta. Các máy bay của địch đã thực hiện các chuyến bay thử nghiệm trên bầu trời của chúng tôi. Các tàu ngầm của phía bên kia đang tiến đến bờ biển của chúng tôi mỗi ngày một gần hơn. Quân địch đang có kế hoạch tấn công bờ biển, tấn công từ ngoài vào và từ trong ra.

Lúc ba giờ sáng một trong những người nông dân trồng dâu làm ăn giỏi ở chỗ chúng tôi bị lôi ra khỏi giường và bị điệu ra cửa trước. Ông ấy là người đàn ông đầu tiên mà chúng tôi biết đã bị đưa đi. *Họ chỉ nhằm vào những người nông dân làm ăn được mà thôi,* người ta nói vậy. Tối hôm sau một nông dân ở trang trại Spiegl bị tóm ở gần hồ

chứa nước khi anh ta đang dẫn chó đi dạo trong bộ quần áo lao động vẫn còn nguyên bùn đất, bị tra hỏi suốt ba ngày ba đêm trong một căn phòng sáng trưng, không có cửa sổ và sau được thả cho về nhà. Nhưng khi vợ anh ta ra ga để đón chồng anh ta không còn nhận ra cô là ai. *Chồng tôi nghĩ tôi là một kẻ mạo danh đang cố lừa để anh ấy nói ra điều gì đó.* Ngày hôm sau nữa ba phụ nữ mà chúng tôi biết sống ở thị trấn bên cạnh kể rằng chồng họ cũng có tên trong danh sách. “Họ bắt anh ấy lên xe”, một người kể lại, “và họ đưa anh ấy đi đâu không rõ”. Hai ngày sau, một đối thủ cạnh tranh của chúng tôi - chủ trang trại duy nhất ngoài trang trại của chúng tôi ở thung lũng - bị còng tay vào một chiếc ghế ngay trong bếp nhà ông ta nhiều giờ liền trong khi ba người đàn ông lạ mặt lục soát khắp nhà nạn nhân và sau đó ông ta được thả tự do. Người ta nói rằng vợ của ông ta phục vụ những người kia cà phê và bánh. Và tất cả chúng tôi đều muốn biết: Bà ta đã cho họ ăn loại bánh gì? Bánh nhân dâu tây? Bánh nhân đại hoàng? Bánh trứng đường? Và những người đàn ông lạ mặt đó dùng cà phê có đường hay không đường?

Suốt mấy đêm liền chồng của chúng tôi nằm đó nhưng không ngủ, cứ lục lọi ký ức để tìm bằng chứng cho thấy tên của họ cũng có trong danh

sách. Chắc hẳn họ đã nói hoặc làm gì đó, chắc chắn họ đã phạm sai lầm gì đó, hoặc đã gây ra tội gì đó, một tội khó nhận biết, có lẽ chính họ cũng không ý thức được. Họ hỏi chúng tôi, cái tội khó nhận ra ấy có thể là tội gì nhỉ? Liệu đó có phải là hành động nâng cốc chúc mừng quê hương mà chúng tôi đã thực hiện trong buổi picnic hàng năm vào mùa hè không nhỉ? Hay đó là lời bình phẩm về bài diễn văn gần đây nhất của Tổng thống mà họ đã đưa ra? *Ông ta gọi chúng ta là găngxtơ*. Hay họ đã đóng góp từ thiện cho một tổ chức bất hợp pháp - một tổ chức có những mối liên quan ngầm với kẻ thù mà họ không biết? Liệu có phải như vậy không nhỉ? Hay là có ai đó - một người nào đó, chắc thế, có lòng hận thù - đã vu oan giá họa, gửi những lời tố cáo không đúng sự thật nhằm chống lại họ tới chính quyền? Có lẽ đó là một trong những khách hàng của chúng tôi ở tiệm giặt Capitol, người mà chúng tôi đã có lần trả lời cốc lốc chẳng? (Tất cả là lỗi ở chúng tôi ư?). Hay đó là một người hàng xóm, người đã bức tức vì con chó của chúng tôi đã nhiều lần giẫm lên thảm hoa của ông ta? Nếu như chúng tôi thân thiện hơn thì họ đã không bị bắt chẳng? Chồng chúng tôi hỏi như vậy. Có phải chồng của chúng tôi để ruộng vườn quá luộm thuộm không? Hay là tội lỗi của họ hiện rõ ràng trên mặt khiến

cả thế giới đều nhìn rõ? Có phải vì khuôn mặt họ mà họ mang tội không nhỉ? Mặt họ không đủ tươi vui chẳng? Hoặc tệ hơn, mặt của họ khiến người ta khó chịu?

Tháng Một chúng tôi được lệnh đăng ký tên với nhà chức trách và nộp tất cả những thứ vũ khí được mua lậu cho cảnh sát địa phương: súng, bom, thuốc nổ, máy ảnh, ống nhòm, tất cả những con dao có lưỡi dài hơn sáu phân, các thiết bị phát tín hiệu như đèn pin, pháo sáng, và bất cứ thứ gì có thể được sử dụng để hỗ trợ kẻ thù trong một cuộc tấn công. Thế rồi đến các thông báo hạn chế quyền đi lại - không ai trong cộng đồng người Nhật của chúng tôi được phép đi xa khỏi nhà mình quá năm dặm - và tám giờ tối là giờ giới nghiêm, và mặc dù hầu hết chúng tôi không phải là những người có thói quen hoạt động ban đêm, lần đầu tiên trong đời chúng tôi thấy mình muốn đi dạo lúc nửa đêm. *Chỉ một lần thôi, đi dạo cùng với chồng qua những vườn hạnh đào để biết cảm giác đi dạo ban đêm như thế nào.* Nhưng vào hai giờ sáng khi chúng tôi nhìn qua cửa sổ nhà mình, chúng tôi không dám đặt chân ra cửa trước bởi vì chúng tôi sợ sẽ gặp cảnh sát. Bởi vì chúng tôi biết chẳng cần nhiều, chỉ cần một cú điện thoại thôi là tên của chúng tôi sẽ có trong danh sách. Và khi những đứa con trai lớn

của chúng tôi bắt đầu văng nhà vào các đêm thứ Bảy chúng tôi không hỏi chúng đã ở đâu, chúng đã ở cùng ai, hoặc chúng phải trả bao nhiêu để ở cùng một cô gái, hoặc tại sao chúng lại mặc những chiếc áo có những chiếc cúc mang những chữ *Tôi là người Trung Quốc* dính ở cổ và tay áo. “Hãy để chúng được vui vẻ khi chúng còn có thể”, chồng của chúng tôi nói. Vậy là chúng tôi chẳng nói gì, chỉ chúc chúng buổi sáng tốt lành khi chúng tôi gặp nhau trong bếp - *Trứng hay cà phê nào?* - và tiếp tục ngày của mình.

“Khi anh đi”, chồng chúng tôi dặn. Chúng tôi vặn lại “nếu” chứ. Chồng chúng tôi nói, “Khi anh đi, hãy nhớ đưa tiền bồi dưỡng cho người giao đá”, và “phải chào khách hàng tử tế khi họ bước vào cửa hàng nhé”. Chồng chúng tôi nói cho chúng tôi biết chỗ cất giấy chứng sinh của các con, dặn chúng tôi nhớ đưa xe chở nông sản đi thay bánh. “Nếu hết tiền tiêu”, chồng chúng tôi nói, “thì bán cái máy kéo đi”. “Bán nhà kính để trồng rau đi”, “Bán tất cả hàng ở trong kho đi”. Họ nhắc chúng tôi phải giữ dáng - giữ thẳng người - và đừng để bọn trẻ biếng nhác việc nhà. Họ nói: “Hãy giữ liên lạc với ông Hauer ở Hiệp hội Những người trồng dâu tây. Ông ấy là người có thể giúp được mình đấy”. Họ nói: “Đừng tin bất cứ tin đồn nào mình nghe được về

tôi”. “Chớ có tin bất cứ ai”. “Đừng nói cho hàng xóm biết bất cứ điều gì”. Họ nói: “Đừng lo về lũ chuột ở trên mái nhà. Khi nào tôi về, tôi sẽ xử lý chúng”. Họ nhắc nhở chúng tôi bất cứ khi nào ra khỏi nhà cũng phải mang theo thẻ cư trú và tránh tham gia vào các cuộc bàn luận về chiến tranh. Tuy nhiên, nếu được yêu cầu cho ý kiến, thì chúng tôi cứ phản đối chiến tranh một cách công khai, nói thật to điều đó lên. “Đừng xin lỗi”, họ dặn chúng tôi như vậy. “Chỉ nói tiếng Anh thôi, đừng nói tiếng Nhật”. “Hãy kìm nén sự tức giận để cúi đầu”.

Chúng tôi bắt đầu nghe được những cuộc thảo luận về việc di cư của số đông. Chúng tôi theo dõi những cuộc điều trần về chủ đề di cư trên báo đài. *Thống đốc bang thúc giục Tổng thống sơ tán tất cả đồng minh của kẻ thù khỏi vùng duyên hải. Hãy chuyển họ về Tojo!* Chúng tôi nghe nói việc đó sẽ xảy ra một cách dần dần trong nhiều tuần nếu không muốn nói là nhiều tháng. Không một ai trong chúng tôi sẽ bị ép phải rời khỏi nơi mình đang sống ngay lập tức. Chúng tôi sẽ được đưa đi xa, đến một nơi nào đó mà chúng tôi lựa chọn, một nơi nằm sâu trong nội địa nơi chúng tôi không thể gây hại cho bất cứ ai. Chúng tôi sẽ bị quản thúc trong suốt thời gian chiến tranh diễn ra. Chúng tôi nghe nói bất cứ người Nhật nào sống

trong phạm vi một trăm dặm kể từ bờ biển đều sẽ bị buộc phải di rời. Chúng tôi nghe nói những người có trong danh sách kia cũng sẽ buộc phải đi. Những người không phải là công dân của nước này cũng sẽ buộc phải đi. Những đứa con ở tuổi trưởng thành của chúng tôi sẽ được cho phép ở lại để trông nom việc kinh doanh và trang trại của cha mẹ. Chúng tôi nghe nói cơ sở buôn bán và trang trại của chúng tôi sẽ bị sung công và bị đem đấu giá. *Vậy thì bây giờ hãy đóng cửa tất cả đi.* Chúng tôi nghe đồn chúng tôi sẽ bị cách ly khỏi những đứa con nhỏ của mình. Chúng tôi nghe đồn chúng tôi sẽ bị triệt sản, sẽ bị trục xuất khỏi nước Mỹ trong thời gian sớm nhất.

Chúng tôi cố nuôi trong đầu những ý nghĩ tích cực. Nếu chúng tôi kết thúc việc giặt là tại tiệm giặt trước nửa đêm thì tên của chồng chúng tôi sẽ được xóa khỏi danh sách. Nếu chúng tôi mua trái phiếu chiến tranh trị giá mười đô la thì con chúng tôi sẽ được để cho yên. Nếu chúng tôi hát trọn bài “Hemp-Winding” mà không mắc một lỗi nào thì sẽ không có danh sách nào hết, không có việc giặt là, không có trái phiếu phục vụ chiến tranh, không có chiến tranh. Thường thì vào cuối ngày chúng tôi cảm thấy bút rút không yên, cứ như thể còn việc gì đó chúng tôi quên chưa làm. *Mình đã nhớ đóng cửa*

cống chưa nhỉ? Mình đã tắt đèn chưa nhỉ? Mình đã cho gà ăn chưa? Mình đã gõ cột giường ba lần (để lấy may) hay chưa?

Tháng Hai ngày ẩm dần lên và những cây anh túc đầu tiên đã nở hoa khoe sắc vàng nhạt khắp các quả đồi. Cộng đồng của chúng tôi tiếp tục teo đi về số lượng. Chồng của Mineko đã biến mất. Chồng của Takeko đã biến mất. Chồng của Mitsue đã biến mất. Người ta phát hiện ra một viên đạn trong bụi đất ở phía sau lán chứa củi của nhà anh ta. Chồng của Omiyo đã bị lôi đi trên đường cao tốc vì ở ngoài đường quá năm phút sau giờ giới nghiêm. Chồng của Hanayo bị bắt ngay tại bàn ăn trong khi anh ta đang ăn tối vì lý do gì không ai biết. “Điều tồi tệ nhất anh ta từng làm là vi phạm luật giao thông một lần”, Hanayo nói. Còn chồng của Shimako, một người lái xe tải cho công ty buôn bán trái cây, người mà không ai trong chúng tôi từng nghe thấy thốt ra một lời, bị bắt tại gian hàng bán bơ sữa của cửa hàng thực phẩm ở địa phương vì tội làm gián điệp cho chỉ huy cấp cao của kẻ thù. “Tôi biết thế nào rồi thì chuyện đó cũng xảy ra”, ai đó nói. Người khác nói, “lần tới có thể là anh đấy”.

Chizuki nói với chúng tôi rằng điều khó chịu nhất là không ai biết người bị bắt hiện đang ở đâu. Đêm đầu tiên sau khi chồng cô bị bắt cô thức trắng

trong nỗi hoảng sợ, không thể nhớ nổi tại sao mình lại chỉ có một thân một mình. Cô đưa tay sờ khoảng giường trống bên cạnh và nghĩ, mình đang mơ đây, đây là một cơn ác mộng, nhưng đó không phải là mơ, mà là sự thật. Thế rồi cô ra khỏi giường, đi quanh nhà gọi tên chồng, nhìn vào tủ, nhìn xuống gầm giường tìm kiếm. *Ngộ nhỡ là mơ thì sao*. Và khi cô nhìn thấy chiếc va li nhỏ của chồng vẫn còn ở bên cạnh cửa cô đã lấy thanh sô-cô-la trong vali ra ăn một cách chậm rãi. “Anh ấy quên vali rồi”, cô lẩm bẩm. Yumiko đã hai lần thấy chồng mình trong mơ và anh nói với cô rằng anh ổn. Cô nói rằng chính cơn mơ mới làm cô lo lắng nhất. “Nó nằm lì ở đó suốt nhiều giờ trên đôi dép của chồng tôi và hể tôi định ngồi xuống chiếc ghế mà chồng tôi vẫn ngồi là y như rằng nó gầm gừ với tôi”. Fusako thú nhận rằng bất cứ khi nào cô nghe nói chồng ai đó bị bắt đi cô lại cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng. “Chị biết đấy, ‘chuyện xảy ra với ai tôi không quan tâm, miễn sao nó không xảy ra với tôi’”. Sau đó tất nhiên cô ấy cảm thấy xấu hổ. Kanuko thừa nhận rằng dù chồng bị bắt đi, cô ấy không nhớ chồng chút nào. “Anh ta bắt tôi làm việc quần quật như một người đàn ông và làm tôi mang bầu nhiều lần”. Kyoko nói rằng theo như cô biết, tên của chồng cô không có trong danh sách. “Anh

ấy là người trông nom vườn ươm cây. Anh ấy yêu hoa. Chẳng có chút máu lật đổ hay nổi loạn nào trong con người anh ấy hết". Nobuko nói, "Đúng vậy, nhưng cô không bao giờ biết được chuyện gì sẽ xảy ra đâu". Những người khác nín thở, chờ đợi xem chuyện gì xảy ra tiếp theo.

Chúng tôi cảm thấy gần gũi với chồng mình hơn bao giờ hết. Trong bữa ăn chúng tôi gấp cho chồng miếng thịt ngon nhất. Khi họ làm bẩn nhà cửa chúng tôi vờ như không thấy. Chúng tôi lặng lẽ lau bùn đất chân họ lôi về nhà mà không buông một lời phàn nàn. Ban đêm khi họ cần chúng tôi ở trên giường chúng tôi không từ chối họ. Và nếu họ quát lác vì chúng tôi không chuẩn bị nước tắm cho theo cách họ thích, hoặc trở nên nóng nảy và nói những lời chẳng dễ nghe chút nào - *hai mươi năm ở Mỹ mà tất cả những gì cô có thể nói là từ "Harro" thôi sao?* - chúng tôi cắn răng chịu đựng và cố không tức giận, bởi vì nhớ đâu sáng hôm sau chúng tôi thức dậy sẽ chẳng thấy chồng mình nữa thì sao? Làm thế nào chúng tôi có thể nuôi con một mình? Chúng tôi kiếm đâu ra tiền để trả tiền thuê nhà? *Satoko đã phải bán tất cả đồ đạc trong nhà đi rồi đấy.* Ai sẽ đặt những chậu hun lửa để bảo vệ trái cây khỏi sương giá bất thường vào mùa xuân? Ai sẽ sửa máy kéo? Ai sẽ trộn phân bón? Ai sẽ mài

lưỡi cày? Ai sẽ làm chúng tôi bình tĩnh lại khi có người đối xử lỗ mãng với chúng tôi ở ngoài chợ, hoặc gọi chúng tôi bằng những cái tên chẳng hay ho gì ở ngoài chợ? Ai sẽ nắm cánh tay chúng tôi mà lay người chúng tôi khi chúng tôi dậm chân và nói chúng tôi đã chịu đựng đủ rồi, rằng chúng tôi sẽ bỏ họ, sẽ đáp chuyến tàu đầu tiên trở về Nhật? *Lý do duy nhất tôi cưới cô là để có thêm người làm ở trang trại.*

Giờ đây chúng tôi càng nghi ngờ rằng có những kẻ chỉ điểm ở trong cộng đồng của mình. Người ta thì thầm với nhau rằng chồng của Teruko đã bị một đốc công tại một nhà máy chế biến trái cây, người đã từng có quan hệ tình cảm với vợ anh, chỉ điểm. Chồng của Fumino đã bị một đối tác làm ăn buộc tội thân với khối trục phát xít. (Chúng tôi nghe nói những kẻ phản bội được trả hai mươi lăm đô la cho mỗi lần chỉ điểm). Chồng của Kuniko bị chính vợ mình tố là thành viên của tổ chức Rồng Đen. *Anh ta định bỏ cô để theo người tình.* Còn chồng Ruriko thì sao? Anh ta là tay trong. Anh ta được chính phủ trả tiền để theo dõi các thành viên của Hội Phật giáo ở địa phương. Tôi thấy anh ta lên ghi biển số xe của người ta ở bãi đỗ xe. Vài ngày sau anh ta được phát hiện đang nằm dưới một con mương ở bên đường với những vết

thương do bị đánh đập và sáng hôm sau không ai biết anh ta cùng gia đình đã biến đi đâu mất. Cửa trước của nhà anh ta mở toang, lũ mèo nhà anh ta vừa mới được cho ăn, một ấm nước vẫn đang sôi trên bếp. Vậy đấy, họ đã biến mất. Trong những ngày sau đó tin tức về hành tung của họ bắt đầu bay tới tai chúng tôi. *Họ đã chạy xuống biên giới miền Nam. Họ trốn sang bang khác. Hiện giờ họ đang sống trong một ngôi nhà đẹp ở thành phố, có xe hơi mới tinh.*

Mùa xuân đã đến. Những cây hạnh nhân trong các vườn quả bắt đầu trút xuống những cánh hoa cuối cùng, còn những cây anh đào thì vừa mới rộ hoa. Mặt trời mùa xuân rải những tia nắng xuống những cánh cam. Những con chim sẻ nhảy nhót trên những bãi cỏ. Mỗi ngày lại có thêm những người đàn ông biến mất. Chúng tôi cố gắng làm cho bản thân mình bận rộn và trân quý những điều nhỏ bé. Một cái gậy đầu chào từ người hàng xóm. Một bát cơm nóng. Tắm hóa đơn được thanh toán đúng thời hạn. Giấc ngủ bình yên của con trẻ. Sáng sáng chúng tôi thức dậy mặc bộ quần áo lao động vào và chúng tôi cày, chúng tôi cuốc, chúng tôi gieo trồng. Chúng tôi nhổ cỏ trong ruộng nho. Chúng tôi tưới bí và tưới đậu. Mỗi tuần một lần vào các ngày thứ Sáu, chúng tôi búi tóc và vào thị

trấn mua những thứ cần thiết, nhưng không dừng lại để chào bất cứ ai chúng tôi gặp trên đường đi. Nếu chúng tôi chào ai đó, người ta sẽ nghĩ chúng tôi đang trao đổi những tin mật. Ở khu phố Nhật chúng tôi hiếm khi đến nhà nhau khi trời tối bởi vì chúng tôi sợ vi phạm lệnh giới nghiêm. Chúng tôi không dám nán lại nói chuyện với nhau khi đi lễ. *Giờ đây bất cứ khi nào nói chuyện với ai đó, tôi đều phải tự hỏi mình, "Liệu người này có bán đứng mình không?"* Thậm chí khi trò chuyện với các con của mình chúng tôi cũng phải thận trọng về những gì mình nói. *Vì chính đứa con trai tám tuổi của Chieko mà chồng cô ấy bị bắt vì tội làm gián điệp đấy.* Vài người trong chúng tôi thậm chí bắt đầu tự hỏi điều này, điều nọ về chồng của mình: *Liệu anh ấy có bí mật gì mà mình chưa biết không nhỉ?*

Ít lâu sau chúng tôi nghe được những câu chuyện về những cộng đồng bị đưa đi khỏi nơi họ đang sinh sống. Hơn chín mươi phần trăm đàn ông trong cộng đồng người Nhật tại một thị trấn nhỏ của những người trồng rau củ ở một thung lũng phía Bắc đã bị đưa đi đâu không rõ. Hơn một trăm người đàn ông đã bị đưa đi khỏi khu vực có tầm quan trọng về quốc phòng gần một sân bay. Và ở miền Nam, trong một thị trấn nhỏ gồm những nếp nhà lụp xụp của những người dân chài nằm dọc bờ

biển tất cả những người dân gốc Nhật Bản bị vây bắt với một cái lệnh không ghi rõ lý do và không hề được báo trước. Những cuốn sổ ghi chép về những chuyến đi biển của họ bị tịch thu, những chiếc thuyền của họ bị tạm giữ, những tấm lưới đánh cá bị cắt thành nhiều mảnh và bị ném xuống biển. Người ta nói rằng sở dĩ chuyện đó xảy ra vì những người đánh bắt cá thực ra không phải là ngư dân, mà là những sĩ quan của lực lượng hải quân của kẻ thù. *Người ta tìm thấy những bộ quân phục được gói trong giấy dầu được giấu dưới đáy thùng đựng mỗi câu.*

Vài người trong số chúng tôi bắt đầu đi mua túi ngủ và vali cho các con phòng trường hợp chúng tôi là những người tiếp theo bị bắt đi. Những người khác đi làm như bình thường và cố giữ sự bình thản. *Chỉ là một vết hồ trên cổ áo thôi và mọi chuyện sẽ ổn cả thôi, anh không nghĩ vậy sao?* Chúng tôi tự nhủ dù chuyện gì xảy ra chẳng nữa, việc cám dỗ các vị thần cũng chẳng ích gì. Có người trở nên câm nín không nói năng gì nữa. Có người lặng lẽ trở dậy vào một buổi sáng đi lấy nước cho ngựa uống rồi treo cổ tự vẫn ngay trong chuồng ngựa. Fubuki lo lắng đến mức khi lệnh phải di dời đến với cô, cô đã thở phào nhẹ nhõm bởi vì cuối cùng thì sự chờ đợi căng thẳng đã kết thúc. Teiko

cứ nhìn trừng trừng vào tờ thông báo, lắc đầu trong im lặng như thể đó không phải là sự thật. “Nhưng mà còn ruộng dâu tây của chúng tôi thì sao?” cô hỏi. “Chỉ còn ba tuần nữa là phải hái dâu rồi”. Machiko nói cô ấy sẽ không đi đâu hết, đơn giản như vậy thôi. “Chúng tôi vừa mới ký hợp đồng ra hạn thuê cửa hàng”. Umeko nói rằng chúng tôi không có sự lựa chọn, phải làm những gì người ta bảo chúng tôi phải làm. “Đó là lệnh của Tổng thống đấy”, cô ấy nói. Ai lại đi cãi vạ Tổng thống chứ?” “Ở nơi chúng ta đến đất đai để trồng trọt như thế nào nhỉ, tốt hay xấu?” Chồng của Takiko muốn biết điều đó. Ở đó một năm có khoảng chừng bao nhiêu ngày nắng nhỉ? Và có bao nhiêu ngày mưa? Kiko chỉ biết bó tay nhìn trần trần xuống chân mình. “Thế là tất cả đã kết thúc rồi”, cô nói khẽ. Haruyo nói cuối cùng tất cả chúng tôi sẽ phải rời khỏi nơi mình đang sống. Hisako nói: “Đúng vậy, nhưng chúng ta đã làm gì sai chứ?” Isino bùng mặt khóc nức nở. “Đáng lẽ ra tôi nên ly dị chồng từ nhiều năm trước và đưa con trở về Nhật sống với mẹ của tôi”.

Thoạt tiên người ta nói với chúng tôi rằng chúng tôi sẽ được đưa lên vùng cao, vậy nên chúng tôi phải mặc ấm bởi ở trên đó rất lạnh. Vậy là chúng tôi vội vã đi mua những chiếc áo len dài và

những chiếc áo khoác mùa đông đầu tiên của mình trên đất Mỹ. Sau đó chúng tôi lại nghe nói người ta sẽ đẩy chúng tôi tới sa mạc, nơi có những con rắn màu đen có nọc độc và những con muỗi to cỡ bằng con chim nhỏ. Người ta nói ở đó không có bác sĩ, và đó là nơi nhan nhản trộm cắp. Vậy là chúng tôi lại vội vã đi mua những chiếc khóa móc, những lọ vitamin cho con nhỏ, những hộp băng gạc, những miếng ngải cứu, những miếng dán thuốc cao, dầu hải ly, iốt, thuốc giảm đau. Chúng tôi nghe nói rằng mỗi người chỉ được phép mang theo một chiếc túi vì thế chúng tôi khâu những chiếc túi nhỏ cho những đứa con, kể cả đứa nhỏ nhất, và thêu tên chúng lên túi. Chúng tôi để bút chì, những cuốn sổ, bàn chải đánh răng, những chiếc áo len, những túi giấy đựng gạo vào những chiếc túi đó. *Phòng khi mẹ con tôi phải ở mỗi người một nơi.* “Chỉ một thời gian thôi các con ạ”, chúng tôi nói với các con mình. Chúng tôi bảo chúng đừng lo lắng quá. Chúng tôi nói với chúng về tất cả những gì chúng tôi sẽ làm khi trở về nhà. Chúng tôi sẽ vừa ăn tối vừa nghe radio. Chúng tôi sẽ đưa chúng vào phố xem phim. Chúng tôi sẽ đưa chúng đến rạp xiếc xem cặp song sinh nhà Siamese và người phụ nữ có cái đầu nhỏ nhất thế giới. *Đầu của bà ta nhỏ như một trái mận!*

Những mầm xanh đua nhau nảy trên những cành nho ngoài ruộng nho và trên khắp thung lũng những cây đào nở hoa từng bừng dưới bầu trời trong xanh. Những cây mù tạc trở hoa màu vàng tươi trong những khe núi. Những con chim chiến chiến từ những ngọn đồi xập xòe bay xuống thung lũng. Từ những thành phố và thị trấn cách xa nơi chúng tôi ở những đứa con trai, con gái lớn của chúng tôi, từng đứa từng đứa, bỏ việc, bỏ học, bắt đầu trở về nhà. Chúng giúp chúng tôi tìm người tiếp quản việc kinh doanh của chúng tôi ở khu phố Nhật. Chúng giúp chúng tôi tìm người thuê lại những cửa hàng mà chúng tôi đã gây dựng được. Chúng giúp chúng tôi dựng những tấm biển trước cửa hàng. *Mua đi mua đi! Mua rẻ đây! Toàn bộ hàng trong kho sẽ được bán!* Chúng mặc quần áo lao động vào và giúp chúng tôi chuẩn bị cho mùa gặt cuối cùng, bởi vì chúng tôi được lệnh phải canh tác cho đến chừng nào chúng tôi lên đường. Đó là sự đóng góp của chúng tôi cho tiền tuyến, người ta nói thế. Đó là cơ hội để chúng tôi chứng tỏ lòng trung thành của mình. Đó là một cách để chúng tôi cung cấp trái cây và rau tươi cho những người ở tuyến đầu.

Những người buôn bán đồ cũ lái xe len lỏi vào các góc ngách, gạ chúng tôi bán đồ đạc cho họ. Họ

trả mười đô la cho một chiếc bếp còn tốt mà năm trước chúng tôi đã mua với giá hai trăm đô la. Họ trả năm đô la cho một chiếc tủ lạnh. Họ trả năm xu cho một chiếc đèn. Những người hàng xóm mà chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện ra tận cánh đồng gặp chúng tôi, hỏi liệu có thứ gì chúng tôi muốn bỏ đi hay không. Cái máy xới kia chẳng? Cái bừa đó? Con ngựa kéo cày này? Cái cày kia? Bụi hồng Nữ hoàng Anne ở sân trước nhà chúng tôi, bụi hồng mà bấy lâu nay họ mê thích? Những người lạ gõ cửa nhà chúng tôi. “Cô có con chó nào không?” một người đàn ông hỏi. Anh ta giải thích rằng con trai anh ta rất muốn có một con chó con. Một người đàn ông khác nói ông ta sống một mình ở gần một xưởng đóng tàu và sẽ rất vui nếu có được một con mèo. “Tôi ở đó cô đơn lắm, chị biết đấy”. Đôi khi chúng tôi bán đồ đạc của mình đi một cách vội vàng với bất kỳ giá nào, và nhiều lúc chúng tôi cho họ những chiếc bình, chiếc lọ, những ấm pha trà mà mình yêu thích và cố không bận tâm nhiều đến chuyện đó, bởi vì mẹ của chúng tôi đã nói với chúng tôi rằng: *Trên đời này con người không nên lụy vật chất quá.*

Khi ngày đi tới gần, chúng tôi thanh toán những hóa đơn cuối cùng và cảm ơn những khách hàng trung thành, những người đã sát cánh với chúng

tôi cho đến ngày cuối. Chúng tôi cảm ơn bà Henrietta, vợ của cảnh sát trưởng Burckhardt, người mà cứ thứ Sáu nào cũng mua năm giỏ dâu tây ở cửa hàng bán trái cây của chúng tôi và lần nào cũng bồi dưỡng cho chúng tôi năm mươi xu. *Hãy cầm lấy và mua cho mình cái gì cô thích nhé.* Chúng tôi cảm ơn ông Thomas Duffy, một người đàn ông góa vợ đã nghỉ hưu, người mà ngày nào cũng đến tiệm ăn của chúng tôi vào lúc mười hai giờ trưa và gọi một đĩa cơm chiên gà. Chúng tôi cảm ơn bà Rosalind Anders, người chỉ ửng đồ của mình được giặt ở tiệm của chúng tôi chứ không phải ở bất kỳ tiệm nào khác. *Người Trung Quốc làm việc đó không ổn lắm.* Chúng tôi tiếp tục làm việc trên cánh đồng như trước đây, nhưng chúng tôi không còn cảm thấy như trước nữa. Chúng tôi đóng những chiếc thùng để đựng trái cây của những mùa màng mà chúng tôi biết mình sẽ không thể thu hoạch. Chúng tôi bắt những ngọn leo cho những cây nho mà chúng tôi biết cho đến khi chúng tôi ra đi chưa cho quả chín. Chúng tôi xới đất gieo những hạt cà chua mà phải đến cuối hè mới mọc mà lúc đó thì chúng tôi đã đi rồi. Bây giờ ngày dài và đầy nắng. Đêm thì mát mẻ. Những hồ chứa đầy nước. Giá quả đậu đang tăng. Giá măng tây gần như chưa bao giờ cao như bây giờ. Dâu tây

ngoài ruộng đang xanh, còn trong vườn quả chẳng bao lâu nữa những cây xuân đào sẽ cho quả trĩu cành. Chỉ cần được ở lại thêm một tuần nữa là chúng tôi sẽ thu được một số tiền đáng kể. Và mặc dù chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ phải ra đi nhưng chúng tôi vẫn không ngừng hy vọng rằng một điều gì đó sẽ xảy ra và chúng tôi sẽ được ở lại.

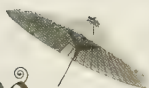
Có lẽ Giáo hội hoặc phu nhân Tổng thống sẽ can thiệp để chuyện di dời không xảy ra với chúng tôi. Hoặc biết đâu đây đã có một sự hiểu lầm và những người buộc phải rời đi là những người khác chứ không phải là chúng tôi. “Người Đức cơ”, ai đó gợi ý. “Hoặc là người Ý chứ”, một người khác nói. “Người Trung Quốc thì sao?” Những người khác trong chúng tôi tiếp tục giữ im lặng và chuẩn bị tốt nhất cho cuộc ra đi của mình. Chúng tôi viết thư gửi giáo viên của con mình, bằng thứ tiếng Anh sai be bét chúng tôi xin lỗi họ vì sự nghỉ học đột ngột ngoài mong đợi của bọn trẻ. Chúng tôi viết những lời chỉ dẫn cho những người thuê nhà, giải thích cho họ biết cách thông ống khói lò sưởi, cách đối phó với mái nhà dột. *Chỉ cần sử dụng một cái xô.* Chúng tôi dâng hoa sen cúng Phật ở đền thờ. Chúng tôi đến thăm nghĩa trang của cộng đồng lần cuối, vẩy nước lên mồ cho những linh hồn của người thân đã từ giã cõi đời. Tetsuo, đưa con trai

nhỏ của Yoshiye bị bò húc chết. Cô con gái xấu số của người buôn chè quê ở Yaokohama mà giờ đây chúng tôi không nhớ nổi tên. *Năm ngày sau khi đặt chân lên đất Mỹ cô ấy chết vì mắc bệnh cúm Tây Ban Nha.* Chúng tôi bước đi dọc những luống nho lần cuối cùng với chồng mình, người không thể cưỡng nổi việc nhổ bụi cỏ cuối cùng. Chúng tôi chống những cành cong trong vườn quả hạnh. Chúng tôi kiểm tra xem ruộng rau diếp nhà mình có bị sâu phá hay không, và vốc những vốc đất màu đen đã được lật xới. Chúng tôi giặt mề quần áo cuối cùng ở tiệm giặt. Chúng tôi đóng cửa tiệm bán rau quả. Chúng tôi quét sàn nhà. Chúng tôi gói ghém tư trang. Chúng tôi gọi những đứa con từ các thành phố, từ các thung lũng về nhà, và chúng tôi ra đi.

Những chiếc lá vẫn trở mình trong gió. Những dòng sông vẫn chảy không ngừng. Những con côn trùng vẫn rỉ rả trong cỏ. Những con quạ vẫn kêu quang quác. Trời không sập. Tổng thống không thay đổi quyết định. Con gà mái đen được yêu thích của Mitsuko cục ta cục tác và đẻ một quả trứng màu nâu ấm nóng. Một trái mận xanh rụng sớm. Con chó cưng ngậm trái bóng nhỏ chạy theo chúng tôi, háo hức tung bóng lần cuối trước khi chúng tôi xua chúng đi. *Về nhà đi.* Những người

hàng xóm thò đầu ra khỏi cửa sổ nhìn chúng tôi. Những chiếc xe hơi bấm còi inh ỏi. Những người lạ giương mắt nhìn chúng tôi. Một đứa bé trai vừa đạp xe vừa vẫy tay tạm biệt chúng tôi. Một con mèo hoảng sợ rúc xuống gầm giường khi những kẻ cướp phá bắt đầu xông vào cửa trước nhà chúng tôi. Những tấm rèm cửa bị xé toạc. Kính bị đập vỡ. Những chiếc đĩa kỷ niệm ngày cưới của chúng tôi bị ném xuống sàn vỡ tan tành. Và chúng tôi biết rằng tất cả những dấu vết của chúng tôi sẽ biến mất, đó chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi.

Ngày cuối cùng



Vài người trong chúng tôi khóc ròng khi cất bước ra đi. Vài người trong hoàn cảnh ấy lại bật lên tiếng hát. Có người lấy tay bưng miệng, cười như kẻ mất trí. Vài người uống rượu say mà đi. Những người khác đi trong lặng lẽ, đầu cúi gục, ngượng ngùng và xấu hổ. Có một người đàn ông lớn tuổi ở Gilroy phải nằm trên cáng. Một người đàn ông lớn tuổi khác, chồng của Natsuko, một thợ cắt tóc không còn hành nghề nữa - phải chống nạng mà đi với chiếc mũ lưỡi chai của tổ chức Cựu chiến binh Mỹ được kéo sụp xuống. “Trong chiến tranh không ai là người chiến thắng. Tất cả đều bị mất mát”, ông ấy nói. Hầu hết chúng tôi ra đi chỉ nói tiếng Anh, nhin dùng tiếng mẹ đẻ để khỏi

làm những đám đông đang nhìn chúng tôi tức giận. Nhiều người trong chúng tôi đã mất tất cả, lặng câm không buồn nói một lời. Tất cả chúng tôi ra đi đều đeo một tấm thẻ nhận dạng màu trắng có ghi số. Trong đoàn người buộc phải ra đi có một đứa trẻ mới sinh đến từ San Leandro ngủ lim dim trong chiếc nôi mây lắc la lắc lư. Mẹ của đứa bé - Naomi, cô con gái lớn nhất của bà Shizuma - ra đi trong lo âu nhưng cứ lúng ta lúng túng trong chiếc váy len màu xám và đôi giày bệt màu đen. “Chị nghĩ ở nơi chúng ta sẽ đến có sữa không?” chốc chốc cô lại hỏi những người đi cùng. Trong đoàn người ra đi có một đứa bé trai mặc quần soóc đến từ Oxnard hỏi nơi nó sẽ đến có cái đu không. Vài người trong chúng tôi vận bộ đồ đẹp nhất của mình để đi. Những người khác mặc bộ đồ duy nhất mà họ có. Có người phụ nữ mặc áo lông thú. *Vợ của Vua rau diếp đấy*, mọi người thì thầm. Một người đàn ông đi chân trần nhưng mặt lại được cạo râu nhẵn nhụi, tư trang được gói cẩn thận và vuông vắn trong tấm vải trắng: một cuốn Kinh Phật, một chiếc áo sạch, một chiếc bùa may mắn, một đôi tất mới để dùng cho những ngày tốt đẹp hơn. Một người đàn ông đến từ Santa Barbara ra đi mang theo một chiếc vali da màu nâu có những cái nhãn đã mờ ghi những chữ Paris, London, Khách sạn

Metropole, Bayreuth. Cô vợ đi sau ông ta ba bước, xách một cái bàn giặt và một cuốn sách dạy phép xã giao của tác giả Emily Post mà cô ta mượn được từ một thư viện. “Tuần tới tôi phải trả sách”, cô nói. Có những gia đình từ Oakland ra đi mang theo những chiếc túi đi biển may bằng vải bố cứng mà họ mua vào ngày hôm trước tại cửa hàng của hãng Montgomery Ward. Có những gia đình ở Fresno ra đi mang theo những chiếc hộp bìa cứng căng phòng. Gia đình Tanakas ở Gardena ra đi mà không trả tiền thuê nhà. Gia đình Tanakas ở Delano ra đi mà chưa nộp các khoản thuế. Gia đình Kobayashis ở Biola ra đi sau khi đã cọ rửa bếp, dội sạch sàn nhà bằng những xô nước nóng. Gia đình Suzuki ở Lompoc ra đi không quên để những đồng muối nhỏ ở lối vào để tẩy uế nhà cửa. Gia đình Nishimoto ở San Carlos ra đi sau khi đã mang những giò phong lan ra khỏi vườn ươm để trên mặt bàn bếp dành cho bất cứ ai sẽ chuyển tới sống trong căn nhà của họ. Gia đình Igarashi ở Preston cho đến tận lúc phải lên đường vẫn còn mãi gói ghém và họ bỏ lại cả mớ lộn xộn ở phía sau. Hầu hết chúng tôi ra đi trong vội mải. Nhiều người trong chúng tôi ra đi trong thất vọng, buồn bã. Vài người trong chúng tôi ra đi trong sự chán ghét và không muốn quay về. Có người rời khỏi đảo

Robert ở Delta ôm khư khư một cuốn Kinh Thánh và luôn miệng ngâm nga “sakura, sakura”. Có người ở thành phố lớn và cho đến khi buộc phải ra đi mới vận chiếc quần đầu tiên trong đời. *Người ta nói ở đó không ai được phép mặc váy.* Có người ra đi sau khi đã làm tóc tại tiệm Talk of the Town Beauty lần đầu tiên trong đời. *Bấy lâu nay tôi luôn muốn được đi làm tóc một lần.* Có người rời trang trại trồng lúa ở Willows mang theo một điện thờ mô hình nhỏ xíu trong túi áo và nói với mọi người rằng rồi thì mọi chuyện cũng ổn cả thôi. “Các vị thần sẽ phù hộ độ trì cho chúng ta”, bà ấy nói. Chồng bà ra đi trong bộ quần áo làm đồng dính đầy bùn đất cùng với toàn bộ số tiền họ tiết kiệm được trong suốt cuộc đời được nhét trong giày của ông. “Năm mươi xu”, ông nháy mắt, mỉm cười. Vài người trong chúng tôi ra đi mà không có chồng bên cạnh, bởi vì chồng của chúng tôi đã bị bắt trong những tuần đầu tiên của cuộc chiến tranh. Vài người trong chúng tôi ra đi mà không có con cái đi cùng bởi vì những đứa con đã đi xa từ lâu rồi. Có một người đàn ông rời khỏi East First Street ở Los Angeles cùng với một chiếc hộp gỗ đựng tro cốt của vợ được bọc trong tấm vải trắng có dây đeo quanh cổ. *Dọc đường đi ông ấy cứ nói chuyện với vợ suốt.* Một người đàn ông rời khỏi

khu trung tâm của Hayward với một hộp sô-cô-la do cặp vợ chồng người Trung Quốc, những người mà ông đã nhượng lại hợp đồng thuê cửa hàng, tặng cho. Có người ra đi từ một trang trại trồng nho ở Dinuba mang theo nỗi bức tức đối với người hàng xóm, ông Al Petrosian, người vẫn chưa trả ông tiền mua lại chiếc cày. *Các anh không thể tin cậy những người Armenia được.* Có người rời Sacramento vẩy hai bàn tay trắng, gào to: “Đấy, tất cả là của các người đấy”. Asayo - người phụ nữ đẹp nhất trong số chúng tôi - rời khỏi New Ranch ở Redwood với chiếc vali bằng mây cô đã mang theo mình khi lên tàu sang Mỹ hai mươi ba năm trước. *Trông nó vẫn như mới.* Yasuko rời căn hộ của cô ở Long Beach với một bức thư của một người đàn ông không phải là chồng của cô, bức thư được gấp cẩn thận và được để trong hộp phấn dưới đáy ví của cô. Masayo ra đi sau khi vĩnh biệt đứa con trai út của chị, Masamichi, tại bệnh viện ở San Bruno, nơi cậu ta qua đời vì bệnh quái bị. Hanako ra đi trong sợ hãi và ho không ngừng, tất cả những gì cô có là bệnh cảm lạnh. Matsuko ra đi với chứng bệnh đau đầu. Toshiko ra đi trong khi đang bị sốt hầm hập. Mitsuyo ra đi trong tình trạng bị nôn ọe và đang mang thai đứa con đầu lòng ở tuổi bốn mươi tám. Nobuye ra đi mà lòng cứ bứt rứt không biết

cô đã rút bàn là ra khỏi ổ điện hay chưa, bởi vì buổi sáng cô đã dùng bàn là để là áo. *“Em phải quay lại mới được”*, cô nói với chồng, và chồng cô chỉ nhìn đăm đăm về phía trước, không phản ứng gì. Tora ra đi trong khi đang nhiễm bệnh truyền qua đường tình dục, căn bệnh cô bị nhiễm vào đêm cuối cùng ở khách sạn Welcome. Sachiko vừa đi vừa luyện bảng chữ cái tiếng Anh như thể đó chỉ là một ngày bình thường như mọi ngày khác. Futaye, người có vốn từ vựng phong phú nhất trong số chúng tôi, bước đi trong câm lạng. Atsuko ra đi trong tâm trạng đau khổ sau khi đã chào từ biệt tất cả những cây ăn trái trong vườn quả của cô. Tôi đã tự tay trồng những cây đó, từ những mầm nhỏ. Miyoshi ra đi sau khi đã buộc ngựa cẩn thận. Satsuyo bước đi mà mắt cứ nhìn quanh tìm kiếm những người hàng xóm của mình, Bob và Florence Eldridge, những người đã hẹn sẽ đến để tạm biệt cô. Tsugino ra đi trong tâm trạng thanh thản sau khi đã cúi mặt xuống một giếng nước nói ra điều bí mật mà cô luôn giấu trong lòng trong suốt thời gian dài. *Tôi đã nhét đầy tro vào miệng đứa con mới sinh của mình và nó đã chết*. Kiyono rời khỏi trang trại ở White Road mà lòng tin chắc rằng cô đang bị trừng phạt vì một tội lỗi mà cô phạm phải từ kiếp trước. *Chắc kiếp trước tôi đã dẫn phải một*

con nhện. Setsuko rời khỏi nhà của cô ở Gridley sau khi đã giết tất cả những con gà ở sân sau. Ciye rời Glendale trong khi vẫn còn tiếc thương Misuzu, đưa con gái đầu lòng của cô, người mà năm năm trước đã lao mình vào một chiếc xe hơi tự sát. Suteko, một phụ nữ không có con, ra đi mà trong lòng cảm thấy như thể cuộc sống trôi qua cô rồi. Shizue rời khỏi trại số 8 ở Webb Island vừa đi niệm một câu Kinh mà cô vừa mới chợt nhớ ra sau ba mươi tư năm. Sáng nào cha tôi cũng niệm câu Kinh đó trước bàn thờ. Katsuno ra đi từ tiệm giặt của chồng cô ở San Diego, vừa đi vừa lẩm bẩm: “Ai đó làm ơn đánh thức tôi dậy với”. Fumiko ra đi từ một nhà trọ ở Courtland vừa đi vừa xin tất cả mọi người thứ lỗi vì tất cả những rắc rối mà cô đã gây ra. Anh chồng vừa đi vừa giục cô bước nhanh chân để theo kịp mọi người và bảo cô ngậm miệng lại. Misuyo ra đi trong tâm thế đáng nể, không oán trách bất cứ ai. Chiyoko, người mà trước đây lúc nào cũng khẳng khẳng rằng muốn chúng tôi gọi cô là Charlotte, khi ra đi lại một mực muốn chúng tôi gọi cô là Chiyoko. *Tôi đã thay đổi suy nghĩ vào phút cuối*. Iyo ra đi với một chiếc đồng hồ báo thức đồ chuông liên tục từ một chỗ nào đó trong vali của cô nhưng cô không dừng lại để tắt chuông. Kimiko ra đi mà không biết rằng cô đã để quên ví của mình

trên bàn bếp, và đến khi cô sức nhớ ra thì đã quá muộn. Harako ra đi để lại bức tượng Phật bằng đồng nhỏ xíu ở một góc của phòng áp mái, nơi bức tượng vẫn ngồi đó mỉm cười cho đến tận ngày hôm nay. Takako cất một bao gạo ở chỗ bí mật dưới những tấm ván gỗ để gia đình cô có cái ăn khi họ trở về. Misayo để một đôi guốc gỗ ở cửa trước để ngôi nhà có vẻ như vẫn đang có người ở. Roku trao chiếc gương có khung bằng bạc cho Louise Hastings, người hàng xóm của cô, và người đó hứa sẽ giữ nó cho đến khi cô trở về. *Bằng giá nào tôi cũng sẽ giữ nó cho cô.* Matsuyo ra đi với một chuỗi hạt trân châu đeo quanh cổ, chuỗi hạt mà bà Bunting, bà chủ của cô đã thưởng cho cô sau hai mươi mốt năm cô giúp việc cho bà và giữ cho ngôi nhà của bà ở Wilmington lúc nào cũng sạch bóng. *Nửa cuộc đời của tôi đấy.* Sumiko ra đi mang theo một chiếc phong bì đầy tiền do người chồng thứ hai của cô, ông Howell ở Montecito, cho cô khi ông thông báo rằng ông không thể đi cùng cô trong chuyến đi này. *Cô ấy đã trả lại nhẫn cưới cho ông ta.* Chiyuno rời Colma mà trong lòng luôn nghĩ về Jiro, người em trai của cô, người đã bị gửi vào một trại của bệnh nhân mắc bệnh phong ở đảo Oshima vào mùa hè năm 1909. *Từ đó trở đi chúng tôi không nói chuyện với em tôi lần nào nữa.* Ayumis

rời Edenville cứ bắn khoả không biết mình có nhớ gấp chiếc váy đỏ may mắn để mang theo hay không. *Tôi muốn về thăm quê hương lần cuối và thả nén hương lên mộ của cha tôi.* Evelyn, con gái của cô, vừa đi vừa nói với mẹ mình, “nhanh lên mẹ, khẩn trương lên mẹ, chúng ta bị muộn rồi”. Có một người đàn bà đẹp lạ thường, người mà không ai trong chúng tôi từng gặp, ra đi trong bối rối và lúng túng. Nghe nói chồng của cô đã nhốt cô dưới tầng hầm trong suốt một thời gian dài để không người đàn ông nào có thể nhìn thấy cô. Có một người đàn ông ở San Mateo ra đi mang theo một bộ gậy đánh gôn và một chai rượu Old Parr Scotch. Tôi nghe nói ông ta từng là người giúp việc của Charlie Chaplin. Có một nhà truyền giáo - mục sư Shibata của Giáo hội Baptist - người vừa đi vừa khuyến khích mọi người hãy tha thứ và hãy lãng quên. Có một người đàn ông mặc bộ com lê màu nâu bóng loáng - người đầu bếp phụ trách các món rán của nhà hàng Kanda - người vừa đi vừa khuyên mục sư Shibata hãy nghỉ một lát. Có một nhà vô địch câu cá cấp quốc gia đến từ Pismo Beach ra đi mang theo chiếc cần câu bằng tre mà ông ta yêu thích và một tập thơ của Robert Frost. *Đó là tất cả những gì tôi thực sự cần.* Có một nhóm các nhà vô địch môn bài bridge đến từ Monterey,

những người có tiền rủng rỉnh vừa đi vừa cười ngoác miệng. Có một gia đình làm nông ở Pajaro ra đi mà không ngừng bắn khoản liệu có bao giờ họ được nhìn thấy thung lũng của mình nữa hay không. Trong đoàn người ra đi có những người đàn ông độc thân không còn trẻ da sạm nắng không có một nơi định cư cụ thể. *Họ là những người nay đây mai đó, ở đâu có mùa gặt là họ tới làm thuê thôi.* Một người làm vườn đến từ Santa Maria ra đi mang theo một bông hoa đỏ quỳên được cắt từ sân trước của ông chủ và một túi áo chứa đầy hạt cây. Một chủ cửa hàng rau quả từ Oceanside ra đi với một tấm ngân phiếu không còn giá trị được viết và trao cho ông bởi một người lái xe tải, người đã lại mua toàn bộ đồ đạc trong cửa hàng của ông. Một người bán dược phẩm đến từ Stockton ra đi sau khi đã mua bảo hiểm an sinh cho vợ trong thời hạn hai năm rưỡi. Một người chuyên phối giống gà ở Petaluma ra đi và cam đoan với chúng tôi rằng tất cả chúng tôi sẽ quay trở về trong vòng ba tháng. Một phụ nữ luống tuổi ăn mặc tươm tất đến từ Burbank ra đi với mái đầu ngẩng cao đầy kiêu hãnh. “Con gái của Viscount đấy”, ai đó nói. “Vợ của Bellyboy Goto đấy” một người khác nói. Trong đoàn của chúng tôi còn có một người đàn ông vừa mới được thả từ nhà tù

San Quentin, người đã nợ tiền của một nửa số chủ cửa hàng trong thị trấn. “Đến lúc phải đi rồi”, anh ta nói. Có những nữ sinh viên mặc quần may bằng vải gabadın màu đen - những đứa con gái lớn của chúng tôi - những đứa con gái đánh những lá cờ Mỹ nhỏ xíu trên áo len và đeo những chiếc huy hiệu Phi Beta Kappa lủng lẳng trên những sợi dây chuyền vàng quanh cổ. Có những chàng trai trẻ đẹp vận quần chinos được là phẳng phiu - những đứa con trai lớn của chúng tôi - những chàng trai vừa đi vừa hát oang oang bài ca tranh đấu của sinh viên ở Berkeley và nói về trận thi đấu thể thao quan trọng của năm tới. Có một cặp vợ chồng mới cưới đội mũ trượt tuyết được thiết kế cho các cặp đôi, ôm nhau đi, dường như không để ý đến bất kỳ ai. Có một cặp vợ chồng già đến từ Manteca vừa đi vừa tiếp tục cuộc tranh luận đã bắt đầu từ lần đầu tiên họ gặp nhau. *Nếu bà còn nói lại chuyện đó một lần nữa thì...* Có một ông già mặc bộ quân phục của Cứu Thế Quân đến từ Alameda vừa đi vừa hô to: “Thượng Đế là tình yêu! Thượng Đế là tình yêu!”. Một người đàn ông đến từ thành phố Yuba ra đi cùng với đứa con gái mang nửa dòng máu Ai-len, cô bé Eleanor, người đã được trao cho ông bởi một phụ nữ mà ông đã bỏ rơi từ lâu. *Chỉ mới tuần trước thôi, ông ấy mới biết về sự tồn tại của cô bé.* Một

người nông dân đến từ Woodland vừa đi vừa huýt sáo sau khi đã cày tung cả hoa màu của vụ mùa cuối cùng trên cánh đồng của mình. Một bà góa ở Covina ra đi sau khi trao quyền sử dụng tài sản của bà cho một vị bác sĩ tốt bụng, người đã ngỏ ý muốn thuê lại ngôi nhà của bà. “Tôi nghĩ tôi đã phạm phải một sai lầm lớn”. Một phụ nữ trẻ ở San Jose ra đi mang theo một lẵng hoa hồng do một người giấu tên ở gần nhà cô, người bấy lâu thầm ngưỡng mộ cô, gửi tặng. Có những đứa trẻ đến từ Sanlinas ra đi mang theo những búi cỏ mà chúng nhổ vào buổi sáng trước sân nhà. Có những đứa trẻ ở San Benito và Napa ra đi mặc áo nọ ra ngoài áo kia cốt sao mang theo được nhiều quần áo hết mức có thể. Một bé gái từ một trại trồng hạnh nhân ở Oakdale ra đi với vẻ nhút nhát và sợ sệt, cứ giấu mặt sau váy của mẹ mình, bởi vì chưa bao giờ nó nhìn thấy nhiều người đến thế. Có ba đứa bé trai từ một trại mồ côi ở San Francisco ra đi với niềm háo hức vì chúng nghĩ chúng sẽ được đi tàu hỏa lần đầu tiên trong đời. Một đứa bé trai tám tuổi từ Placerville ra đi mang theo một chiếc túi nhỏ căng phồng được người mẹ nuôi chuẩn bị cho, và người mẹ ấy đã nói với cậu bé rằng chỉ đến cuối tuần là cậu sẽ được trở về. “Bây giờ con đi nhé và ở đó con sẽ vui”, bà mẹ nuôi dỗ dành. Một đứa bé trai ở

Lemon Cove ra đi mà cứ bám chặt lấy lưng của chị gái nó. “Đó là cách duy nhất tôi có thể khiến nó ra khỏi nhà”. Một bé gái ở Kernville ra đi mang theo một chiếc hộp bìa cứng chứa đầy kẹo và đồ chơi. Một đứa bé gái ở Heber vừa đi vừa đập một quả bóng cao su màu đỏ. Có năm chị em gái đến từ Selma - những cô con gái nhà Matsumoto - ra đi trong khi cãi nhau chí chóe về cha chúng và một trong năm đứa con gái đó có một bên mắt thâm tím. Hai cậu bé sinh đôi đến từ Livingston ra đi với hai cái dây quàng treo tay phải mặc dù cả hai cậu đều đẹp. “Tay chúng phải đeo dây như vậy lâu rồi”, mẹ chúng giải thích. Sáu anh em trai đến từ một trang trại trồng dâu tây ở Dominguez đi giày cao bồi để khỏi bị rấn cấn trên đường đi. “Những vùng đất hoang sơ, hiểm trở ở phía trước”, một trong sáu anh em trai đó nói. Có những đứa trẻ ra đi mà trong dạ đình ninh rằng chúng đang tham gia một cuộc đi bộ dài, hoặc đang tới rạp xiếc, hoặc đang trên đường ra biển chơi. Có một đứa bé trai trượt patin không quan tâm mình đang đi đâu miễn sao có vỉa hè để nó được trượt mãi, trượt mãi. Có những đứa trẻ chỉ còn một tháng nữa là tốt nghiệp trung học. *Cháu sẽ vào trường Stanford*. Có một cô bé ra đi sau khi biết mình sẽ trở thành người đại diện cho học sinh đọc diễn văn tại lễ tốt nghiệp ở

trường trung học Callexico. Có những đứa trẻ ra đi vẫn còn chưa thành thạo các phép tính về phân số và số thập phân. Có những đứa trẻ học lớp tám của cô Crozier ở Escondido ra đi trong tâm trạng nhẹ nhõm vì chúng không phải trải qua kỳ kiểm tra quan trọng vào tuần tới. *Tớ chưa ôn bài.* Một cậu bé đến từ Hollister ra đi với một chiếc lông chim màu trắng trong túi áo và một cuốn sách về các loài chim ở Bắc Mỹ do những người bạn tặng cậu làm kỷ niệm trong buổi học cuối cùng. Một cậu bé ở Byron ra đi mang theo một cái xô nhôm đựng đầy đất. Một cô bé ở Upland ra đi mang theo một con búp bê được làm bằng vải vụn có đôi mắt được làm từ hai chiếc cúc màu đen. Một cô bé đến từ Caruthers ra đi kéo theo mình một sợi dây thừng và nhất định không chịu vứt bỏ nó. Một cậu bé ở Milpitas ra đi với nỗi lo lắng khôn nguôi về con gà trống mang tên Frank của cậu, con vật mà cậu đã đem gửi hàng xóm trông nom giúp. “Anh có nghĩ là họ sẽ ăn thịt Frank của em không?” cậu hỏi. Một cậu bé ở Ocean Park ra đi với tiếng tru của con chó cưng mang tên Chibi văng vẳng bên tai. Một cậu bé mặc bộ đồng phục của hội hướng đạo sinh ở Mountain View ra đi mang theo một túi tư trang và một bộ đồ dùng để nấu ăn cho người đi cắm trại. Một cô bé đến từ Elk Grove cứ giật tay áo cha

mình mếu máo: “Cha ơi, về nhà đi, về nhà đi cha”. Một cô bé ở Hanford ra đi mà lòng cứ nghĩ về June, người mà cô đã kết bạn qua thư. *Mình hy vọng rằng bạn của mình sẽ nhớ viết thư cho mình.* Một cậu bé ở Brawley ra đi khi vừa mới biết xem đồng hồ và chốc chốc lại nhìn đồng hồ đeo tay của mình. “Thì giờ cứ thay đổi không ngừng”, cậu nói. Một cậu bé ở Parlier ra đi mang theo một chiếc chăn nỉ màu xanh dương vẫn còn phảng phất mùi của căn phòng cậu đã ở. Một cô bé có mái tóc thắt bím đuôi sam thật dài ở một thị trấn nhỏ ở Tulare ra đi mang theo một thoi phấn màu hồng. Cô bé dừng lại một lần nói lời chào tạm biệt với những người đứng thành hàng bên lối đi và giơ bàn tay nhỏ bé lên vẫy vẫy rồi bắt đầu nháy chân sáo. Cô vừa nháy vừa cười thành tiếng. Cô ra đi mà không quay đầu nhìn lại.

Họ đã biến mất



Người Nhật đã biến mất khỏi thị trấn của chúng tôi. Những ngôi nhà của họ bị bít kín, và giờ đây hoàn toàn trống rỗng. Những hộp thư của họ bắt đầu bị tràn. Những tờ báo không người nhận bay tứ tung, tạo ra cảnh bừa bãi trước cổng và trong vườn nhà họ. Những chiếc xe bỏ không đứng im lìm trên các lối đi dẫn vào nhà. Cỏ dại mọc tua tủa trên các thảm cỏ. Những bông hoa tulip héo rũ trong những mảnh sân sau. Những con mèo lạc đi lang thang. Những chiếc quần, những tấm áo của mẻ giặt cuối cùng vẫn được treo y nguyên trên dây phơi. Trong một căn bếp - bếp nhà Emi Saito - chiếc điện thoại màu đen vẫn đổ chuông liên hồi.

Ở Phố Chính, những tiệm giặt của họ vẫn đóng cửa im ỉm. Những tấm biển đề hai chữ *Cho thuê* được treo bên ngoài những ô cửa. Những tấm hóa đơn chưa thanh toán và những tờ biên nhận bay lả tả trong gió. Cửa hàng hoa của Murata giờ đây trở thành cửa hàng hoa của Kay. Khách sạn Yamato đã được đổi tên thành khách sạn Thiên Đường. Cuối tuần này nhà hàng Fuji sẽ mở cửa trở lại dưới sự quản lý của một ông chủ mới. Quán bi-da của Mikado vẫn đóng cửa. Cơ sở kinh doanh của Imanashi đã ngừng hoạt động. Cửa hàng rau quả của Harada cũng đóng cửa, và trên cánh cửa của cửa hàng có treo một tấm biển những chữ viết tay mà không ai trong chúng tôi có thể nhớ đã nhìn thấy ở đâu đó rồi - *Thượng Đế sẽ ở bên bạn cho đến khi chúng ta gặp lại nhau*. Và tất nhiên chúng tôi không thể không tự hỏi: Ai đã treo tấm biển ấy lên đó? Một trong số họ, những người ra đi chẳng? Hay một trong số chúng tôi, những người ở lại? Và nếu tấm biển đó là do một người trong chúng tôi đã treo lên, thì người đó là ai? Chúng tôi tự hỏi khi áp mặt lên cửa kính, nhìn vào khoảng không gian tối om ở bên trong, nửa mong rằng ông Harada sẽ bất ngờ xuất hiện trong chiếc tạp dề màu xanh lục đã bạc từ phía sau chiếc bàn quầy, đon đả mời chúng tôi mua măng tây, mua dâu tây loại thượng

hạng và những cành bạc hà tươi, nhưng cửa hàng hoàn toàn trống rỗng, chẳng có gì để nhìn cả. Những chiếc giá để hàng trống không, trơn trượt. Sàn nhà được quét dọn dẹp ngăn nắp và sạch sẽ từ bao giờ. Người Nhật đã đi thật rồi.

Ông thị trưởng đã quả quyết với chúng tôi rằng không có gì phải lo lắng hết. “Người Nhật hiện đang ở một nơi an toàn”, đó là lời ông ấy nói được trích dẫn từ báo *Star Tribune* sáng nay. Ông ấy không được phép tiết lộ nơi đó là nơi nào. “Nếu tôi tiết lộ nơi họ đang ở thì sự an toàn của họ sẽ bị đe dọa”. Nhưng nơi nào có thể an toàn hơn nơi này cơ chứ, vài người trong chúng tôi hỏi.

Tất nhiên người ta đồn đoán và đưa ra đủ mọi giả thuyết. Có lẽ người Nhật đã bị đưa tới những vùng thâm canh củ cải đường ở đâu đó - Montana hoặc Dakotas chẳng hạn, nơi các nông dân cần thêm lao động để giúp họ thu hoạch hoa màu trong vụ hè thu. Hoặc có lẽ ở một thành phố xa xôi nào đó người Nhật giả làm những người Trung Quốc mới đến sinh sống để không ai biết họ thực sự là ai. Có lẽ họ đang ở trong tù. “Nêu ý kiến của cá nhân tôi ư?” Một y tá quân đội về hưu đã từng làm việc trong lực lượng hải quân nói. “Tôi nghĩ họ đang ở ngoài biển, trên một con tàu chạy ngoằn ngoèo qua những quả ngư lôi. Họ được dồn lên tàu

và được đưa về Nhật trong thời gian chiến tranh". Một giáo viên ở một trường trung học nói rằng đêm nào cô cũng thao thức trong nỗi lo sợ trước điều tồi tệ nhất có thể xảy ra: họ bị nhốt trong những chiếc xe chở gia súc và họ sẽ không quay trở lại nữa, hoặc có lẽ họ bị đẩy lên một chiếc xe buýt không có cửa sổ và chiếc xe đó cứ chạy miết, không có ngày mai, không có tuần tới, hoặc họ được lệnh đi hàng một dọc theo một cây cầu gỗ và khi đến được đầu cầu bên kia thì tất cả họ biến mất. "Tôi luôn nghĩ đến những khả năng đó", cô nói, "và tôi sẽ luôn nhớ - họ đã biến mất".

Bạn có thể vẫn nhìn thấy những tờ thông báo được đóng đinh trên những cột điện thoại ở các góc đường, nhưng những tờ thông báo đó dần dần cũng bắt đầu phai màu, rách nát, và sau khi những cơn mưa nặng hạt của mùa xuân xuất hiện vào tuần trước thì chỉ những chữ to màu đen ở trên đầu những bản thông báo - Những hướng dẫn dành cho tất cả mọi người Nhật - là vẫn còn đọc được. Nhưng thực sự những bản thông báo ấy nói gì không người nào trong chúng tôi còn có thể nhớ được nữa. Một người đàn ông lơ mờ nhớ được một thông báo về việc cấm nuôi thú cưng và một thông báo nói về địa điểm khởi hành. "Tôi nghĩ đó là một địa điểm ở West Fifth Street", ông nói.

Nhưng không chắc lắm. Một người hầu bàn ở quán Blue Ribbon Dinner nói đã vài lần cô cố đọc bản thông báo buổi sáng nhưng cô không thể đến gần để đọc. “Tất cả các cột điện thoại đều được vây quanh bởi đám đông những người Nhật”, cô kể với chúng tôi. Điều khiến cô ngạc nhiên là tất cả mọi người đều lặng lẽ, không hề gây ồn ào. Họ bình tĩnh lắm. Cô nói, một số người Nhật lặng lẽ gật đầu. Những người khác tiếp nhận thông báo. Không ai nói một lời. Nhiều người trong số chúng tôi thừa nhận rằng mặc dù hàng ngày chúng tôi đi qua những bảng thông báo đó nhưng không một ai trong chúng tôi dừng lại đọc chúng. “Thông báo dành cho người Nhật chứ có phải cho chúng tôi đâu”, chúng tôi nói. “Tôi vội lắm, làm gì có thời gian để đọc”. “Tôi không thể hiểu được những bản thông báo đó nói gì bởi vì chữ nhỏ quá”.

Chính những đứa con của chúng tôi là những người bị tác động nhiều nhất bởi sự biến mất của người Nhật. Chúng hay cãi lời chúng tôi hơn trước. Chúng không chịu làm bài tập về nhà. Chúng lo âu. Chúng trở nên ồn ào, nhặng xị. Ban đêm những đứa con can đảm nhất hoảng sợ khi đèn tắt. “Mỗi lần con nhắm mắt lại là con lại thấy họ”, một đứa trẻ nói. Một đứa khác đặt ra các câu hỏi. Nó hỏi rằng phải đi đâu để có thể tìm thấy họ? Nơi họ đến có

trường học không? Nó nên làm gì với chiếc áo len của Lester Nakano? “Nên giữ chiếc áo lại hay vứt nó đi?” Ở trường tiểu học Lincoln toàn bộ học sinh lớp Hai tin rằng những bạn học người Nhật của chúng đã bị lạc trong rừng sâu. “Các bạn ấy ăn quả sồi, lá cây và có bạn quên mang áo khoác nên bị lạnh”, một bé gái nói. “Bạn ấy run cầm cập và khóc rấm rứt. Hoặc cũng có thể bạn ấy đã chết rồi”. “Bạn ấy chết rồi”, đứa bé trai ngồi bên cạnh nói. Giáo viên của những đứa trẻ ấy nói việc khó nhất trong ngày của họ bây giờ là điểm danh. Cô chỉ vào ba cái bàn trống: Oscar Tajima, Alice Okamoto, và người học trò cưng của cô, Delores Niwa. “Thật ngại”. Mỗi buổi sáng cô gọi tên các học trò người Nhật vắng mặt, nhưng tất nhiên, không có tiếng thưa. “Vậy nên ngày lại ngày tôi đánh dấu sự vắng mặt của chúng. Tôi còn có thể làm gì được nữa?” “Thật đáng xấu hổ”, người làm nhiệm vụ dẫn học sinh sang đường nói. “Chúng là những đứa trẻ ngoan ngoãn. Tôi nhớ chúng”.

Tuy nhiên trong cộng đồng của chúng tôi cũng có những người cảm thấy thoải mái khi thấy người Nhật biến mất. Bởi vì những người đó đã đọc những câu chuyện trên báo, đã nghe những lời đồn không hay về người Nhật, họ biết rằng vũ khí bí mật được giấu trong những hầm chứa

lượng thực của những người nông dân Nhật tại những thị trấn cách không xa thị trấn của chúng tôi, và mặc dù chúng tôi muốn tin rằng hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, người Nhật ở thị trấn của chúng tôi đều là những công dân tốt, đáng tin cậy, chúng tôi cũng không thể chắc chắn về sự trung thành tuyệt đối của họ. “Có quá nhiều điều về họ mà chúng tôi không biết”, một bà mẹ của năm đứa con nói. “Điều đó khiến tôi cảm thấy không được thoải mái. Tôi luôn cảm thấy như thể họ đang cố giấu giếm điều gì đó”. Khi được hỏi anh có cảm thấy an toàn khi sống ở nhà đối diện với gia đình Miyamoto ở bên kia đường hay không, một người công nhân tại một nhà máy sản xuất đá lạnh đáp: “Thực sự là không”. Anh giải thích, anh và vợ của anh luôn thận trọng trước những người Nhật bởi vì: “Chúng tôi không chắc chắn lắm. Có những người tốt, có những người xấu, tôi cho là vậy. Ai biết đâu mà lần”. Nhưng hầu hết chúng tôi đều nhận thấy thật khó để tin rằng những người hàng xóm cũ của mình lại có thể trở thành mối đe dọa đối với cộng đồng. Một người phụ nữ từng cho gia đình Nakamuras thuê nhà nói rằng họ là những người thuê nhà tốt bụng nhất mà bà từng biết. “Họ thân thiện. Lịch sự. Họ ăn ở rất sạch sẽ”. “Họ không sờ mó vào bất kỳ cái

gì. Thậm chí một cái lọ hoa họ cũng không chạm tay vào”.

Chúng tôi bắt đầu nghe nói rằng đèn vẫn sáng trong một số ngôi nhà của người Nhật, hoặc nghe kể về những con vật đáng thương. Một con chim hoàng yến xác xơ thoáng hiện qua khung cửa sổ ở mặt trước căn nhà của gia đình Fujimoto. Một con cá chép chết nổi trong ao của nhà Yamaguchi. Và đâu đâu cũng có những con chó bị chủ bỏ lại. Chúng tôi mang cho những con vật đáng thương đó những bát nước, những mẩu bánh mì, những mẩu thức ăn thừa, thậm chí có người bán thịt mang cho chúng những mẩu thịt bê tươi. *Con chó nhà Koyama chỉ hít ngửi một lát rồi lịch sự bỏ đi chỗ khác.* Con chó nhà Ueda chạy sang nhà chúng tôi, và trước khi chúng tôi có thể giữ nó lại, nó đã chạy vụt ra khỏi cổng trước. Con chó nhà Nakanishi - một con chó sục giống Scốt-len trông giống hệt con chó đen mang tên Fala của Tổng thống - nhe hàm răng trắng nhớn ra, không cho chúng tôi đến gần. Nhưng những con chó khác chạy đến mừng chúng tôi, mặc dù chúng không quen biết chúng tôi, và theo chúng tôi về nhà, và trong vài ngày chúng tôi đã tìm được chủ mới cho chúng. Một gia đình nói rằng họ muốn nuôi một con chó Nhật. Vợ của một người lính trẻ vừa mới được gọi nhập ngũ mang

Duke, con chó săn thỏ màu nâu vàng về nuôi và kể từ đó nó cứ bám gót cô nửa bước không rời. “Bây giờ con chó này là bảo vệ của tôi đấy”, cô nói. “Tôi và nó hợp nhau lắm”. Thỉnh thoảng, vào lúc nửa đêm, cô có thể nghe thấy tiếng con chó rên ư ử trong giấc ngủ và cô tự hỏi không biết có phải nó đang mơ thấy chủ cũ hay không.

Thế rồi chúng tôi mau chóng phát hiện ra rằng vài người Nhật vẫn còn ở lại với chúng tôi. Ông Hideo Kodama, một chủ chứa bạc vẫn đang bị giam tại nhà tù của hạt. Một phụ nữ mang thai đang nằm tại bệnh viện công cộng vì đã quá lịch sinh dự kiến những mười ngày mà chị vẫn chưa trở dạ. *Đứa trẻ không muốn bị đẻ trên đường đó mà.* Một phụ nữ ba mươi chín tuổi bị điên phải ở trong viện tâm thần, suốt cả ngày cứ mặc váy ngủ, đi dép lê lang thang khắp các hành lang của viện nói một mình bằng tiếng Nhật mà chẳng ai hiểu cô ta nói gì. Tiếng Anh thì cô ta chỉ biết nói từ “nước” và “về nhà”. Bác sĩ cho chúng tôi biết rằng hai mươi năm trước hai đứa con nhỏ của cô đã bị chết cháy trong một vụ hỏa hoạn trong khi cô ở ngoài cánh đồng với một người đàn ông khác. Ngày hôm sau chồng cô tự vẫn. Sau đó người tình của cô bỏ cô. “Và kể từ đó cô không còn như trước nữa”. Trong một thị trấn ở phía Nam, ở Clearview

Sanitorium, một bé trai mười hai tuổi nằm li bì trên chiếc giường kê gần cửa sổ, đang chết dần vì bệnh lao cột sống. Cha mẹ của cậu bé đã đến thăm cậu lần cuối vào trước hôm họ buộc phải ra đi và giờ đây cậu chỉ còn lại một mình.

Mỗi ngày trôi qua những bảng thông báo trên các cột điện thoại lại trở nên mờ nhạt hơn. Và cho đến một buổi sáng, người ta không còn nhìn thấy bất kỳ bảng thông báo nào nữa, và chúng tôi có cảm giác thành phố trở trụi, cứ như thể người Nhật chưa từng hiện diện ở nơi đây.

Hoa bìm bìm bắt đầu nở tràn lan trong vườn của người Nhật. Những dây kim ngân mọc đua ra dài ngoẵng. Bên dưới những hàng giậu không được xén tỉa những cái xẻng bị bỏ quên đã bắt đầu han gỉ. Một bông tử đinh hương bùng nở khoe sắc tím sẫm bên dưới ô cửa sổ nhà Oteros và ngày hôm sau đã biến mất. Một cây chanh trong vườn nhà Sawadas bị đào bật gốc. Những chiếc khóa cửa bị nạy khỏi những cánh cửa trước và cửa sau của những ngôi nhà mà người Nhật đã từng sống. Những chiếc xe hơi bị tháo các bộ phận. Những căn phòng áp mái bị lục soát. Những ống khói lò bị tháo rời. Những chiếc hộp, những chiếc rương, những chiếc hòm bị lôi ra khỏi những gian buồng kho và được chất lên những chiếc xe tải và bị chở

đi trong đêm. Những nắm cửa, và những đồ lặt vặt biến mất dần. Ở Đại lộ số 3, trong một tiệm cầm đồ và những cửa hàng buôn bán đồ cũ, những món đồ của vùng Viễn Đông xuất hiện trong một thời gian ngắn trước khi chúng trở thành đồ vật của nhà chúng tôi. Một chiếc đèn lồng bằng đá xuất hiện giữa những cây đỗ quyên trong một khu vườn nổi tiếng nằm ở đường Mapleridge. Một bức tranh giấy cuộn được đưa vào thay thế một bức tranh khỏa thân trong một phòng khách ở Elm. Trong những tòa nhà nằm kề nhau, chúng tôi chợt nhận ra những tấm thảm phương Đông dưới chân mình. Và ở phía Tây thành phố giữa những bà mẹ trẻ ăn mặc hợp thời trang, những người hàng ngày hay lui tới những công viên, những chiếc trâm cài tóc hình chiếc đũa mà phụ nữ Nhật thường dùng bỗng trở thành một thịnh hành. “Tôi cố không băn khoăn chúng có xuất xứ từ đâu”, một bà mẹ vừa khẽ lắc chiếc xe nôi trong bóng râm ở công viên vừa nói. “Đôi khi không biết thì tốt hơn”.

Trong vài tuần một số người trong cộng đồng của chúng tôi vẫn nuôi hy vọng rằng người Nhật sẽ quay trở lại, bởi vì không ai nói rằng họ sẽ ra đi mãi mãi. Chúng tôi trông ngóng họ tại những trạm dừng xe buýt. Tại những cửa hàng hoa. Chúng tôi mong ngóng họ khi chúng tôi đi qua một tiệm sửa

chứa đài ở Đại lộ số 2 nơi trước kia là cửa hàng cá của Nagamatsu. Chúng tôi thường liếc nhìn qua cửa sổ nhà mình bởi chúng tôi nghĩ, biết đâu đấy người làm vườn của chúng tôi sẽ quay trở lại, bất ngờ xuất hiện trong sân. *Cũng có khả năng, dù không chắc chắn, Yoshi sẽ xuất hiện ở đó, đang thu lá khô.* Chúng tôi tự hỏi liệu tất cả những gì đã xảy ra với họ có phải do lỗi của chúng tôi hay không. Đáng lẽ chúng tôi phải viết thư kiến nghị gửi Thị trưởng mới phải. Hoặc gửi Thống đốc bang. Thậm chí gửi Tổng thống. *Xin hãy cho phép họ ở lại.* Hoặc đơn giản chúng tôi nên gõ cửa nhà họ và đề nghị được giúp đỡ họ trong lúc khó khăn. Bây giờ, khi họ đi rồi, chúng tôi mới nghĩ “giá mà” trong tiệc nuôi. Nhưng lần cuối cùng bất cứ ai trong chúng tôi gặp ông Mori tại cửa hàng bán trái cây ông cũng vẫn thân thiện và dễ mến như mọi khi. “Ông ấy không hề nói với tôi rằng ông ấy sắp phải đi”, một phụ nữ nói. Tuy nhiên, ba ngày sau ông biến mất. Một người làm việc ở quầy thanh toán của trung tâm mua bán Associated Market nói rằng trước ngày những người Nhật biến mất họ kéo nhau đi mua thực phẩm dự trữ “như thể không có ngày mai”. Cô ấy kể có một người phụ nữ Nhật mua tới hơn hai mươi hộp xúc xích Vienna. “Tôi không nghĩ đến chuyện hỏi bà ấy tại sao lại mua nhiều

như vậy". Tất nhiên giờ đây cô ước gì cô đã hỏi han người phụ nữ ấy một câu. "Tôi chỉ muốn biết họ có ổn không".

Ở chỗ này, chỗ kia, từ những hộp thư nằm rải rác trong thị trấn, chúng tôi bắt đầu nhận được những lá thư đầu tiên của người Nhật gửi về. Một cậu bé ở Sycamore nhận được một bức thư ngắn của Ed Ikeda, cậu học sinh chạy nhanh nhất của trường trung học cơ sở Woodrow Wilson. *Chúng tớ đang ở tại trung tâm đón tiếp. Tớ chưa bao giờ nhìn thấy nhiều người Nhật như thế này. Một số người chẳng làm gì cả, chỉ ngủ suốt cả chiều.* Một cô bé ở phố Mulberry nhận được tin từ Jan, cô bạn người Nhật từng học chung lớp với mình. *Họ giữ chúng tớ ở đây lâu hơn nữa và sau đó họ sẽ đưa chúng tớ lên núi. Tớ hy vọng sẽ sớm nhận được thư của cậu.* Vợ của ông Thị trưởng nhận được một tấm bưu thiếp từ người hầu gái trung thành của bà, cô Yuka, người đã xuất hiện trước cửa nhà bà vào ngày thứ hai sau khi cô đặt chân đến nước Mỹ. *Cuối tháng bà đừng quên đem chăn ra phơi nhé.* Vợ của một mục sư phụ tá của Giáo hội Giám lý Hợp nhất mở một lá thư được gửi tới cho chồng bà và đọc được dòng chữ, *Anh yêu, em vẫn ổn, và thế là toàn bộ thế giới của bà bỗng tối sầm lại. Hatsuko là ai?* Cách đó ba dãy phố có một ngôi nhà màu vàng

ở Walnut, một cậu bé chín tuổi nhận được thư của người bạn thân nhất, bạn Lester - *Tớ đã để quên áo len ở phòng cậu phải không?* - và suốt ba đêm liền cậu không tài nào chợp mắt nổi.

Mọi người bắt đầu yêu cầu được nghe những câu trả lời. Người Nhật đến những trung tâm đón tiếp đó một cách tự nguyện hay do bị cưỡng ép? Điểm đến cuối cùng của họ là nơi nào? Tại sao họ không được thông báo trước về nơi họ sẽ đến? Ai sẽ can thiệp cho lợi ích của họ? Họ vô tội? Họ có tội? Có phải họ đã thực sự biến mất hay không? Không ai thực sự nhìn thấy họ ra đi, như vậy chẳng phải là điều kỳ cục và khó hiểu sao? Một người dân phòng nói, các vị nghĩ rằng ai đó trong chúng tôi đã nhìn thấy gì đó, nghe thấy gì đó chứ gì. “Một phát súng báo hiệu. Một tiếng khóc nức nở bị kìm nén. Một hàng dài người biến mất trong đêm”. Một người dân phòng ở địa phương nói rằng người Nhật vẫn còn ở tại nơi chúng tôi sống, và đang theo dõi chúng tôi từ những nơi bí mật, quan sát vẻ mặt của chúng tôi xem chúng tôi có đau khổ hay ân hận hay không. Hoặc cũng có thể họ đang ẩn nấp ở một nơi nào đó bên dưới những đường phố của chúng tôi và đang ủ mưu cho sự chấm hết của chúng tôi. Anh ta chỉ ra rằng những bức thư mà chúng tôi nhận được có thể là thư giả. Anh ta nói sự biến mất

của người Nhật là một thủ đoạn. Anh ta cảnh báo ngày tận thế của chúng tôi còn chưa tới.

Thị trưởng đề nghị chúng tôi hãy kiên nhẫn. “Khi nào có thể chúng tôi sẽ thông báo cho người dân biết bất cứ điều gì chúng tôi có thể”, ông ấy nói. Có sự phản bội, thời gian thì không có nhiều, cần phải hành động gấp. Người Nhật đã ra đi một cách vui vẻ, theo yêu cầu của Tổng thống, chứ không phải do thù oán gì, người ta nói với chúng tôi như vậy. Tinh thần của họ vẫn vững. Khát khao của họ không thiếu. Sự tái định cư của họ đang được tiến hành theo kế hoạch. Ngài Thị trưởng nhắc chúng tôi rằng cuộc sống cũng có những lúc bất thường. Chúng tôi giờ đây là một phần của tuyến đầu và dù cần phải làm bất cứ điều gì để bảo vệ tổ quốc chúng tôi đều phải làm. “Rồi mọi người sẽ được thấy điều gì đó”, ông ta nói với chúng tôi. “Và sẽ có những điều mọi người không thấy được. Có những chuyện xảy ra. Và dù gì cuộc sống vẫn cứ tiếp diễn”.

Đợt nắng nóng đầu tiên của mùa hè đã xảy ra. Lá trên những cây mộc lan rũ xuống. Những lối đi nóng bỏng dưới nắng mặt trời. Những tiếng hò hét ngập tràn khắp không gian khi những hồi chuông cuối cùng của năm học vang lên và một lần nữa các lớp học lại sắp đóng cửa. Trái tim của các bà mẹ chất

chứa nỗi thất vọng. *Lại sắp một đây*, họ rên rỉ. Vài người bắt đầu đi tìm người trông trẻ mới để trông nom những đứa con nhỏ của họ. Những người khác đăng tin tìm người giúp việc nội trợ. Nhiều người thuê người làm vườn và thuê hầu gái mới: những cô gái trẻ người Philippine khỏe mạnh, những người Hindu để râu thưa, những người Mexico béo lùn không phải lúc nào cũng đứng đắn nhưng đủ thân thiện đến từ Oaxaca - *Buenos dias, Sí, cómo no?* họ xì xồ - và sẵn sàng xén cỏ thuê với giá rẻ. Hầu hết họ giặt đồ ở tiệm giặt của người Trung Quốc. Và mặc dù quần áo của họ có thể không được là một cách cẩn thận, và giậu cây của họ đôi khi trở nên rậm rạp quá, họ không bận tâm, bởi vì sự chú ý của họ đã được dồn vào những chuyện khác: cuộc tìm kiếm một cậu bé mất tích tên là Henry, người được nhìn thấy lần cuối ở bìa rừng (“Cậu ấy đã đi để ở với người Nhật rồi”, các con của chúng tôi nói), chuyện bảy người lính của thành phố chúng tôi bị bắt trong trận chiến ở Corregidor, bài giảng có đầu đề là “Hitler: Napoleone của thời nay?” do Tiến sĩ Raoul Aschendorff, một người đi lánh nạn để tránh sự tàn sát của phát xít Đức, thực hiện vào bữa trưa tại Câu lạc bộ của những người hành hương, một bài giảng thu hút sự chú ý của toàn bộ khán phòng gồm toàn những người đứng nghe.

Khi chiến tranh trở nên ác liệt, càng có ít gia đình rời khỏi nhà của họ (less and less). Chất đốt được chia theo nhân khẩu. Giấy thiếc được dự trữ. Những khu vườn mang tên “Vườn chiến thắng” xuất hiện trên những ô đất trống và trong các căn bếp món thịt hầm đậu xanh nhanh chóng mất đi sự hấp dẫn của nó. Những bà mẹ đốc hầu bao của mình để ủng hộ chiến dịch quyên góp cao su. “Phải hy sinh cái gì đó chứ”, họ giải thích. Những người cha cắt dây cao, cắt những cái lốp xe treo trên cây dùng làm cái đu cho con họ xuống. Ủy ban Cứu trợ Trung Hoa đặt được mục tiêu đề ra, mục tiêu quyên góp được mười nghìn đô la, và đích thân ngài thị trưởng của chúng tôi đã gọi điện cho phu nhân của Tổng Giới Thạch thông báo tin tốt lành đó. Một vài đứa con của chúng tôi cố viết thư cho những người bạn Nhật Bản của chúng nhưng chúng không biết mình nên viết gì. Những đứa khác không có bụng dạ nào để viết thư báo cho những người bạn Nhật Bản biết những tin không vui. *Có một thằng con trai mới vào lớp ngồi ở bàn của cậu trong lớp của cô Holden. Tớ không thể tìm thấy chiếc áo len của cậu. Hôm qua con chó của cậu bị xe cán chết rồi. Một bé gái ở North Fremont bị một người bưu tá làm nản lòng vì ông ta nói với cô bé rằng chỉ những kẻ phản bội mới đi thư từ qua lại với người Nhật.*

Những người mới đến bắt đầu chuyển tới những ngôi nhà mà trước kia người Nhật đã ở. Okies và Arkies đến để làm việc phục vụ chiến tranh. Những người nông dân bị trục xuất khỏi Ozarks. Những người da đen nghèo túng đến từ miền Nam mang theo những bọc tư trang lính kỉnh. Những người lang thang và những kẻ chiếm nhà bất hợp pháp. Những người nông thôn quê kệch. Những người không thuộc chủng tộc của chúng tôi. *Một số người thậm chí không biết đánh vần.* Họ làm việc từ mười đến mười lăm tiếng đồng hồ mỗi ngày trong những nhà máy sản xuất đạn dược. Họ sống chen chúc, ba hoặc bốn gia đình nhét nhau trong một ngôi nhà. Họ giặt đồ ở ngay trước cửa nhà trong những cái chậu giặt bé tí. Họ để mặc cho đàn bà và trẻ nhỏ đi lại nhảy nhót lung tung như những con thú hoang. Và vào những ngày cuối tuần, khi họ ngồi trước cổng của những ngôi nhà họ đang ở để hút thuốc, uống rượu cho đến tận khuya thì chúng tôi bắt đầu ước giá mà chúng tôi vẫn được sống bên cạnh những người hàng xóm Nhật Bản lịch sự, không bao giờ gây ồn ào.

Vào cuối mùa hè những tin đồn đầu tiên về những đoàn tàu hỏa bay tới tai chúng tôi từ một nơi xa xôi nào đó. Chúng là những con tàu cổ lỗ sĩ,

người ta nói thế. Là di tích của một thời quá vãng. Những con tàu chạy bằng động cơ hơi nước được đốt bằng than và được trang bị những chiếc đèn dầu cũ kỹ. Mái của những toa tàu phủ đầy phân chim. Những khung cửa sổ tàu đen xì vì bồ hóng. Những con tàu ấy chạy qua hết thị trấn này đến thị trấn khác mà không dừng lại. Những đoàn tàu không có tiếng còi. Chúng chỉ chạy sau khi trời tối. Những đoàn tàu ma, những người nhìn thấy chúng nói vậy. Một số người nói rằng những con tàu ấy chạy lên những con đường dốc cao và hẹp xuyên qua những vùng núi non hiểm trở của Sierra Nevadas: Altamont, Siskiyou, Shasta, Tehachapi. Có người nói rằng những con tàu ấy chạy về rìa phía tây của dãy Rockies. Một người làm nhiệm vụ ghi giờ tàu tại một nhà ga ở Truckee kể rằng ông ta đã nhìn thấy một con tàu và thấy khuôn mặt của một phụ nữ thoáng hiện ra trên con tàu ấy. “Người Nhật”, ông ta nói. Chuyện ấy xảy ra quá nhanh nên thật khó mà chắc chắn được điều đó. Nhà ga không hề được báo trước về lịch trình của con tàu. Người phụ nữ mà ông ta nhìn thấy trông có vẻ mệt mỏi. Cô ta có mái tóc đen được cắt ngắn và có khuôn mặt tròn nhỏ, chúng tôi tự hỏi không biết người phụ nữ ấy có phải là một trong những người Nhật đã từng là hàng xóm của chúng tôi hay không. Có

lẽ là vợ của chủ tiệm giặt Ito. Hoặc đó là người đàn bà luống tuổi bán hoa vào những ngày cuối tuần ở góc phố Edward and State. *Chúng tôi gọi bà ấy là bà bán hoa, đơn giản vậy thôi.* Hoặc cũng có thể đó là một người nào đó mà chúng tôi đã gặp trên đường đi không biết bao nhiêu lần mà không hề để ý đến.

Vào mùa thu không có lễ hội mừng mùa gặt của những người theo đạo Phật ở Phố Chính nữa. Không có Lễ hội hoa cúc. Không có cuộc diễu hành của những chiếc đèn lồng bằng giấy nhấp nhô trên đường phố vào buổi tối. Không còn những đứa trẻ mặc áo kimono tay dài được may bằng vải cotton múa hát theo nhịp trống rộn ràng cho đến tận khuya. Bởi vì người Nhật đã đi rồi, nên những điều ấy không còn nữa. “Bạn lo cho họ thì hãy cầu nguyện cho họ, và bạn phải tiếp tục tiến lên phía trước”, một người về hưu đã sống ở cạnh nhà Ogata hơn mười năm nói. Mỗi khi ông cảm thấy cô đơn, ông lại đi ra ngoài, ngồi tại ghế đá ở công viên. “Tôi nghe tiếng chim hót cho tới khi tôi cảm thấy tâm trạng khá hơn”, ông nói. “Đỡ buồn tôi mới trở về nhà”. Đôi khi vài ngày trôi qua và ông hoàn toàn không nghĩ đến người Nhật. Nhưng rồi ông lại nhìn thấy một gương mặt quen thuộc trên đường phố - cô Nishikawa ở cửa hàng bán mỗi câu, nhưng

có điều lạ là cô không vẫy tay đáp lại lời chào của ông? - hoặc một tin đồn mới bỗng nhiên bay đến tai ông. *Người ta tìm thấy những khẩu súng trường được chôn ở trong vườn mận nhà Koyanagi. Những huy hiệu Rồng Đen được phát hiện trong một ngôi nhà của người Nhật ở Oak.* Hoặc ông nghe thấy tiếng bước chân vang lên phía sau ông trên lối đi nhưng khi ông quay lại ông không thấy bất cứ ai. Và hết lần này đến lần khác ý nghĩ này cứ hiện lên trong đầu ông: Người Nhật đã rời bỏ chúng tôi và chúng tôi không biết họ hiện đang ở đâu.

Khi đợt sương giá đầu tiên xuất hiện thì những khuôn mặt của người Nhật bắt đầu trở nên nhòe nhoẹt và nhạt nhòa trong ký ức của chúng tôi. Tên của họ bắt đầu trốn khỏi bộ nhớ của chúng tôi. Ông ấy tên là Kato hay Sato nhỉ? Chúng tôi không còn nhận được những bức thư của họ nữa. Con của chúng tôi, những đứa trẻ đã từng nhớ quay quắt những đứa bạn người Nhật của chúng, giờ đây không hỏi chúng tôi họ ở đâu. Những đứa con nhỏ nhất của chúng tôi hầu như không còn nhớ nổi họ nữa. “Con nghĩ là con đã từng nhìn thấy một người Nhật”, chúng nói với chúng tôi. Hoặc, “Có phải tất cả họ đều có mái tóc đen phải không ạ?” Và sau một thời gian chúng tôi nhận thấy chính bản thân chúng tôi càng ngày càng hay dùng thì quá khứ khi

nhắc đến họ. Có những ngày chúng tôi quên họ đã từng sống trong cộng đồng của chúng tôi, mặc dù vào lúc đêm khuya hình ảnh của họ thường bất ngờ xuất hiện trong giấc mơ của chúng tôi. *Tôi mơ thấy Elliot, con trai của người ươm cây giống. Cậu ấy bảo tôi đừng lo lắng, họ ổn cả và họ có thừa thức ăn, và còn được chơi bóng chày cả ngày. Và buổi sáng, khi thức giấc, chúng tôi cố giữ họ trong tâm trí, nhưng họ mau chóng biến mất, không còn lờn vờn trong ý nghĩ của chúng tôi nữa.*

Một năm trôi qua, dường như tất cả mọi dấu vết của người Nhật đã biến mất khỏi thị trấn của chúng tôi. Những ngôi sao vàng lấp lánh trong những ô cửa sổ của chúng tôi. Những người phụ nữ trẻ đẹp góa bụa do chiến tranh đẩy những chiếc xe đẩy trong công viên. Trên những lối đi đã xuống cấp bao quanh hồ chứa nước, những con chó được xích bằng những sợi xích dài đi khệnh khà khệnh khạng. Ở khu trung tâm, tại Phố Chính, những bông hoa thủy tiên bùng nở. Khu Liberty Chop Suey chật kín những công nhân của xưởng đóng tàu đến ăn trưa. Những người lính về nghỉ phép đi vắn vơ trên các đường phố và việc kinh doanh tại khách sạn Thiên Đường trở nên bận rộn. Tiệm bán hoa của Kay giờ đây trở thành cửa hàng mang tên Spirit của Foley. Cửa hàng rau quả của Harada giờ

đây được một người đàn ông Trung Quốc tên là Wong tiếp quản, nhưng trông bề ngoài vẫn y như trước, và bất cứ khi nào chúng tôi đi bộ qua đó, không khó để hình dung rằng mọi chuyện vẫn không có gì thay đổi. Nhưng bà Harada không còn ở đây với chúng tôi nữa, và những người Nhật khác cũng đã đi rồi. Giờ đây chúng tôi hiếm khi nhắc đến họ, mặc dù những tin đồn từ bên kia núi thỉnh thoảng vẫn bay đến tai chúng tôi - những thành phố của người Nhật đã mọc lên trên các sa mạc của Nevada và Utah, người Nhật ở Idaho đã bị đưa đi nhốt củ cải đường trên những cánh đồng, và ở Wyoming người ta nhìn thấy một nhóm trẻ em người Nhật run rẩy, đói khát xuất hiện, dò dẫm đi ra từ một khu rừng vào lúc nhá nhem tối. Nhưng đó chỉ là tin đồn thôi, mà tin đồn thì không hẳn là sự thật. Tất cả chúng tôi đều biết rằng người Nhật đang ở một nơi nào đó, không phải nơi này thì là nơi khác, và có lẽ chúng tôi sẽ không còn gặp lại họ trên cõi đời này nữa.

Phật

Ở TÀNG ẤP MÁI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc NGUYỄN THỊ TUYẾT

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Giám đốc - Tổng biên tập KHÚC THỊ HOA PHƯƠNG

Biên tập: Trần Hồng Thúy

Bìa: Ngô Xuân Khôi

Trình bày: Phạm Phương

Sửa bản in: Vũ Phương

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội.

ĐT: (04) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832.

FAX: (04) 39712830

E-mail: nxbphunu@vnn.vn

Website: www.nxbphunu.com.vn

Chi nhánh:

16 Alexandre de Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 38234806

In 1.500 cuốn khổ 13x20,5cm tại Nhà in Hội LHPN Việt Nam, Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội. Giấy xác nhận KHXB số: 1771-2013/CXB/15-128/PN ký ngày 26/11/2013. Giấy QĐXB số: 607/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ BÌNH CHỌN CHO TIỂU THUYẾT PHẬT Ở TẦNG ÁP MÁI:

Tác phẩm lọt vào chung khảo Giải National Book Award 2011.

Đoạt Giải thưởng PEN/Faulkner dành cho tiểu thuyết năm 2012.

Một trong những cuốn sách được yêu thích do tờ Philadelphia Inquirer bình chọn năm 2011.

Một trong những cuốn sách hay nhất của năm 2011 do tờ San Francisco Chronicle bình chọn.

Một trong những cuốn sách đáng để lựa chọn nhất của năm 2011 do tờ Chicago Tribune giới thiệu.

Một trong mười cuốn sách hay nhất năm 2011 do tờ Library Journal bình chọn.

“Cuốn tiểu thuyết này là một tấm thảm đan dệt những niềm hy vọng và những giấc mơ đã đẩy rất nhiều người di cư vượt đại dương đến một đất nước xa lạ. Tác giả đã cho người đọc thấy được những thách thức, những sự chịu đựng và cả niềm vui được chẳng hay chớ mà những người di cư đã tìm thấy ở miền đất mới... Đây là một trải nghiệm về người Nhật di cư được viết bằng sự tinh tế của thi ca, sự tự do của ngôn ngữ, sự chính xác của ý nghĩa, tựa như một bài thơ *Tanka*. Cuốn sách này là một tác phẩm độc đáo và hiếm có”.

WASHINGTON INDEPENDENT
BOOK REVIEW



Ảnh: Nguyễn Á

Dịch giả, nhà văn NGUYỄN BÍCH LAN
sinh năm 1976

Là dịch giả và tác giả của 27 cuốn sách trong
đó có các cuốn nổi tiếng:

- **Triệu phú khu ổ chuột** (nguyên bản tiếng
Anh được chuyển thể thành phim đoạt 8 giải
Oscar năm 2009. Bản dịch được trao Giải
thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010.

- **Cuộc sống không giới hạn của Nick
Vujicic** (xuất bản năm tháng 12/2012).

- **Tự truyện Không gục ngã** (sách Hạt giống
tâm hồn, xuất bản tháng 1/2013).

“Otsuka đã thật tài tình khi tạo ra một dàn hợp xướng của những
giọng người không thể nào quên được, những giọng người vang vọng
suốt không gian của cuốn tiểu thuyết mỏng nhưng rất hấp dẫn này,
những giọng người kể về một thời mà không người Mỹ nào có thể
quên được”.

MINNEAPOLIS STARTRIBUNE

“Một tác phẩm giàu chất thơ... Bà đã gọi lại những tiếng nói bị
lãng quên của cả một thế hệ phụ nữ Mỹ gốc Nhật Bản mà không
làm mất đi trải nghiệm riêng biệt của mỗi cá nhân. Đây thực sự
là một kiệt tác.”

CHRONICLE

“Táo bạo và đặc sắc...cô đọng , chân thực, hoàn hảo.”

WOMEN'S REVIEW OF BOOKS

